

# MỘT SỐ BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN HÀM SỐ BẬC NHẤT

Thạc sỹ: Bùi Thị Dần

Trường PTTH CLC Nguyễn Tất thành

Email: [buithidanhb@gmail.com](mailto:buithidanhb@gmail.com)

**Tóm tắt:** Trong bài viết này, tác giả đưa ra một số bài toán liên quan đến hàm số bậc nhất như: Xác định hàm số bậc nhất, vẽ đồ thị của hàm số; Xét tính đồng biến, nghịch biến của hàm số bậc nhất; Tương giao giữa hai đường thẳng; Lập phương trình đường thẳng thỏa mãn một số điều kiện cho trước; Tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số; Tìm điểm cố định mà đồ thị hàm số luôn đi qua với mọi giá trị của tham số, tìm quỹ tích, tính khoảng cách; ...

**Từ khóa:** Hàm số bậc nhất, đồ thị, đường thẳng, điểm cố định, diện tích.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 của tỉnh Hòa Bình, môn toán là môn thi bắt buộc đối với học sinh, ở các trường THPT hay một số chuyên của Trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ môn toán được tính hệ số 2 nên nó có vai trò quan trọng quyết định kết quả của thí sinh dự thi. Vì thế mỗi giáo viên dạy lớp 9 nói chung và giáo viên làm công tác ôn thi nói riêng luôn phải nhận thức rõ nhiệm vụ, luôn học hỏi để tìm ra các giải pháp phù hợp với đối tượng học sinh lớp mình giảng dạy. Thực tế giảng dạy cho thấy, việc giáo viên ôn thi có định hướng tốt các nội dung kiến thức trọng tâm sẽ góp phần cải thiện đáng kể kết quả của các em, qua đó nâng cao chất lượng bộ môn.

Trong đề thi vào lớp 10 của tỉnh Hòa Bình những năm qua, thường xuất hiện các bài toán về hàm số bậc nhất. Đây là chủ đề không khó nhưng học sinh nhưng nhiều em không đạt được điểm tối đa vì lí do chủ quan, dành ít thời gian ôn tập chủ đề này. Để giúp học sinh có những cách tiếp cận nhanh nhất, hiệu quả nhất trong việc giải các bài toán về hàm số bậc nhất, qua đó góp phần cải thiện điểm số trong bài thi vào lớp 10, tôi đã chọn viết bài: “Một số bài toán liên quan đến hàm số bậc nhất”. Bài viết có tổng hợp phân dạng cụ thể giúp các em dễ dàng tiếp cận kiến thức, tích lũy kiến thức và vận dụng vào làm bài thi để đạt được kết quả cao nhất.

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### II.1. Nghiên cứu cơ sở lí luận

Phần đại số lớp 9 và tham khảo một số tài liệu có nội dung về hàm số bậc nhất, một số đề thi vào lớp 10.

## II.2. Nghiên cứu cơ sở thực tiễn

Thông qua thực tế giảng dạy, trao đổi, nắm bắt tình hình học tập của học sinh, phương pháp dạy học và kinh nghiệm của bản thân.

Tổng hợp các bài toán trong sách giáo khoa, sách bài tập và sách tham khảo toán lớp 9 và một số đề thi vào lớp 10.

## III. KẾT QUẢ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu liên quan đến hàm số bậc nhất, tác giả thu được một số kết quả như sau:

### III.1. Hàm số bậc nhất

#### a) Định nghĩa

Hàm số bậc nhất là hàm số được cho bởi công thức  $y = ax + b$  trong đó  $a; b$  là các số cho trước và  $a \neq 0$ .

#### b) Tính chất

- Hàm số bậc nhất  $y = ax + b$  ( $a \neq 0$ ) xác định với mọi giá trị của  $x \in R$ .
- Hàm số đồng biến trên  $R$  khi  $a > 0$ .
- Hàm số nghịch biến trên  $R$  khi  $a < 0$ .

#### c) Đồ thị

- Đồ thị của hàm số  $y = ax + b$  ( $a \neq 0$ ) là một đường thẳng.
- Để vẽ đồ thị hàm số  $y = ax + b$  ( $a \neq 0$ ) ta xác định 2 điểm thuộc đường thẳng.
- Đồ thị hàm số  $y = ax + b$  ( $a \neq 0$ ) cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng  $b$ ;
- Đồ thị hàm số  $y = ax + b$  ( $a \neq 0$ ) được gọi là đường thẳng  $y = ax + b$ ,  $a$  được gọi là hệ số góc của đường thẳng.

#### d) Góc tạo bởi đồ thị hàm số bậc nhất và trục $Ox$

Gọi  $\alpha$  là góc tạo bởi đường thẳng  $y = ax + b$  ( $a \neq 0$ ) và trục  $Ox$ . Nếu  $a > 0$  thì  $\alpha < 90^\circ$ , nếu  $a < 0$  thì  $\alpha > 90^\circ$ ,

#### e) Vị trí tương đối của hai đường thẳng

Cho hai đường thẳng  $(d)$ :  $y = ax + b$  và  $(d')$ :  $y = a'x + b'$ .

- $(d)$  và  $(d')$  cắt nhau  $\Leftrightarrow a \neq a'$

$$- (d) \text{P}(d') \Leftrightarrow \begin{cases} a = a' \\ b \neq b' \end{cases}$$

$$- (d) \equiv (d') \Leftrightarrow \begin{cases} a = a' \\ b = b' \end{cases}$$

$$- (d) \perp (d') \Leftrightarrow a \cdot a' = -1$$

### III.2. Một số dạng bài tập liên quan đến hàm số bậc nhất

Bài tập về hàm số bậc nhất lớp 9 có nhiều dạng nhưng để tập trung vào ôn thi vào lớp 10 đạt hiệu quả, tôi chia ra thành hai mảng:

Thứ nhất là dạng bài dành cho đối tượng học sinh đại trà, tập trung ôn luyện cho học sinh những dạng bài cơ bản sẽ xuất hiện trong đề thi.

Thứ hai là các dạng bài nâng cao dành cho đối tượng học sinh giỏi thi vào trường chuyên.

Sau đây là các dạng bài, câu hỏi thường gặp, cách giải quyết và những chú ý mà học sinh hay bị trừ điểm, cách khắc phục lỗi mà học sinh hay gặp.

#### a) Dạng 1: Xác định hàm số bậc nhất, vẽ đồ thị của hàm số

**Ví dụ 1:** Cho hàm số bậc nhất  $y = (m+2)x - 3$ . Tìm  $m$  để đồ thị hàm số cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng  $-1$ . Vẽ đồ thị hàm số ứng với  $m$  vừa tìm được.

*Giải*

+ Hàm số  $y = (m+2)x - 3$  là hàm số bậc nhất khi  $m+2 \neq 0 \Leftrightarrow m \neq -2$ .

Vì đồ thị hàm số cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng  $-1$  nên  $(-1; 0)$  thuộc đồ thị hàm số  $\Leftrightarrow (m+2) \cdot (-1) - 3 = 0 \Leftrightarrow m = -5$  (thỏa mãn).

Vậy  $m = -5$

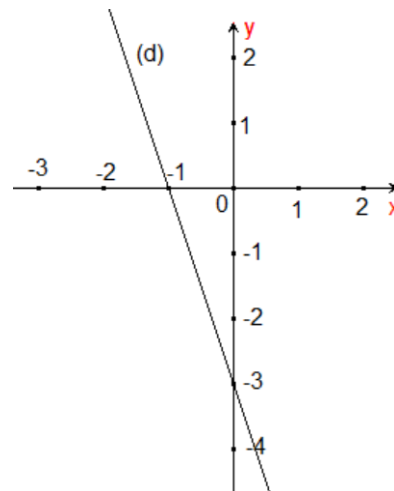
+ Với  $m = -5$  thì hàm số trở thành:

$$y = -3x - 3$$

$$\text{Với } x = 0 \Rightarrow y = -3;$$

$$\text{Với } y = 0 \Rightarrow x = -1.$$

Đồ thị hàm số  $y = -3x - 3$  là đường thẳng đi qua 2 điểm  $(0; -3)$  và  $(-1; 0)$ .



*Qua ví dụ 1, cần làm rõ cách tìm m:*

*Bước 1:* Tìm điều kiện để hàm số là hàm số bậc nhất (HS hay quên và bỏ qua bước này, để khắc phục, trong quá trình dạy giáo viên luôn yêu cầu học sinh đọc hiểu đề, gạch chân từ quan trọng, xác định kiến thức liên quan, nhớ lại từng bước để giải quyết bài toán rồi mới trình bày lời giải, không vì dễ mà chủ quan)

*Bước 2:* Xác định  $m$  bằng cách thay tọa độ  $(x; y)$  đã biết vào hàm số để tìm  $m$ . Ở bước này cần cho học sinh hiểu rõ các thuật ngữ toán học liên quan như: trục tung, trục hoành, tung độ, hoành độ, ...

*Bước 3:* Đối chiếu  $m$  tìm được với điều kiện rồi kết luận (HS hay quên bước này)

**Ví dụ 2:** (TS lớp 10 Hưng Yên 2016)

Xác định tọa độ các điểm  $A$  và  $B$  thuộc đồ thị hàm số  $y = 2x - 6$ , biết điểm  $A$  có hoành độ bằng 0 và điểm  $B$  có tung độ bằng 0.

*Giải:* Điểm  $A$  thuộc đường thẳng  $y = 2x - 6$  mà hoành độ  $x = 0 \Rightarrow$  tung độ  $y = -6$ .

Điểm  $B$  thuộc đường thẳng  $y = 2x - 6$  mà tung độ  $y = 0 \Rightarrow$  hoành độ  $x = 3$ . Vậy  $(0; -3)$  và  $B(3;0)$ .

## **b) Dạng 2: Xét tính đồng biến, nghịch biến của hàm số bậc nhất**

*Cách giải:* Sử dụng tính chất

Hàm số  $y = ax + b$  đồng biến trên  $R$  khi  $a > 0$ , nghịch biến trên  $R$  khi  $a < 0$ .

**Ví dụ 1:** Tìm tất cả các giá trị của  $m$  để hàm số  $y = (2 - m)x + m - 3$  đồng biến trên  $R$ .

*Giải:* Để hàm số  $y = (2 - m)x + m - 3$  đồng biến trên  $R$  thì  $2 - m > 0 \Leftrightarrow m < 2$ .

Vậy  $m < 2$ .

Đây là một dạng bài quen thuộc, hầu hết học sinh đều biết cách làm, tuy nhiên cần chú ý chia cả hai vế của bất phương trình cho số âm.

**Ví dụ 2:** (TS lớp 10 Bến Tre 2021)

Cho hàm số bậc nhất  $y = \sqrt{7 - \sqrt{18}}x + 2020$ .

a) Hàm số trên đồng biến hay nghịch biến trên  $R$ ? Vì sao?

b) Tính giá trị của  $y$  khi  $x = \sqrt{7 + \sqrt{18}}$ .

*Giải:* a) Hàm số  $y = \sqrt{7 - \sqrt{18}}x + 2020$  có  $a = \sqrt{7 - \sqrt{18}} > 0$  nên hàm số đã cho đồng biến trên  $R$ .

b) Khi  $x = \sqrt{7 + \sqrt{18}}$  ta có  $y = \sqrt{7 - \sqrt{18}} \cdot \sqrt{7 + \sqrt{18}} + 2020 \Leftrightarrow y = \sqrt{31} + 2020$

**Nhận xét:** Đây là dạng bài về hàm số nhưng phải sử dụng công thức biến đổi căn.

### c) Dạng 3: Tương giao giữa hai đường thẳng

#### \*) Tương giao giữa hai đường thẳng

**Cách giải:** Sử dụng tính chất về vị trí tương đối giữa hai đường thẳng.

Sau khi sử dụng các công thức đó ta sẽ đưa chúng về bài giải phương trình hoặc hệ phương trình. Từ đó tìm được giá trị của tham số.

**Ví dụ 1:** (TS Lớp 10 Hòa Bình 2019) Cho đường thẳng  $(d): y = 2x - 2$ . Tìm  $m$  để đường thẳng  $(d'): y = (m - 1)x + 2m$  song song với đường thẳng  $(d)$ .

*Giải:*  $(d) \parallel (d') \Leftrightarrow \begin{cases} m - 1 = 2 \\ 2m \neq -2 \end{cases} \Leftrightarrow m = 3.$

**Ví dụ 2:** (TS Lớp 10 Bình Thuận 2021)

Cho hàm số  $y = mx + n$  có đồ thị là  $(d)$ . Tìm giá trị  $m$  và  $n$  biết  $(d)$  song song với đường thẳng  $(d'): y = x + 3$  và đi qua điểm  $M(2; 4)$ .

*Giải:*  $(d) \parallel (d') \Leftrightarrow \begin{cases} m = 1 \\ n \neq 3 \end{cases} (1).$

Vì  $M(2; 4) \in (d)$  nên  $2m + n = 4$  (2)

Từ (1) và (2) ta có:  $\begin{cases} m = 1 \\ n = 2 \end{cases}$

Vậy  $m = 1, n = 2$ .

**Ví dụ 3:** (TS Lớp 10 Đồng Nai 2021) Tìm các tham số thực  $m$  để hai đường thẳng  $y = 2x$  và  $y = (m^2 + m)x + 1$  cắt nhau.

*Giải:* Đường thẳng  $y = 2x$  và  $y = (m^2 + m)x + 1$  cắt nhau khi:

$$\begin{aligned} m^2 + m &\neq 2 \\ \Leftrightarrow m^2 + m - 2 &\neq 0 \\ \Leftrightarrow (m + 2)(m - 1) &\neq 0 \end{aligned}$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} m \neq 1 \\ m \neq -2 \end{cases}$$

Vậy  $m \neq 1; m \neq -2$

**\*) Tìm tọa độ giao điểm của hai đường thẳng**

Cách làm: Tọa độ giao điểm  $M$  của hai đường thẳng  $(d): y = ax + b$  và

$(d'): y = a'x + b'$  là nghiệm của hệ phương trình: 
$$\begin{cases} y = ax + b \\ y = a'x + b' \end{cases}$$

Giải hệ phương trình này ta được  $x_M$  và  $y_M$ .

Kết luận: Tọa độ giao điểm của hai đường thẳng là  $M(x_M; y_M)$ .

**Ví dụ 1:** TS lớp 10 Hòa Bình 2021 Tìm tọa độ giao điểm của hai đường thẳng  $(d_1): y = 2x - 5$  và  $(d_2): y = 3x - 2$ .

**Giải:** Tọa độ giao điểm của  $(d_1)$  và  $(d_2)$  là nghiệm của hệ phương trình 
$$\begin{cases} y = 2x - 5 \\ y = 3x - 2 \end{cases}$$

Giải hệ phương trình ta được: 
$$\begin{cases} x = -3 \\ y = -11 \end{cases}$$

Vậy tọa độ giao điểm của  $(d_1)$  và  $(d_2)$  là  $(-3; -11)$ .

**Ví dụ 2:** (TS lớp 10 Thái Nguyên)

Tìm giá trị của tham số  $k$  để đường thẳng  $(d_1): y = -x + 2$  cắt đường thẳng  $(d_2): y = 2x + 3 - k$  tại một điểm nằm trên trục hoành.

**Giải:** Ta thấy hai đường thẳng  $(d_1)$  và  $(d_2)$  luôn cắt nhau.

+ Đường thẳng  $(d_1)$  cắt trục hoành tại điểm  $(2; 0)$ .

+ Đường thẳng  $(d_2)$  cắt trục hoành tại điểm  $\left(\frac{k-3}{2}; 0\right)$

+ Để hai đường thẳng  $(d_1)$  và  $(d_2)$  cắt nhau tại một điểm trên trục hoành thì

$$\frac{k-3}{2} = 2 \Leftrightarrow k = 7$$

Vậy  $k = 7$

**Ví dụ 3:** Cho 3 đường thẳng:  $(d_1): y = x + 3; (d_2): y = -x + 1$  và  $(d_3): y = x - m - 2$ .

Tìm  $m$  để 3 đường thẳng trên đồng quy.

**Giải:** Tọa độ giao điểm  $A$  của đường thẳng  $(d_1)$  và  $(d_2)$  là nghiệm của hệ phương trình:

$$\begin{cases} y = x + 3 \\ y = -x + 1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = -1 \\ y = 2 \end{cases}$$

Để 3 đường thẳng trên đồng quy thì đường thẳng  $(d_3)$  cũng phải đi qua  $A$

$$\Leftrightarrow 2 = -1 - m - 2 \Leftrightarrow m = -5$$

Vậy  $m = -5$

#### d) Dạng 4. Lập phương trình đường thẳng thỏa mãn một số điều kiện cho trước

Chúng ta thường gặp các dạng sau:

- Lập phương trình đường thẳng  $(d)$  đi qua 2 điểm  $A(x_A; y_A)$  và  $B(x_B; y_B)$ .

*Cách giải:* Giả sử đường thẳng  $(d)$  có dạng:  $y = ax + b$  (\*)

Vì  $(d)$  đi qua  $A$  và  $B$  nên ta có hệ phương trình: 
$$\begin{cases} y_A = a.x_A + b \\ y_B = a.x_B + b \end{cases}$$

Giải hệ phương trình này ta được  $a$  và  $b$  sau đó thay vào (\*) ta được phương trình đường thẳng cần tìm.

- Lập phương trình đường thẳng  $(d)$  đi qua  $A(x_A; y_A)$  và biết hệ số góc là  $k$ .

*Cách giải:* Giải phương trình  $y_A = k.x_A + b$  ta tìm được  $b$ .

- Lập phương trình đường thẳng  $(d)$  đi qua  $A(x_A; y_A)$  và song song với đường cho trước.

*Cách giải:* Tìm  $a$  nhờ tính chất của hai đường thẳng song song ( $a = a'; b \neq b'$ )

Giải phương trình:  $y_A = a'.x_A + b$  ta tìm được  $b$ .

**Ví dụ 1:** (TS lớp 10 Hòa Bình 2023)

Trong mặt phẳng tọa độ  $Oxy$ , cho đường thẳng  $(d): y = ax + b$ . Tìm  $a$  và  $b$  để đường thẳng  $(d)$  đi qua hai điểm  $A(1; 3)$  và  $B(2; 5)$ .

*Giải:*  $(d)$  đi qua hai điểm  $A(1; 3)$  và  $B(2; 5) \Leftrightarrow \begin{cases} a + b = 3 \\ 2a + b = 5 \end{cases}$

Giải hệ phương trình ta được:  $a = 2; b = 1$ .

**Ví dụ 2:** Cho hai điểm  $A(1; 1)$  và  $B(2; -1)$ .

a) Viết phương trình đường thẳng  $AB$ .

b) Tìm các giá trị của  $m$  để đường thẳng  $y = (m^2 - 3m)x + m^2 - 2m + 2$  song song với đường thẳng  $AB$  đồng thời đi qua điểm  $C(0; 2)$ .

*Giải*

a) Giả sử phương trình đường thẳng  $AB$  có dạng  $y = ax + b$ .

Do đường thẳng đi qua hai điểm  $A$  và  $B$  nên: 
$$\begin{cases} 1 = a + b \\ -1 = 2a + b \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} a = -2 \\ b = 3 \end{cases}$$

Vậy phương trình đường thẳng  $AB$  là  $y = -2x + 3$ .

b) Để đường thẳng  $y = (m^2 - 3m)x + m^2 - 2m + 2$  song song với đường thẳng  $AB$  đồng thời đi qua điểm  $C$  ta cần:

$$\begin{cases} m^2 - 3m = -2 \\ m^2 - 2m + 2 = 2 \end{cases} \Leftrightarrow m = 2$$

Vậy  $m = 2$ .

**e) Dạng 5: Tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số**

*Cách giải:*

*Bước 1:* Vẽ đồ thị

*Bước 2:* Dựa vào công thức tính diện tích các hình đã học (chương 2- Hình 8) để tính diện tích theo yêu cầu (có thể chia ra thành nhiều hình nhỏ hoặc bao nó bởi một hình rồi trừ đi phần thừa)

*Ví dụ:* (TS lớp 10 Hòa Bình 2023)

Trong mặt phẳng tọa độ  $Oxy$ , cho đường thẳng  $(d): y = (m + 2)x + 3$ . Tìm giá trị của  $m$  để đường thẳng  $(d)$  cắt hai trục  $Ox, Oy$  lần lượt tại 2 điểm  $A$  và  $B$  sao cho tam giác  $AOB$  cân.

*Giải:* ĐK:  $m \neq -2$

$$A\left(\frac{-3}{m+2}; 0\right) \Rightarrow OA = \left| \frac{-3}{m+2} \right| = \frac{3}{|m+2|}$$

$$B(0; 3) \Rightarrow OB = 3$$

Ta có tam giác  $AOB$  cân tại  $O$  nên  $OA = OB \Leftrightarrow \left| \frac{3}{m+2} \right| = 3$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} \frac{3}{m+2} = 3 \\ \frac{3}{m+2} = -3 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} m = -1 \text{ (TM)} \\ m = -3 \text{ (TM)} \end{cases}$$



**f) Dạng 6: (Ôn tập cho học sinh khá giỏi) Tìm điểm cố định mà đồ thị hàm số luôn đi qua với mọi giá trị của tham số, tìm quỹ tích, tính khoảng cách**

**- Tìm điểm cố định:**

*Cách giải:* Giả sử hàm số đã cho có chứa tham số  $m$  có dạng:  $y = f(x)$

Bước 1: Biến đổi từ phương trình ẩn  $x, y$  thành phương trình ẩn  $m$ .

Bước 2: Sử dụng kiến thức về nghiệm của phương trình:  $Am + B = 0$  có nghiệm với mọi  $m$  khi  $A = B = 0$ . Từ đó tìm được điểm cố định.

**Ví dụ 1:** Cho hàm số  $y = (m - 1)x + m + 3$ .

Tìm điểm cố định mà đồ thị của hàm số luôn đi qua với mọi  $m$ .

*Giải:* Gọi điểm cố định mà đồ thị luôn đi qua là  $(x_0; y_0)$ . Ta có

$y_0 = (m - 1)x_0 + m + 3$  đúng với mọi  $m$

$\Leftrightarrow (x_0 - 1)m - x_0 - y_0 + 3 = 0$  đúng với mọi  $m$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} x_0 - 1 = 0 \\ -x_0 - y_0 + 3 = 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x_0 = 1 \\ y_0 = 2 \end{cases}$$

Vậy với mọi  $m$  thì đồ thị luôn đi qua điểm cố định  $(1; 2)$

**Ví dụ 2:** Cho đường thẳng  $mx + (2 - 3m)y + m - 1 = 0$  ( $d$ ).

a) Tìm điểm cố định mà đường thẳng ( $d$ ) luôn đi qua.

b) Tìm  $m$  để khoảng cách từ gốc tọa độ đến đường thẳng ( $d$ ) là lớn nhất.

c) Tìm  $m$  để đường thẳng ( $d$ ) cắt các trục tọa độ  $Ox, Oy$  lần lượt tại  $A, B$  sao cho tam giác  $OAB$  cân.

*Giải*

a) Gọi  $I(x_0; y_0)$  là điểm cố định mà đường thẳng ( $d$ ) luôn đi qua với mọi  $m$  khi đó ta có:  $mx_0 + (2 - 3m)y_0 + m - 1 = 0 \quad \forall m$

$\Leftrightarrow m(x_0 - 3y_0 + 1) + 2y_0 - 1 = 0 \quad \forall m$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} x_0 - 3y_0 + 1 = 0 \\ 2y_0 - 1 = 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x_0 = \frac{1}{2} \\ y_0 = \frac{1}{2} \end{cases} \Leftrightarrow I\left(\frac{1}{2}; \frac{1}{2}\right).$$

b) Gọi  $H$  là hình chiếu vuông góc của  $O$  lên đường thẳng ( $d$ ).

Ta có:  $OH \leq OI$  suy ra  $OH$  lớn nhất bằng  $OI$  khi và chỉ khi  $H \equiv I \Leftrightarrow OI \perp (d)$ .

Đường thẳng qua  $O$  có phương trình:  $y = ax$  do

$$I\left(\frac{1}{2}; \frac{1}{2}\right) \in OI \Rightarrow \frac{1}{2} = a \cdot \frac{1}{2} \Leftrightarrow a = 1 \Rightarrow OI: y = x.$$

Đường thẳng  $(d)$  được viết lại như sau:

$$mx + (2 - 3m)y + m - 1 = 0 \Leftrightarrow (2 - 3m)y = -mx + 1 - m.$$

+ Với  $m = \frac{2}{3}$  thì đường thẳng  $(d): x - \frac{1}{2} = 0$  song song với trục  $Oy$  nên khoảng

cách từ  $O$  đến  $(d)$  là  $\frac{1}{2}$ . +

Nếu  $m \neq \frac{2}{3}$  đường thẳng  $(d)$  có thể viết lại:  $y = \frac{m}{3m-2}x + \frac{m-1}{3m-2}$ .

Điều kiện để  $(d) \perp OI$  là  $\frac{m}{3m-2} \cdot 1 = -1 \Leftrightarrow m = 2 - 3m \Leftrightarrow m = \frac{1}{2}$ .

Khi đó khoảng cách  $OI = \sqrt{\left(\frac{1}{2}\right)^2 + \left(\frac{1}{2}\right)^2} = \frac{\sqrt{2}}{2}$ .

Vậy  $m = \frac{1}{2}$  là giá trị cần tìm.

a) Ta có thể giải bài toán theo 2 cách sau:

+ ) Cách 1: Dễ thấy  $m = \frac{2}{3}$  không thỏa mãn điều kiện (Do  $(d)$  không cắt  $Oy$ ).

Xét  $m \neq \frac{2}{3}$ , đường thẳng  $(d)$  cắt  $Ox, Oy$  tại các điểm  $A, B$  tạo thành tam giác cân

$OAB$ , do góc  $AOB = 90^\circ \Rightarrow \Delta OAB$  vuông cân tại  $O$ . Suy ra hệ số góc của đường thẳng  $(d)$  phải bằng 1 hoặc  $-1$  và đường thẳng  $(d)$  không đi qua gốc  $O$

$$\begin{cases} \frac{m}{3m-2} = 1 \\ \frac{m}{3m-2} = -1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} m = 1 \\ m = \frac{1}{2} \end{cases}.$$

Ta thấy chỉ có giá trị  $m = \frac{1}{2}$  là thỏa mãn điều kiện bài toán.

+ ) Cách 2: Dễ thấy  $m = \frac{2}{3}, m = 0$  không thỏa mãn điều kiện

Xét  $m \neq 0; \frac{2}{3}$ , đường thẳng  $(d)$  có thể viết lại:  $y = \frac{m}{3m-2}x + \frac{m-1}{3m-2}$ .

Đường thẳng  $(d)$  cắt trục  $Ox$  tại điểm  $A$  có tung độ bằng 0 nên

$$\frac{m}{3m-2}x + \frac{m-1}{3m-2} = 0 \Leftrightarrow x = \frac{1-m}{m} \Rightarrow A\left(\frac{1-m}{m}; 0\right) \Rightarrow OA = \left|\frac{1-m}{m}\right|$$

đường thẳng  $(d)$  cắt trục  $Oy$  tại điểm có hoành độ bằng 0 nên

$$y = \frac{m-1}{3m-2} \Rightarrow B\left(0; \frac{m-1}{3m-2}\right) \Rightarrow OB = \left|\frac{m-1}{3m-2}\right|.$$

Điều kiện để tam giác  $OAB$  cân là:

$$OA = OB \Leftrightarrow \left|\frac{1-m}{m}\right| = \left|\frac{m-1}{3m-2}\right| \Leftrightarrow \begin{cases} m=1 \\ |m|=|3m-2| \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} m=1 \\ m=\frac{1}{2} \end{cases}.$$

Giá trị  $m=1$  không thỏa mãn, do đường thẳng  $(d)$  đi qua gốc tọa độ.

$$\text{Vậy } m = \frac{1}{2}.$$

### III.3. Bài tập tham khảo

**Bài 1:** (TS Lớp 10 Hòa Bình 2023)

Trong mặt phẳng tọa độ  $Oxy$  cho đường thẳng  $(d): y = x + 3$ .

a) Vẽ đường thẳng  $(d)$ .

b) Tìm giá trị của  $m$  để đường thẳng  $(d')$ :  $y = 2x + m - 1$  cắt đường thẳng  $(d)$  tại một điểm trên trục tung.

**Bài 2:** (TS Lớp 10 Hòa Bình 2022)

Tìm  $m$  để đồ thị hàm số  $y = (m+2)x - 3$  đi qua điểm  $A(-2; 3)$ .

**Bài 3:** (TS Lớp 10 Hòa Bình 2021)

Tìm  $m$  để hàm số  $y = (3m+10)x - m + 2$  đồng biến trên  $R$ .

**Bài 4:** (TS lớp 10 Hòa Bình 2022) Tìm  $m$  để các đường thẳng:  $y = 2x + 4$  ( $d$ );

$y = 3x + 5$  ( $d'$ );  $y = -2mx + m - 3$  ( $\Delta$ ) cùng đi qua một điểm.

**Bài 5:** Cho đường thẳng  $(d_1): y = (m+1)x + 2$  và đường thẳng  $(d_2): y = 2x + 1$ .

a) Xác định tọa độ giao điểm của 2 đường thẳng trên theo  $m$ .

b) Tìm  $m$  sao cho  $(d_1)$  và  $(d_2)$  cắt nhau tại một điểm mà hoành độ và tung độ của điểm đó trái dấu.

**Bài 6:** Cho 2 đường thẳng  $(d_1): y = (m+1)x + 1$  và  $(d_2): y = 2x + 2$ .

a) Xác định tọa độ giao điểm của chúng theo  $m$ .

b) Tìm  $m$  để 2 đường thẳng trên cắt nhau tại 1 điểm sao cho hoành độ và tung độ của điểm đó cùng dấu.

**Bài 7:** (TS lớp 10 Hòa Bình 2022)

Cho đường thẳng  $(d): y = ax + b$ . Tìm  $a$  và  $b$  để đường thẳng  $(d)$  đi qua điểm  $A(-1; 3)$  và song song với đường thẳng  $(d'): y = 5x + 3$ .

**Bài 8:** (TS lớp 10 Hòa Bình 2021)

Cho hai đường thẳng  $(d): y = (m-3)x + 16$  và  $(d'): y = x + 2$ . Tìm  $m$  để  $(d)$  và  $(d')$  cắt nhau tại một điểm có hoành độ bằng 1.

**Bài 9:** Cho hai đường thẳng:

$$(d_1): mx + (m-1)y - 2m + 1 = 0, (d_2): (1-m)x + my - 4m + 1 = 0$$

a) Tìm các điểm cố định mà  $(d_1), (d_2)$  luôn đi qua.

b) Tìm  $m$  để khoảng cách từ điểm  $P(0;4)$  đến đường thẳng  $(d_1)$  là lớn nhất.

c) Chứng minh hai đường thẳng trên luôn cắt nhau tại điểm  $I$ . Tìm quỹ tích điểm  $I$  khi  $m$  thay đổi.

d) Tìm giá trị lớn nhất của diện tích tam giác  $IAB$  với  $A, B$  lần lượt là các điểm cố định mà  $(d_1), (d_2)$  đi qua.

#### IV. KẾT LUẬN

Trên đây là một số bài toán liên quan đến hàm số bậc nhất mà tác giả tìm hiểu được và tác giả muốn giới thiệu cho học sinh lớp 9 và bạn đọc.

Qua bài viết này, tác giả hi vọng:

- Học sinh tiếp cận hàm số bậc nhất một cách đơn giản nhưng hiệu quả.
- Học sinh có cái nhìn tổng quát về hàm số bậc nhất và các bài toán liên quan đến nó, góp phần giúp các em tự tin hơn trong các kì thi.
- Kích thích học sinh tìm hiểu thêm các bài toán khác về phương trình bậc hai mà tác giả không trình bày bài viết cũng như hứng thú hơn khi tìm hiểu các bài toán khác trong quá trình học.
- Biết lựa chọn cho mình phương án tối ưu khi làm việc để đạt hiệu quả cao nhất qua đó phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

## V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Đức Chính (Tổng chủ biên) - Tôn Thân (Chủ biên) – Nguyễn Huy Hoan -Phạm Gia Đức – Trương Công Thành – Nguyễn Duy Thuận, *Sách giáo khoa Toán 9 tập 2*, NXB Giáo dục, 2019
2. Tôn Thân (Chủ biên) – Phạm Gia Đức – Trần Hữu Nam – Phạm Đức Quang – Trương Công Thành – Nguyễn Duy Thuận, *Sách bài tập Toán 9 tập 2*, NXB Giáo dục, 2019
3. Các đề thi tuyển sinh vào 10 tỉnh Hòa Bình.

## THIẾT KẾ VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN PHẦN VẬT LÝ THEO HƯỚNG TĂNG CƯỜNG GẮN KẾT VỚI CUỘC SỐNG

Thạc sỹ: Bùi Thị Ngọc Hải

Email: [ngochaicdsp@gmail.com](mailto:ngochaicdsp@gmail.com)

*Tóm tắt: Chương trình Giáo dục phổ thông môn Khoa học tự nhiên ban hành năm 2018 có nhiều điểm mới trong đó điển hình là quan điểm tăng cường gắn kết với cuộc sống, giúp người học thành những nhà khoa học thực nghiệm trong cuộc sống hàng ngày và phát triển được những phẩm chất, năng lực chung đã quy định. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, một số giáo viên chưa quen khi dạy theo chương trình mới, còn lúng túng khi thiết kế bài học theo định hướng mới. Bài viết này nhằm giới thiệu cách tiếp cận, thiết kế và tổ chức dạy học vật lý theo hướng tăng cường gắn kết với cuộc sống, minh họa qua khai thác chủ đề 4: Âm thanh môn Khoa học tự nhiên 7 (Phần vật lý) mà điển hình là bài Phản xạ âm.*

### 1. Đặt vấn đề

Vật lý có quan hệ với mọi ngành khoa học thường được gọi là cơ sở của các ngành khoa học tự nhiên, các khái niệm, định luật, nguyên lý của vật lý được sử dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực của khoa học tự nhiên, đặc biệt nhiều thiết bị con người sử dụng hàng ngày ít nhiều đều gắn với những thành tựu của nghiên cứu vật lý.

Môn Khoa học tự nhiên không chỉ là nơi học sinh tiếp tục khám phá và phát triển những hiểu biết từ trước mà còn là bước đệm quan trọng để học sinh mở rộng tầm nhìn và hiểu biết về thế giới xung quanh. Được xây dựng trên nền tảng của các ngành khoa

học như vật lý, hóa học, sinh học, và khoa học Trái Đất, môn học này đặt ra nhiệm vụ nghiên cứu về các sự vật, hiện tượng và quá trình tự nhiên, nhằm hiểu rõ về những thuộc tính cơ bản của sự tồn tại và vận động trong thế giới tự nhiên. Đồng thời, chương trình môn Khoa học tự nhiên được thiết kế sao cho nội dung giáo dục về các nguyên lý và khái niệm chung nhất của thế giới tự nhiên được tích hợp một cách hài hòa, tuân thủ nguyên tắc tự nhiên, đồng thời bảo đảm sự logic và hệ thống trong từng bài học.

Môn Khoa học tự nhiên không chỉ đưa học sinh đến gần với thế giới tự nhiên mà còn biến họ thành những nhà khoa học thực nghiệm trong cuộc sống hàng ngày. Bản chất của khoa học tự nhiên nằm ở việc thực nghiệm và điều này được thể hiện mạnh mẽ thông qua những buổi thực hành, thí nghiệm cụ thể trong phòng thực hành và phòng học bộ môn, cũng như tại các địa điểm thực tế và cơ sở sản xuất. Đây không chỉ là một phương pháp giảng dạy, mà còn là một trải nghiệm đặc sắc, đậm chất khoa học và có ý nghĩa sâu sắc trong quá trình học.

Xong thực tiễn cho thấy, một số học sinh còn khá lúng túng khi vận dụng các kiến thức đã học của vật lý để giải thích các ứng dụng của vật lý trong đời sống. Do vậy muốn học sinh học tốt môn Khoa học tự nhiên (Phần vật lý) thì phải cho học sinh thấy được ứng dụng rộng rãi của vật lý trong đó có ứng dụng trong đời sống từ đó khơi gợi động cơ học tập cho học sinh giúp học sinh say sưa tìm hiểu, dần yêu thích và học tốt môn Khoa học tự nhiên (phần Vật lý).

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Ô nhiễm tiếng ồn là gì?**

Ô nhiễm tiếng ồn cũng thuộc một trong những loại ô nhiễm môi trường khá nghiêm trọng. Có thể hiểu đơn giản ô nhiễm môi trường là một môi trường mà ở đó âm thanh vượt quá ngưỡng quy định. Điều này sẽ làm ảnh hưởng đến thính giác và tạo cảm giác khó chịu, ức chế cho con người khi sống ở trong khu vực bị ô nhiễm.

Mức độ âm thanh sẽ được đo bằng đơn vị là decibel (dB). Xét quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường thì giới hạn tiếng ồn tối đa cho phép sẽ là 70 dBA (từ 6h – 21h) và 55 dBA (từ 21h – 6h) ở những khu vực thông thường như khu nhà ở, cơ quan hành chính. Còn ở những khu vực đặc biệt như bệnh viện, nhà thờ, trường học... thì giới hạn tiếng ồn tối đa cho phép sẽ là 55 dBA (từ 6h – 21h) và 45 dBA (từ 21h – 6h).

Mức độ ô nhiễm tiếng ồn ở mức có thể chấp nhận được là khoảng 40dBA. Tất cả những loại âm thanh vượt qua ngưỡng này sẽ có thể ảnh hưởng đến sức khỏe cũng như tâm lý của con người.

## **2.2. Nguyên nhân gây ra vấn đề ô nhiễm tiếng ồn**

Vậy nguyên nhân thực sự gây ô nhiễm tiếng ồn là gì? Đây là một thực trạng vô cùng nhức nhối hiện nay, có 2 nguyên nhân chính dẫn đến vấn đề ô nhiễm tiếng ồn, đó là: do tự nhiên và do nhân tạo.

### **a. Ô nhiễm tiếng ồn do tự nhiên**

Nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm tiếng ồn do tự nhiên là đến từ hoạt động của núi lửa và động đất. Mặc dù hiện tượng này không xảy ra thường xuyên và chỉ gây ô nhiễm tiếng ồn ở những nơi xung quanh khu vực này. Thế nhưng nó lại có sức công phá rất lớn và gây ảnh hưởng đến đời sống xã hội.

### **b. Ô nhiễm tiếng ồn do nhân tạo**

Đây chính là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng ô nhiễm tiếng ồn. Nguyên nhân do nhân tạo lại được phân ra thành các nguyên nhân sau đây:

- Do hoạt động của các phương tiện giao thông: Với sự phát triển của xã hội như hiện nay kéo theo đó là lượng phương tiện lưu thông trên đường càng lớn. Mật độ phương tiện ngày càng cao, dẫn đến tiếng còi xe, tiếng động cơ hay cả tiếng phanh xe từ xe máy, ô tô, xe bus, tàu hỏa cũng càng nhiều... đây chính là nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm tiếng ồn.

- Do các hoạt động thường ngày: nhạc quá lớn làm ảnh hưởng đến người khác, tạo cảm giác khó chịu cho những người xung quanh. Hoạt động từ hát karaoke, các điểm vui chơi như quán bar, vũ trường. Từ các hoạt động kinh doanh có quảng cáo từ loa, đài. Quán nhậu có mở nhạc với tần suất lớn, hoạt động hát rong....

- Một số nguyên nhân khác dẫn đến ô nhiễm tiếng ồn có thể kể đến như: biểu tình, các sự kiện cộng đồng, sự kiện thể thao... Tiếng la hét, tiếng nhạc loa thùng, tiếng cãi nhau... Tiếng chó sủa, mèo kêu và những loại động vật khác. Tất cả đã tạo nên những loại âm thanh vô cùng khó chịu và để xử lý những loại âm thanh này chủ yếu dựa vào ý thức của mỗi người.

- Do hoạt động xây dựng, tiếng ồn máy móc: Việc sử dụng máy móc trong các hoạt động sản xuất và công nghiệp là điều rất cần thiết. Thế nhưng máy móc hoạt động

phát ra âm thanh lớn cũng là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm tiếng ồn. Tuy nhiên nguồn gây ô nhiễm này là không đáng kể.

### **2.3. Thực trạng ô nhiễm tiếng ồn hiện nay ở Việt Nam và trên Thế Giới**

Tình trạng ô nhiễm tiếng ồn đã xuất hiện từ khá lâu, thế nhưng đến nay đó vẫn là một vấn đề khá nan giải và chưa có biện pháp để khắc phục triệt để. Ngày nay, ô nhiễm tiếng ồn đang ở một tình trạng đáng báo động ở Việt Nam và nhiều nước trên Thế Giới.

Theo như khảo sát thì có tới 90% người dân sống ở đô thị ở Việt Nam phải sống trong tình trạng ô nhiễm tiếng ồn. Các đô thị lớn ở Việt Nam như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đang vượt xa quy chuẩn về tiếng ồn. Điển hình như ở Thành phố Hà Nội, tại 12 nút giao thông chính ban ngày có tiếng ồn là 77,8 – 78,1 dBA, vượt ngưỡng cho phép từ 7,8 – 8,1 dBA, còn ban đêm thì tiếng ồn là 65,3 – 75,7 dBA, vượt ngưỡng cho phép từ 10-20 dBA. Tại Thành phố Hồ Chí Minh ở những trục đường chính như Đinh Tiên Hoàng – Điện Biên Phủ, Hàng Xanh, ngã tư Huỳnh Tấn Phát – Nguyễn Văn Linh, ngã tư An Sương, ngã sáu Gò Vấp chỉ số độ ồn luôn ở ngưỡng rất cao và vượt qua ngưỡng cho phép.

Theo như công bố của WHO, có 40% dân số của Liên minh Châu Âu phải chịu đựng tiếng ô nhiễm tiếng ồn từ giao thông ở mức là trên 55 dBA. Trong khi chỉ cần chỉ số tiếng ồn ở mức khoảng 30 dBA là cũng đủ để gây ra triệu chứng khó ngủ hoặc mất tập trung. Người dân tại Singapore thường xuyên bị rối loạn giấc ngủ do tiếng ồn từ máy bay, tàu lửa tốc độ cao và các công trình xây dựng. Tại Đức, tiếng ồn từ giao thông là nguyên nhân chính dẫn đến hơn 1.600 ca bệnh nhồi máu cơ tim trong mỗi năm. Một nghiên cứu ở Hy Lạp cho thấy những người sống gần sân bay, cứ 10 dBA tiếng ồn tăng lên khi máy bay cất cánh và hạ cánh là căn bệnh tăng huyết áp lại gia tăng đáng kể.

Có thể thấy rằng tình trạng ô nhiễm tiếng ồn đang trở thành một tình trạng báo động trên nhiều quốc gia trên Thế Giới. Tình trạng này kéo dài sẽ gây ra nhiều căn bệnh nguy hiểm và ảnh hưởng nghiêm trọng tới tâm lý cũng như đời sống con người. Do đó mỗi Quốc Gia cần có các luật lệ quy định và mỗi người dân cần có ý thức để hạn chế ô nhiễm tiếng ồn.

### **2.4. Dạy học khoa học tự nhiên phân vật lý theo hướng tăng cường gắn kết với cuộc sống.**



Đưa bài học vào cuộc sống và mang cuộc sống và mang cuộc sống vào bài học, được xem là cách để giúp học sinh yêu thích môn học và học tập có hiệu quả. Muốn vậy giáo viên cần nghiên cứu từng đơn vị kiến thức giúp học sinh vận dụng kiến thức vào cuộc sống. Nhờ đó, học sinh cảm thấy việc học tập có hiệu quả, rồi tự giác học tập và nghiên cứu khoa học. Giáo viên cần khai thác, kích thích, khơi gợi niềm yêu thích môn học cho học sinh.

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ xin gợi ý dạy học bài Phản xạ âm (Môn Khoa học tự nhiên lớp 7). Theo hướng phát huy năng lực của học sinh nhằm tăng cường gắn kết tri thức với cuộc sống, tập trung vào các bước tiến hành, mà không giới thiệu một bài soạn cụ thể.

**Bước 1:** Tìm hiểu đặc điểm của chương trình Giáo dục phổ thông môn Khoa học tự nhiên ban hành 2018 để hiểu tư tưởng chung, nhất là quan điểm chú trọng Tính ứng dụng, gắn kết với cuộc sống của môn học và hoạt động giáo dục khác. Đồng thời cần hiểu rõ yêu cầu cần đạt với mỗi chủ đề hay mỗi bài, ở từng lớp, chẳng hạn ở lớp 7 bài phản xạ âm có yêu cầu: Lấy được ví dụ về vật phản xạ âm tốt, vật phản xạ âm kém. Kể ra được một số phương án đơn giản để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khoẻ.

**Bước 2:** Tìm kiếm các kiến thức liên quan và lựa chọn sao cho có thể lồng ghép để tăng cường gắn kết với cuộc sống (theo tinh thần kết nối tri thức: đưa bài học vào cuộc sống và đưa cuộc sống vào bài học). Chẳng hạn khi chuẩn bị dạy về phản xạ âm có thể đọc thêm và lựa chọn các thông tin về nguyên nhân gây ra vấn đề ô nhiễm tiếng ồn, thực trạng ô nhiễm tiếng ồn hiện nay ở Việt Nam và trên Thế Giới như mục 2.1, 2.2 đã nêu ở trên.

**Bước 3:** Thiết kế và tổ chức bài học theo hướng tăng cường gắn kết với cuộc sống.

(1) Hoạt động khởi động: Có thể cho học sinh tham gia vào tình huống:

Học sinh xem hình ảnh hoặc video về kiến trúc bên trong nhà hát, rạp chiếu phim, hội trường. Sau đó giáo viên đặt vấn đề: “Tại sao nhà hát, phòng hòa nhạc, rạp chiếu phim thường được làm sùì hoặc treo, phủ rèm nhung, len, dạ...?” Học sinh quan sát rồi đưa ra các dự đoán.

(2) Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Bài 14: Phản xạ âm

## 1. Tìm hiểu về phản xạ âm

Giáo viên cho học sinh xem video về Tiếng vang trong các hang động, tiếng vang trong các hẻm núi,...sau đó thảo luận và đi đến kết luận:

- Sóng âm dội lại khi gặp vật cản được gọi là âm phản xạ.
- Tiếng vang hình thành khi âm phản xạ nghe được chậm hơn âm truyền trực tiếp đến tai ít nhất là  $1/15$  s. Từ đó trả lời được các câu hỏi thường gặp trong thực tế: Tại sao khi nói to trong phòng lớn thì nghe được tiếng vang, nhưng nói to như thế trong phòng nhỏ lại không nghe được tiếng vang? Hay làm thế nào để đo được độ sâu của các vùng biển hay lòng hồ, sông ...Sau khi học xong học sinh trả lời được vì khi nói trong phòng nhỏ thì âm phát ra gặp các bức tường, trần nhà bị phản xạ lại đến tai gần như cùng một lúc nên ta không nghe được tiếng vang. Hay người ta thường sử dụng sự phản xạ của sóng âm có tần số rất lớn (hơn 20 000 Hz) để xác định độ sâu của biển. Biết tốc độ truyền âm trong nước và đo thời gian từ khi âm truyền đi đến khi âm phản xạ trở lại người ta tính được gần đúng độ sâu của biển.

## 2. Tìm hiểu vật phản xạ âm tốt, vật phản xạ âm kém

Học sinh nghiên cứu và thực hiện bằng cách làm thí nghiệm tìm hiểu phản xạ âm khi có vật cản và sử dụng vật cản bằng các vật liệu khác nhau thường dùng trong đời sống hàng ngày như tấm gỗ, tấm kính, gạch ốp, tấm xốp, tấm vải dạ, vải nhung...rồi so sánh vật cản nào giúp người nghe nghe được rõ và vật cản nào không nghe được rõ. Học sinh làm thí nghiệm xong rút ra được đặc điểm những vật cứng nhẵn bóng phản xạ âm tốt giúp người nghe rõ, còn những vật liệu mềm, xốp, sần sùi phản xạ âm kém làm người nghe không nghe rõ.

## 3. Tìm hiểu biện pháp chống ô nhiễm tiếng ồn

Học sinh nhận biết tiếng ồn và những ảnh hưởng của nó đối với sức khỏe của con người trong thực tiễn, học sinh có thể hiểu được thế nào là ô nhiễm tiếng ồn và đề xuất cách chống ô nhiễm tiếng ồn. Bằng cách cho học sinh tìm hiểu các tiếng ồn trong cuộc sống thường gặp, ví dụ: tiếng xe cứu thương, tiếng học sinh phát biểu trong lớp, tiếng sấm, tiếng máy khoan bê tông kéo dài liên tục gần khu dân cư, tiếng ồn từ khu chợ gần lớp học, tiếng hát karaoke vào đêm khuya... Từ đó đưa ra được tác hại của tiếng ồn: Là nguyên nhân gây giảm thính lực của con người, tăng nguy cơ mắc bệnh mất ngủ, suy nhược thần kinh, khiến các bệnh về tim mạch, huyết áp,... thêm trầm trọng, làm giảm khả năng tập trung, giảm độ minh mẫn và khả năng làm việc, từ đó

chất lượng cuộc sống bị giảm sút. Từ đó đưa ra được các biện pháp chống ô nhiễm tiếng ồn như: tác động vào nguồn âm, Đi nhẹ – nói khẽ, tích cực sử dụng các phương tiện công cộng, đặt biển báo cấm sử dụng còi gần trường học, bệnh viện, nhà dưỡng lão, phát tán âm trên đường truyền của nó, trồng nhiều cây xanh, xây tường, hàng rào, ngăn chặn đường truyền âm bằng cách sử dụng vật liệu cách âm, sử dụng cửa kính hai lớp, làm trần thạch cao, sử dụng đồ nội thất bằng gỗ trong gia đình, thiết kế tường bằng các vật liệu cách âm: gạch cách âm, xốp,...

(3) Hoạt động củng cố: Giả sử ngôi nhà gia đình em đang sinh sống ở ngay gần một khu chợ hoặc bến xe, em hãy chỉ ra những tiếng ồn gây ảnh hưởng đến sức khỏe và đề xuất biện pháp để giảm những ảnh hưởng này.

(4) Hoạt động vận dụng: Giả sử tàu phát ra siêu âm và thu được âm phản xạ của nó từ đáy biển sau 1 giây. Tính gần đúng độ sâu của đáy biển, biết vận tốc truyền siêu âm trong nước là 1500 m/s.

Chúng tôi hy vọng với cách thiết kế bài giảng như vậy học sinh sẽ thích thú khi thấy kiến thức đã học có ý nghĩa trong thực tiễn cuộc sống.

### **3. Kết luận**

Bài viết này giới thiệu cách thiết kế dạy học môn Khoa học tự nhiên theo hướng tăng cường gắn kết với cuộc sống với 4 bước cụ thể và minh họa qua bài phản xạ âm và khai thác các ứng dụng trong cuộc sống.

Dạy học theo hướng tăng cường gắn kết với cuộc sống là vấn đề không mới nhưng đến nay vẫn chưa thực sự được hiểu một cách đầy đủ nên cần nghiên cứu và hoàn thiện. Mang tri thức vào cuộc sống, và đưa Khoa học tự nhiên vào cuộc sống được xem là cách giúp học sinh hứng thú học tập hơn. Khi thiết kế, kế hoạch bài dạy, giáo viên cần xem từng đơn vị kiến thức được hình thành, phát triển ra sao, để giúp học sinh chiếm lĩnh lại trong thời lượng của bài học và biết được ứng dụng của những kiến thức đó. Hơn nữa, thực tế cũng cho thấy, phần lớn học sinh mới chỉ học qua sách giáo khoa, ít hiểu biết về tài liệu tham khảo, rất cần mở rộng hiểu biết, giúp đam mê, học tốt môn Khoa học tự nhiên hơn. Vì thế, giáo viên cần giúp học sinh tìm hiểu các kiến thức liên quan, nhất là những ứng dụng, để các em thấy được vai trò của vật lý trong khoa học và trong đời sống để hỗ trợ các em về định hướng nghề nghiệp cho mình sau này.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Chương trình Giáo dục Phổ thông môn khoa học tự nhiên (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

2. Sách giáo khoa môn Khoa học tự nhiên 7. Kết nối tri thức với cuộc sống. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. Năm 2023.

## **CÔNG TÁC BẢO QUẢN TÀI LIỆU TẠI THƯ VIỆN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HOÀ BÌNH**

Giảng viên: Bùi Tiến Dũng  
Phòng: Hành chính – Tổng hợp

*Tóm tắt: Đối với mỗi thư viện, sách, báo, tạp chí là nguồn tài liệu đặc biệt quan trọng không những có ý nghĩa về mặt vật chất mà còn có giá trị về mặt văn hoá, tinh thần, là di sản quý báu của nhân loại. Vì vậy, bảo quản tài liệu là một trong những công tác được thư viện Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình đặc biệt quan tâm trong những năm qua.*

### **1. Khái niệm về công tác bảo quản tài liệu**

Thư viện là nơi lưu giữ các di sản văn hóa của nhân loại ra đời cách đây mấy ngàn năm. Các tài liệu đã được nhiều thế hệ thu thập và tổ chức thành các kho tài liệu. Đồng thời với công việc đó là vấn đề bảo vệ cho các tài liệu không bị hư hỏng, mất mát. Tuy nhiên chỉ cách đây hơn 30 năm, bảo quản tài liệu mới được phát triển thành một ngành nghề với đầy đủ ý nghĩa của nó. Ngày nay người ta coi nghề làm bảo quản là một nghề sáng tạo. Thật đúng như vậy, muốn bảo vệ tài liệu phải sử dụng kiến thức của nhiều ngành tri thức khác nhau, đặc biệt là hóa học, vật lý và sinh học.

### **2. Công tác bảo quản tài liệu**

#### ***2.1. Đặc tính của tài liệu trong thư viện trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình***

Tài liệu trong thư viện Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình phần lớn là các tài liệu dạng giấy (tài liệu truyền thống).

Tổng số vốn tài liệu thư viện hiện có: **85712** bản

Sách giáo khoa : **4.262** bản.

Sách giáo viên : **1.012** bản.  
Sách Tham khảo: **36.119** bản.  
Sách Giáo trình : **34.123** bản.  
Sách thiếu nhi: **3.400** bản.  
Sách pháp luật: **2.418** bản.  
Báo, tạp chí: **2.980** bản.  
Tranh ảnh, bản đồ: **687** tờ  
Luận án, luận văn: **197** bản  
Báo cáo tốt nghiệp: **514** bản

Với số lượng tài liệu tương đối lớn thì việc bảo quản tài liệu là rất quan trọng trong hoạt động của thư viện.

## **2.2. Những nguyên nhân gây ra hư hỏng tài liệu**

Các tài liệu lưu trữ trong thư viện luôn luôn bị đe dọa và huỷ hoại bởi nhiều nguyên nhân khác nhau được thể hiện ở các góc độ sau đây:

### ***\*Tự phân huỷ***

Đối với sách dạng giấy được chế tạo từ xenlulo, trong quá trình chế tạo người ta đã sử dụng nhiều hoá chất đặc biệt là axit để tẩy trắng giấy, vì vậy vẫn còn các chất đó trong giấy và dưới tác động của độ ẩm trong không khí, giấy dễ bị phân huỷ. Mặt khác mực in là hoá chất nên dưới tác động của môi trường cũng làm cho chính văn của tài liệu hư hỏng.

### ***\*Tác động của môi trường:***

Môi trường cũng là nhân tố có tác động lớn đến việc hư hỏng tài liệu. ánh sáng chiếu thẳng vào ô cửa làm cho giấy chóng vàng ó qua thời gian. Hơn nữa, độ ẩm cao làm cho giấy dễ bị ẩm và bị nấm mốc cũng gây ra hư hỏng vốn tài liệu. Không khí hanh khô làm cho tài liệu chóng sần. Nhà thư viện không thoáng, gió không được lưu thông thì tài liệu cũng chóng hư hỏng. Nếu không khí thiếu trong sạch thì sách dễ bị bụi bám đó là cơ sở để phát triển nấm mốc khi có điều kiện. Đặc biệt là côn trùng như: kiến, mối, mọt gặm nhấm, phá huỷ tài liệu làm cho các tài liệu bị rách nát, thủng, mờ chữ...

### ***\*Yếu tố tác động do con người:***

Bên cạnh những tác động trên thì yếu tố con người cũng rất quan trọng.

+ Về công tác phục vụ cán bộ thư viện đã tiến hành kiểm tra hiện trạng ban đầu của tài liệu trước khi ra khỏi kho.

+ Về công tác bảo quản tài liệu đối với bạn đọc tuy đã được nhắc nhở về nội quy và phương pháp bảo quản nhưng một số bạn đọc họ vẫn chưa ý thức được việc mượn và bảo vệ tài liệu đặc biệt là đối với những học sinh tự kỉ, tăng động. Còn đối với đối tượng bạn đọc là học sinh, sinh viên thì các em chưa thực sự chú trọng vào việc học tập và nghiên cứu nên việc bảo quản tài liệu đối với các em cũng không cần thiết.

Ngoài ra khi phôtô copy tài liệu do nhiệt độ nóng của máy phôtô dẫn đến sách báo dễ hư hỏng. Đôi khi mất mát còn do các nguyên nhân như hoả hoạn, thiên tai (mưa, bão, lụt).

## **2.3. Quá trình bảo quản**

### **2.3.1. Bảo quản vốn tài liệu theo đúng yêu cầu kỹ thuật:**

#### ***a. Địa điểm xây kho sách***

Thư viện Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình được xây nơi khô ráo, thoáng mát, không khí trong sạch, địa chất ổn định có độ chịu tải cao. Địa điểm xây dựng thuận lợi cho giao thông, có hệ thống phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra, đặc biệt rất thuận lợi cho việc khai thác và sử dụng tài liệu của học sinh, sinh viên và cán bộ giáo viên nhà trường.

#### ***b. Qui mô kho***

Khi xây dựng thư viện, nhà trường đã căn cứ vào số lượng tài liệu cũng như kế hoạch bổ sung tài liệu hàng năm.

Thư viện trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình có tên là Trung tâm Thông tin-Thư viện. Với tổng diện tích là gần 639m<sup>2</sup>, gồm các phòng chuyên môn như: Phòng Nghiệp vụ, phòng Đọc và Kho tài liệu (gồm sách giáo trình, sách tham khảo, Báo, tạp chí). Trong đó: kho sách là 320m<sup>2</sup>, phòng đọc 200m<sup>2</sup>, phòng Nghiệp vụ 119 m<sup>2</sup>.

Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động thư viện gồm: bóng điện, máy quạt, bình chữa cháy, kệ sách, bàn làm việc của thủ thư, bàn ghế đọc dành cho giáo viên và học sinh, bảng nội quy thư viện, máy vi tính có nối mạng internet, tủ đựng các loại băng đĩa để phục vụ cho nhu cầu nâng cao trình độ của giáo viên.

Mặc dù phòng kho chứa tài liệu còn hơi chật nhưng thư viện vẫn cố gắng tổ chức và phân ra các kho khác nhau theo từng đối tượng phục vụ cũng như từng loại hình tài liệu để đáp ứng yêu cầu bạn đọc cũng như chế độ bảo quản của từng loại hình tài liệu đó.

### ***c. Hệ thống tường kho, chiều cao của kho:***

Quá trình khảo sát tại thư viện Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình cho thấy thư viện có xây dựng hệ thống tường kho và tường ngăn cách giữa các phòng kho đúng theo tiêu chuẩn của kho thư viện, đảm bảo được cách nhiệt bên ngoài và chống ngấm được nước mưa, cửa kho và cửa sổ kho đã chắc chắn có ổ khóa đảm bảo, chống đột nhập, chống ánh sáng chiếu trực tiếp và các loại côn trùng xâm nhập vào kho.

### ***d. Chế độ chiếu sáng:***

Thư viện đã hạn chế đến mức tối đa ánh sáng tự nhiên chiếu trực tiếp vào tài liệu bằng nhiều phương thức khác nhau như: sử dụng rèm che...

Trong kho chủ yếu dùng ánh sáng đèn điện và chỉ dùng khi cần thiết, không bật điện thường xuyên trong kho vì đèn điện chiếu trực tiếp vào sách sẽ làm cho sách ngả màu vàng làm cho giấy chóng giòn và dễ rách.

## **2.3.2. Hệ thống và trang thiết bị bảo quản tài liệu**

### ***a. Phương tiện bảo quản:***

Phương tiện dùng trong kho chủ yếu là giá sách để bảo quản tài liệu, các giá cần áp dụng theo tiêu chuẩn mới nhất của ngành thư viện thông tin hướng dẫn. Trong các kho có thiết kế những cửa sổ, để bảo quản tài liệu tránh bị ẩm mốc cho tài liệu.

### ***b. Thiết bị phòng cháy, chữa cháy:***

Kho lưu trữ cần trang bị đủ các phương tiện thiết bị phòng cháy để đảm bảo an toàn cho tài liệu. Trong thư viện Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình đã có các dụng cụ và biện pháp chữa cháy thông thường như bình xịt khí CO<sub>2</sub>, hệ thống chữa cháy bằng nước...

### ***c. Dụng cụ làm vệ sinh tài liệu:***

Trong kho thư viện có trang bị dụng cụ làm vệ sinh tài liệu như: máy hút bụi, giẻ lau, chổi quét sàn và chổi quét trần để lau chùi, vệ sinh tài liệu...

## **3. Các biện pháp kỹ thuật bảo quản:**

### ***3.1. Chống ẩm:***

Để chống ẩm cho các tài liệu thư viện cần áp dụng các biện pháp như: Sử dụng quạt, máy điều hòa không khí hoặc mở cửa sổ để thông gió tự nhiên chống ẩm cho tài liệu. Tuy nhiên chỉ tiến hành thông gió khi nhiệt độ trong kho thấp hơn nhiệt độ ngoài trời là 50C khi mở cửa để thông gió tránh không để côn trùng, khí độc lọt vào kho.

### ***3.2. Chống nấm mốc:***

Để phòng nấm mốc phát sinh cán bộ thư viện thường xuyên quét, lau chùi làm vệ sinh tài liệu, các sách phải được xếp xa trần, cửa sổ và nền để khỏi làm ẩm ướt sách, đặc biệt là không cho nấm mốc có điều kiện phát triển, đối với ngăn cuối cùng của giá sách thì cần phải cách sàn nhà là 15cm, các giá sách xếp vuông góc với cửa sổ và cách khoảng 40cm mục đích là tránh thời tiết như ánh nắng mặt trời mưa ... khi phát hiện nấm mốc cán bộ thư viện cần phải cách ly tài liệu đó và áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để xử lý nấm mốc.

### **3.3. Chống côn trùng, chuột:**

Để phòng chống côn trùng xuất hiện trong kho, cán bộ thư viện cần phải áp dụng các biện pháp ngăn chặn côn trùng vào kho tài liệu chẳng hạn dùng các loại hóa chất như thuốc diệt gián, chuột hoặc băng phiến. Phải thường xuyên làm vệ sinh tài liệu bằng các phương tiện bảo quản khác nhau. Cần hạn chế đến mức tối đa khả năng xâm nhập của chuột vào kho qua các đường ống, cống... không để đồ ăn thức uống vào trong kho chứa tài liệu.

### **3.4. Vệ sinh trong kho:**

Đây là một trong những công việc cần thiết và thường xuyên cho kho sách sạch sẽ, đảm bảo không bị nấm mốc. Không khí thoáng mát thì mới không gây ảnh hưởng tới các tài liệu lưu trữ trong kho. Hiện nay, trong thực tế, kho sách của thư viện trường vẫn còn chật hẹp, gây khó khăn trong việc dọn dẹp nhưng với sự cố gắng nỗ lực không ngừng của cán bộ thư viện đã thường xuyên lau chùi sàn kho, giá sách đảm bảo vệ sinh sạch sẽ. Dựa vào tình hình thời tiết mà thư viện đóng mở cửa sổ để chống nóng, chống ẩm đảm bảo độ ẩm và nhiệt độ trong kho tránh gây hư hỏng đến tài liệu.

## **4. Giáo dục ý thức bảo vệ tài liệu cho bạn đọc**

Một trong những biện pháp quan trọng trong chu trình đường đi của tài liệu là phải giáo dục ý thức bảo vệ tài liệu cho bạn đọc. Tài liệu là những sản phẩm vật chất dễ bị xâm hại và hư hỏng, dù chúng có được cấu thành từ bất kỳ chất liệu gì đi chăng nữa, thì các yếu tố khách quan như ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, côn trùng, thảm họa tự nhiên... đều có thể gây ra hư hại cho tài liệu. Bên cạnh đó còn có yếu tố chủ quan ở phía bạn đọc như sử dụng sách chưa đúng cách, xé tài liệu, viết vào tài liệu ... của thư viện cũng làm ảnh hưởng và gây hư hỏng nguồn tài liệu.

Từ những nguyên nhân chủ quan trên, thư viện Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình đã có phương pháp thông tin tuyên truyền bằng các buổi sinh hoạt tập chung, các



tiết học thư viện hướng dẫn bạn đọc sử dụng tài liệu một cách tốt nhất được thể hiện như: yêu cầu sử dụng tài liệu đúng cách, hạn chế các yếu tố có thể gây hư hại đến tài liệu. Khi sử dụng tài liệu phải cẩn thận tránh làm rách sách, nhàu nát sách. Khi mang đi hay mượn tài liệu về nhà phải để nơi cao ráo, phải giữ gìn, tránh để vào những nơi ẩm ướt để làm tài liệu bị nấm mốc. Khi sử dụng không nên gấp tài liệu để đánh dấu trang, không nên viết vẽ vào tài liệu. Tránh để thức ăn, đồ uống lên tài liệu bởi đây sẽ là nguyên nhân làm cho sinh vật phá hoại hoặc làm biến dạng tài liệu.

Đối với cán bộ thư viện khi làm việc cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau: Tài liệu phải được xếp xếp trên giá đúng với quy định, không được đặt xuống đất, không được đặt trên nóc giá, không nên sắp xếp tài liệu sát tường. Đặc biệt không mang thức ăn đồ uống vào kho, không mang những vật phẩm dễ cháy vào trong kho.

Như vậy có thể nói từ những công việc thực tế hàng ngày, công tác bảo quản tài liệu tại Thư viện Trường Cao đẳng Sư Phạm Hoà Bình hiện nay đang được thực hiện nghiêm túc, đã đi vào nề nếp, nhằm khắc phục, loại trừ những tác nhân ảnh hưởng đến sự an toàn của tài liệu. Mục đích cuối cùng là bảo quản tốt vốn tài liệu, phục vụ tốt cho việc học tập và nghiên cứu của cán bộ giáo viên, học sinh, sinh viên nhà trường.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Giáo trình. **Tổ chức và bảo quản kho sách thư viện**, TS. Lê Văn Viêt, NXB ĐHVH-HN, H, 2001
2. Giáo trình. **Cẩm nang nghề thư viện**, TS. Lê Văn Viêt, NXB Văn hóa Thông tin, H, 2000.

# TỔNG HỢP VÀ PHÂN DẠNG CÁC BÀI TOÁN TRONG THI VIOLYMPIC TOÁN BẰNG TIẾNG VIỆT LỚP 9

Thạc sỹ: Ngô Thị Thu Thủy  
Trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành  
Email: [nttt.hb@gmail.com](mailto:nttt.hb@gmail.com)

## **Tóm tắt:**

Bài viết tổng hợp và phân dạng một số bài toán trong chương trình thi Violympic Toán bằng Tiếng Việt lớp 9 năm học 2022- 2023 trên mạng, được dùng làm tài liệu ôn tập trong dạy học môn toán cho học sinh lớp 9 trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành. Bài viết giúp học sinh ôn tập, nhận dạng, nâng cao kiến thức và tìm nhanh kết quả trong quá trình tham gia ôn, thi Violympic Toán 9 trên mạng năm học 2023 - 2024.

Từ khóa: *Phân dạng các bài toán; Violympic Toán bằng tiếng Việt lớp 9.*

## **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Sau hơn 10 năm triển khai, Violympic đã trở thành một sân chơi quen thuộc và uy tín với hàng triệu học sinh trên cả nước. Cuộc thi khuyến khích, thôi thúc niềm đam mê toán học, giúp học sinh làm quen với việc sử dụng máy tính một cách có hiệu quả vào việc học tập.

Violympic có sự thay đổi tinh gọn về hình thức. Số lượng vòng thi của các môn sẽ gồm 10 vòng, trong đó 6 vòng đầu là các vòng tự luyện, vòng 7 đến vòng 9 là vòng thi các cấp và vòng 10 là vòng thi quốc gia. Về phương thức thi, toàn bộ các khối lớp sẽ đều được áp dụng hình thức thi leo dốc. Với hình thức thi leo dốc này, học sinh sẽ tăng được khả năng phản xạ, tư duy nhạy bén, làm bài nhanh hơn. Thời gian làm bài thay đổi từ 60 phút mỗi vòng thành 30 phút ở các vòng tự luyện và 45 phút đối với các vòng thi các cấp.

Đối với các vòng thi các cấp, học sinh sẽ được cấp giấy chứng nhận của các cấp tương ứng và giấy chứng nhận online của tập đoàn FPT trong trường hợp là thí sinh dự thi có mã và đạt điểm số 150 điểm trở lên. Vòng thi cấp Quốc gia, học sinh đạt giải sẽ được cấp giấy chứng nhận của Viện Khoa học giáo dục Việt Nam và Tập đoàn FPT cùng huy chương.

Trong quá trình hướng dẫn và ôn luyện cho học sinh lớp 9 tham gia các vòng thi Violympic Toán 9 bằng tiếng Việt, tôi thấy cụ thể mỗi vòng thi thời gian 30 phút gồm

3 bài thi, trên tổng số 30 câu hỏi. Đây là một trong những sân chơi Toán học tương đối khó đối với học sinh khá, giỏi lớp 9. Đặc biệt trong quá trình thi các vòng Violympic Toán 9 ngoài việc tìm ra kết quả chính xác của bài toán còn cần rất nhanh về thời gian. Với những lí do trên chúng tôi đã tổ chức ôn luyện theo các dạng toán cho học sinh nhằm giúp các em củng cố kiến thức đã học và tập luyện giải nhanh các bài toán cho thi trên mạng để giảm thời gian làm bài.

## **II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Nghiên cứu cơ sở lí luận:**

Nghiên cứu giáo trình phương pháp dạy học đại cương môn Toán về nhu cầu và định hướng đổi mới phương pháp dạy học.

Nghiên cứu chương trình, nội dung sách giáo khoa toán lớp 9.

Nghiên cứu và tham gia thi trực tiếp các vòng thi Violympic Toán bằng tiếng Việt 9 của năm học 2022 – 2023

### **2.2. Nghiên cứu cơ sở thực tiễn:**

Thông qua thực tế giảng dạy, trao đổi chuyên môn, đồng thời nắm bắt được tình hình học tập của học sinh để điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp.

Vận dụng lí luận vào tổ chức ôn luyện cho học sinh tham gia kì thi Violympic Toán lớp 9 của trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành trực thuộc trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

Tổng hợp và phân dạng các bài toán trên các vòng thi Violympic Toán 9 bằng tiếng Việt từ vòng 1 đến vòng 6 của năm học 2022- 2023.

## **III. KẾT QUẢ**

### **3.1. Cách thực hiện**

Chúng tôi đã mở nick tham gia thi cụ thể từng vòng. Vừa thi, vừa chụp lại màn hình đề lấy bài tập sau đó sắp xếp và phân dạng bài tập ôn luyện cho học sinh, giúp hỗ trợ các em thi. Sau 10 vòng thi chúng tôi đã phân dạng bài toán theo kiến thức gần trong chương trình toán lớp 9, theo các vòng thi thực tế.

Trong khuôn khổ bài viết tập san số 1, chúng tôi xin tổng hợp và trình bày 6 vòng thi tự luyện, các vòng thi các cấp xin được tiếp tục trình bày ở bài tập san tiếp theo.

### **3.2. Kết quả tổng hợp phân dạng bài toán trên các vòng thi Violympic Toán 9 năm học 2022 - 2023**

### 3.2.1. Bài tập Violympic toán 9 vòng 1.

#### Bài 1. Tính:

a)  $\sqrt{7} - \sqrt{16 + 6\sqrt{7}}$

b)  $\sqrt{5} - \sqrt{14 + 6\sqrt{5}}$

c)  $11\sqrt{\frac{144}{121}} - 3\sqrt{-\frac{25}{-9}}$

d)  $11\sqrt{\frac{225}{121}} - 3\sqrt{-\frac{36}{-9}}$

e)  $5\sqrt{4} + 8\sqrt{9} - 2\sqrt{36}$

f)  $\sqrt{7^2} + \sqrt{(-9)^2}$

g)  $\sqrt{(3 - \sqrt{11})^2}$

h)  $-\sqrt{(2 - \sqrt{5})^2}$

i)  $\sqrt{x^2 - \frac{3}{2}x + \frac{9}{16}}$  khi

$$x \geq \frac{3}{4}.$$

k)  $Q = 2x - \sqrt{x^2 - 2x + 1}$  khi  $x < 1$

m) Biết  $\sqrt{7 + 4\sqrt{3}} + \sqrt{7 - 4\sqrt{3}} = a$  ( $a \in \mathbb{Z}$ ). Tính giá trị của  $a + 2$ .

#### Bài 2.

a) Căn bậc hai số học của:  $A = 8\sqrt{25} - 2\sqrt{9} - \sqrt{324}$ ;  $B = 400$ ;  $C = 81$

b) Trong các số sau -3; 4; 6; -12; -30; 25 có bao nhiêu số có căn bậc hai.

c) Kết quả của phép tính  $\sqrt{81} \cdot \sqrt{100} \cdot \sqrt{2,25}$  chia cho 11 có số dư là:

#### Bài 3.

a) Trong các số 6; 4; 5,5; 3,5 số nào lớn hơn  $\sqrt{32}$ .b) Trong các số 5; 3; 6; 4 số nào lớn hơn  $\sqrt{30}$ .c) Trong các số sau, số nào nhỏ hơn  $\sqrt{45}$ : 8; 5; 7; 11.d) Tìm số nhỏ nhất trong 4 số sau:  $-4\sqrt{2}$ ;  $-3\sqrt{5}$ ; 0;  $\sqrt{63} - \sqrt{11}$ e) Với  $a < 0$ , so sánh  $\sqrt{-5a}$ ;  $\sqrt{-4a}$ .f) So sánh  $\sqrt{4} \cdot \sqrt{16} - \sqrt{24}$  và 0.h) So sánh  $\sqrt{\frac{225}{81}}$  và  $\frac{10}{6}$ 

#### Bài 4. Tìm điều kiện xác định của các biểu thức sau:

a)  $\sqrt{\frac{1}{x^2 - 12x + 36}}$

b)  $\sqrt{\frac{1}{x^2 - 6x + 9}}$

c) Có bao nhiêu giá trị nguyên của  $x$  để biểu thức sau có nghĩa:  $\sqrt{-x^2 + x + 6}$

**Bài 5.** Tìm  $x$ :

a)  $\sqrt{x} - 1 = 3$

b) Cho  $\sqrt{x} = 13$ . Tính giá trị của  $x + 1$ .

c) Tìm số giá trị nguyên của  $x$  thỏa mãn  $\sqrt{x} + 3 < 5$ .

d) Tìm số nguyên  $x$  lớn nhất thỏa mãn  $\sqrt{x+1} < 3,5$ .

e) Tìm nghiệm âm của phương trình: e1)  $\sqrt{x^2 + 75} = 14$  e2)  $2\sqrt{x^2} - 14 = 0$

f) Tìm  $x$  không âm biết: f1)  $\sqrt{x} = \sqrt{24^2 + 7^2}$  f2)  $\sqrt{x+20} = \sqrt{24^2 + 7^2}$

g) Có bao nhiêu giá trị  $x$  thỏa mãn: g1)  $3x^2 - 15 = 0$ . g2)  $2x^2 - 11 = 0$

h) Tìm GTNN của  $A = \sqrt{x^2 - 8x + 16} + 5$ .

**Bài 6. Hình học**

a) Cho tam giác MNP vuông tại M, đường cao MH. Biết NH = 2,5cm; NP = 10cm. Tính MN.

b) Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Biết BH = 3,6cm; CH = 6,4cm. Tính AH.

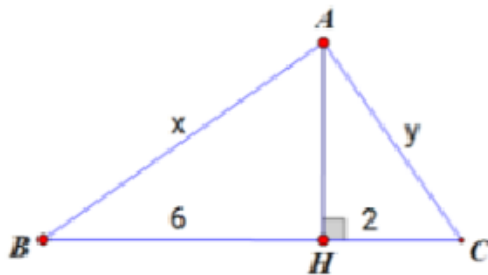
c) Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Biết AB = 8; AC = 9. Tính giá trị của AH.BC.

d) Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Biết AB = 12; AC = 9. Tính giá trị của AH.BC.

e) Cho tam giác MNP vuông tại M, đường cao MH. Biết NH = 1,5cm; NP = 6cm. Tính MN.

f) Cho hình thang ABCD ( $AB \parallel CD$ ), có AD = 10cm; AC = 24cm; CD = 26cm. Biết diện tích hình thang ABCD là  $180\text{cm}^2$ . Tính độ dài đáy AB.

g) Biết tam giác ABC vuông tại A. Tính giá trị của biểu thức  $x^2 \times y$ .



**3.2.2. Bài tập Violympic toán 7 vòng 4**

**Bài 1. Rút gọn biểu thức:**

$$\text{a) } \sqrt{\frac{36}{7}} \cdot \sqrt{\frac{7}{6}} - \sqrt{24} \quad \text{b) } \frac{\sqrt{20^6}}{\sqrt{4^4 \cdot 5^4}} \quad \text{c) } \sqrt{3} \cdot \sqrt{27} \quad \text{d) } \sqrt{\frac{216}{7}} \cdot \sqrt{\frac{7}{36}} - \sqrt{24}$$

$$\text{e) } \sqrt{256a^2b^4} \quad \text{f) } \sqrt{5} \cdot \sqrt{125a^2} \quad \text{g) } \sqrt{361a^4} \quad \text{h) } \sqrt{36 \cdot 64} \cdot \sqrt{0,25}$$

$$\text{i) } \sqrt{121 \cdot 64} \cdot \sqrt{0,25} \quad \text{k) } \frac{\sqrt{432}}{\sqrt{12}} + \sqrt{\frac{162}{2}} \quad \text{n) } \sqrt{3} \cdot \cos 30^\circ + \sqrt{2} \cdot \sin 45^\circ$$

$$\text{m) } \sqrt{-7a} \cdot \sqrt{-175a} \text{ với } a < 0$$

**Bài 2. Tìm điều kiện xác định của biểu thức:**

$$\text{a) } \frac{2}{\sqrt{-x+10}}$$

$$\text{b) } \sqrt{\frac{3x-1}{x+2}} = \frac{\sqrt{3x-1}}{\sqrt{x+2}}$$

**Bài 3.**

$$\text{a) Biết } \frac{\sqrt{10} + \sqrt{15}}{4 + \sqrt{24}} = \sqrt{\frac{m}{n}} \text{ (với } \frac{m}{n} \text{ là phân số tối giản với mẫu dương). Tính } m - n.$$

$$\text{b) } \sqrt{121 \cdot (-9)^2} = a \cdot 9. \text{ Tính giá trị của số tự nhiên } a.$$

$$\text{c) } \sqrt{\frac{64}{36}} : \frac{49}{9} = \frac{a}{b} \text{ (với } \frac{a}{b} \text{ là phân số tối giản với mẫu số dương). Tính } a + b.$$

$$\text{d) Biết } \sqrt{\frac{8 + \sqrt{15}}{2}} + \sqrt{\frac{8 - \sqrt{15}}{2}} = \sqrt{a} \text{ (} a \in \mathbb{N} \text{). Tính giá trị của } a.$$

$$\text{e) } C = \sqrt{\frac{x - 2\sqrt{xy} + y}{x + 6\sqrt{xy} + 9y}} \text{ với } x > 0; y > 0. \text{ Tính giá trị của } C \text{ khi } x = 25 \text{ và } y = 81.$$

$$\text{f) } M = \sqrt{216} \cdot \sqrt{0,5}; N = 4 - \sqrt{4} \cdot \sqrt{27}. \text{ Tính giá trị của } M + N.$$

$$\text{g) Tính GTNN của biểu thức } \sqrt{(2022 - x)^2} + \sqrt{(x - 2021)^2} + 3$$

$$\text{h) Cho } \sqrt{1348} = 2\sqrt{a} \text{ (} a \in \mathbb{N} \text{). Tính giá trị của } a.$$

**Bài 4: Tìm x**

$$\text{a) } \sqrt{x} + 3\sqrt{5} = \sqrt{3} \cdot \sqrt{3(2 + \sqrt{5})^2}$$

$$\text{b) } \frac{\sqrt{5x-7}}{\sqrt{2x-1}} = 1$$

$$c) \sqrt{\frac{225}{36}} - x = \sqrt{\frac{144}{36}} - \frac{1}{2}$$

$$d) \sqrt{\frac{49}{36}} - x = \sqrt{\frac{144}{36}} + \frac{1}{6}$$

e) Cho phương trình  $8\sqrt{\frac{x^2+7}{16}} - 5 = \sqrt{\frac{7x^2+49}{7}}$ . Tính tổng bình phương các nghiệm của phương trình.

f) Có bao nhiêu giá trị của  $a$  thỏa mãn  $\sqrt{a^2+1} = a-1$ .

g) Phương trình  $x - \sqrt{x} = 0$  có bao nhiêu nghiệm.

h) Phương trình  $x - \sqrt{x} - 2 = 0$  có bao nhiêu nghiệm.

### Bài 5. Hệ thức lượng trong tam giác vuông và tỉ số lượng giác.

a) Cho tam giác ABC vuông tại C, có AC = 8cm; BC = 10cm. Tính tanB.

b) Cho tam giác ABC vuông tại A, có AB = 9cm;  $\tan B = \frac{5}{12}$ . Tính độ dài cạnh AC.

c) Cho tam giác ABC vuông tại A, có BC = 16cm;  $\angle C = 60^\circ$ . Tính độ dài cạnh AC.

d) Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Biết AB = 7cm; AC = 24cm. Tính độ dài HB.

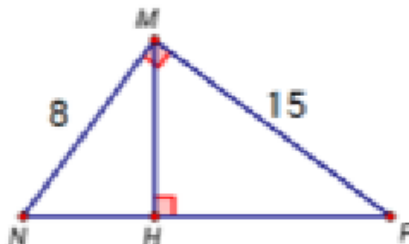
e) Cho tam giác ABC vuông tại A, có AB = 3cm; AC = 4cm. Tính giá trị của  $a$ .

$$\text{Biết } \sin B + \cos B = \frac{7}{\sqrt{a}} \quad (a \in \mathbb{N}).$$

f) Cho góc nhọn  $\alpha$  thỏa mãn  $\tan \alpha = 0,25$ . Tính giá trị của biểu thức  $\frac{\cos \alpha - \sin \alpha}{\cos \alpha + \sin \alpha}$ .

g) Cho tam giác ABC vuông tại A, có AB = 5cm; AC = 15cm. Tính cotC.

h) Cho hình vẽ: Tính NH.



### 3.2.3. Bài tập Violympic toán 9 vòng 3

#### Bài 1. Rút gọn biểu thức

a)  $\sqrt{80} : \sqrt{5}$

b)  $\sqrt{363}$

c)  $\sqrt{(\sqrt{11}-3)^2} - \sqrt{11}$

d)  $\sqrt{(\sqrt{5}-3)^2} - \sqrt{5}$

$$e) \sqrt{8+2\sqrt{7}} - \sqrt{8-2\sqrt{7}}$$

$$f) \sqrt{11+4\sqrt{7}} - \sqrt{11-4\sqrt{7}}$$

$$g) A = a\sqrt{ab} \text{ với } a < 0; b < 0$$

$$h) B = \left(1 - \frac{a + \sqrt{a}}{\sqrt{a} + 1}\right) \left(1 + \frac{a - \sqrt{a}}{\sqrt{a} - 1}\right) \quad (a \geq 0, a \neq 1)$$

$$i) C = \sqrt{\frac{3x}{5y^3}} \text{ với } xy \geq 0, y \neq 0.$$

$$k) D = 4x^5 + 4x^4 - x^3 + 1 \text{ với } x = \frac{1}{2} \sqrt{\frac{\sqrt{2}-1}{\sqrt{2}+1}}.$$

## Bài 2.

$$a) \frac{26}{10+4\sqrt{3}} = a + b\sqrt{3} \quad (a, b \in \mathbb{Z}). \text{ Tính tích a.b.}$$

$$b) \text{ Khử mẫu của biểu thức lấy căn } \sqrt{\frac{8}{11}} \text{ ta được } \frac{\sqrt{a}}{11} \quad (a \in \mathbb{N}). \text{ Tính giá trị của a.}$$

$$c) \text{ Khử mẫu của biểu thức lấy căn } \sqrt{\frac{5}{17}} \text{ ta được } \frac{\sqrt{a}}{17} \quad (a \in \mathbb{N}). \text{ Tính giá trị của a.}$$

$$d) \text{ Với } x \leq 0, \text{ điền vào dấu chấm: a) } \sqrt{-468x} = \dots \sqrt{-13x} \quad b) \sqrt{-539x} = \dots \sqrt{-11x}$$

e) Tính giá trị của a biết:

$$e1) 4\sqrt{7} = \sqrt{a} \quad (a \in \mathbb{N}). \quad e2) 5\sqrt{11} = \sqrt{a} \quad (a \in \mathbb{N}). \quad e3) \sqrt{\frac{5}{19}} = \frac{\sqrt{a}}{19}$$

f) Với các số a, b thỏa mãn  $a < 0; b < 0$  thì biểu thức  $a\sqrt{ab}$

**Bài 3.** Cho  $x, y, z > 0$  thỏa mãn  $x + y + z + \sqrt{xyz} = 4$ . Tính giá trị của biểu thức:

$$A = \sqrt{x(4-y)(4-z)} + \sqrt{y(4-z)(4-x)} + \sqrt{z(4-x)(4-y)} - \sqrt{xyz}$$

**Bài 4.** Nghiệm dương của phương trình  $\sqrt{\frac{25}{11}} \cdot \sqrt{11x^2 - 25} = 0$ .

## Bài 5. Hình học

a) Cho tam giác ABC vuông tại A, biết  $\sin C = 0,5$ . Tính  $\cos B$ .

b) Cho tam giác ABC vuông tại B, biết  $AC = 6\text{cm}$ ,  $\angle C = 30^\circ$ . Độ dài BC  $BC = a\sqrt{3}\text{cm}$ , tính giá trị của a.

c) Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Biết  $BH = 4\text{cm}$ ;  $AH = 5\text{cm}$ . Tính giá trị của  $\tan C \cdot \cot B$ .

d) Cho góc  $\alpha$  nhọn thỏa mãn  $\sin \alpha = \frac{1}{3}$ . Tính giá trị lượng giác của  $\cos(90^\circ - \alpha)$ .



e) Cho tam giác ABC vuông tại A, có AC = 12cm; AB = 5cm. Tính giá trị của a.

Biết  $\sin B + \cos B = \frac{17}{a}$  ( $a \in \mathbb{N}$ ).

f) Cho góc  $\alpha$  nhọn thỏa mãn  $\tan \alpha = \frac{1}{3}$ . Tính giá trị của  $\tan \alpha + \cot \alpha$ .

g) Cho tam giác ABC vuông tại A, biết BC = 20cm,  $\angle C = 34^\circ$ . Tính độ dài AB, AC.

h) Cho tam giác ABC vuông tại B, biết BC = 15cm,  $\angle A = 60^\circ$ . Tính độ dài AB

### 3.2.4. Bài tập Violympic toán 9 vòng 4

#### Bài 1. Rút gọn biểu thức:

a)  $\sqrt{48} \cdot \sqrt{3} \cdot \sqrt{\frac{36}{16}}$ ;

b)  $\frac{5}{\sqrt{13} - \sqrt{8}}$

c)  $\frac{1}{\sqrt{2} + \sqrt{4}} + \frac{1}{\sqrt{4} + \sqrt{6}}$

d)  $\sqrt{75} \cdot \sqrt{3} \cdot \sqrt{\frac{36}{25}}$

e)  $\frac{1}{\sqrt{3} + \sqrt{5}} + \frac{1}{\sqrt{5} + \sqrt{7}}$

f)  $\sqrt[3]{-729}$

g)  $\sqrt[3]{-729}$

h)  $\frac{4}{\sqrt{7} - \sqrt{3}}$

i)  $P = 3\sqrt{4x^6} - 3x^3$

k)  $\frac{\sqrt{x^2 - 2x + 1}}{x - 1}$  ( $x > 1$ )

m)  $\frac{\sqrt{x^2 - 4x + 4}}{x - 2}$  ( $x < 2$ )

n)  $3\sqrt{4x^6} - 3x^3$  với  $x < 0$ .

p)  $\sqrt{144x^4} + \frac{\sqrt{x^5}}{\sqrt{x}}$  ( $x > 0$ )

q)  $\sqrt{169x^4} + \frac{\sqrt{x^5}}{\sqrt{x}}$  ( $x > 0$ )

r)  $\sqrt{529a^6}$  ( $a < 0$ )

s)  $\sqrt[3]{(a-1)^3} + \sqrt{(3a-1)^2}$  với  $a \geq \frac{1}{3}$ .

v)  $\sqrt[3]{(a-2)^3} + \sqrt{(3a-2)^2}$  với  $a \geq \frac{2}{3}$ .

#### Bài 2.

a) Cho  $\sqrt{(2 - \sqrt{5})^2} + \sqrt{14 - 6\sqrt{5}} = \sqrt{a}$  ( $a \in \mathbb{N}$ ). Tính giá trị của  $a + 2$ .

b) Cho  $\sqrt{(1 - \sqrt{2})^2} + \sqrt{3 + 2\sqrt{2}} = \sqrt{a}$  ( $a \in \mathbb{N}$ ). Tính giá trị của  $a + 2$ .

c) Cho  $Q = \frac{\sqrt{x} - 4}{\sqrt{x} + 1}$  ( $x \geq 0$ ). Tính số giá trị nguyên của x để Q nhận giá trị nguyên.

d) Cho  $A = a + \sqrt{3}$  và  $B = \frac{1}{a} - \sqrt{3}$ . Có bao nhiêu giá trị của  $a$  để hai biểu thức  $A$  và  $B$  đều có giá trị nguyên.

e) Điền dấu thích hợp để được so sánh đúng.

e1) Nếu  $a > 0$  thì  $\sqrt[3]{2a} \dots \sqrt[3]{3a}$ . e2)  $8 \dots 3\sqrt[3]{64}$

f) Nếu  $x_0$  là nghiệm của PT:  $\sqrt{16x-16} - 2\sqrt{\frac{x-1}{4}} = 6$  thì  $x_0$  thỏa mãn điều kiện nào

sau đây:  $x_0 > 12$ ;  $x_0 < 4$ ;  $1 < x_0 < 9$ ;  $8 < x_0 < 16$ ;

g) Tìm số nguyên  $x$  lớn nhất thỏa mãn  $\sqrt[3]{x} \leq 2,5$ .

### Bài 3. Giải phương trình:

a)  $x^2 = 27$  b)  $\sqrt[3]{x} + \sqrt[3]{0,125x} = 6$  c)  $x^3 = -3$

d)  $\sqrt{2x} - \sqrt{128} = 0$  e)  $\sqrt{2x} - \sqrt{50} = 0$  f)  $x^3 = -5$

g)  $\sqrt{8 + \sqrt{x}} = 6$

### Bài 4. Hình học

a) Tính giá trị của biểu thức:  $2022 \cdot \sin^2 10^\circ + 2022 \cdot \sin^2 80^\circ$

b) Cho tam giác ABC có độ dài 3 cạnh là  $a, b, c$ . Biết  $(a+b)(b+c)(c+a) = 8abc$ .

Tính  $\cot A = ?$  (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai)

c) Cho tam giác ABC vuông tại A,  $\hat{ABC} = 60^\circ$ ,  $AC = 4$ . Tính độ dài BC.

d) Cho  $\alpha = 23^\circ$ ;  $\beta = 67^\circ$ . Khẳng định nào sai:

A.  $\tan \alpha = \cot \beta$ ; B.  $\sin \alpha = \cos \beta$ ; C.  $\cos \alpha = \sin \beta$ ; D.  $\cos \alpha = \cos \beta$ .

e) Cho tam giác ABC vuông tại A, có  $\hat{ABC} = 50^\circ$ ,  $AC = 4$ . Tính độ dài BC.

f) Cho tam giác ABC vuông tại A, có  $AB = 6\text{cm}$ ;  $AC = 8\text{cm}$ , đường cao AH và đường trung tuyến AM. Tính độ dài HM.

g) Cho  $\alpha$  là góc nhọn và  $\tan \alpha = 1$ . Tính  $\alpha = \dots^\circ$ .

h) Cho tam giác ABC vuông tại A, biết:

a)  $\cot C = 2$ , tính  $\tan C$  b)  $\tan B = 0,5$ , tính  $\tan C$  c)  $\cot C = 3$ , tính

$\tan C$

(Kết quả dưới dạng phân số tối giản).

i) Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Khẳng định đúng là:

$$A. AC^2 = HC.HB;$$

$$B. AC^2 = HB.BC;$$

$$C. AC^2 = HB.BA;$$

$$D. AC^2 = HC.BC.$$

k) Một con sông rộng khoảng 100m. Một chiếc đò dự định chèo vuông góc với dòng sông sang bờ bên kia. Nhưng vì nước chảy mạnh nên phải chèo lệch một góc  $30^\circ$  so với hướng ban đầu. Như vậy chiếc đò phải chèo một khoảng bằng bao nhiêu?

### 3.2.5. Bài tập Violympic toán 9 vòng 5

#### Bài 1. Rút gọn biểu thức:

$$a) \sqrt[3]{-1728}$$

$$b) \sqrt{(3a-1)^2}$$

$$c) \frac{1}{4-\sqrt{15}} + \frac{1}{4+\sqrt{15}}$$

d) Tính căn bậc hai âm của 1024.

$$e) \frac{2}{x-y} \sqrt{\frac{9(x-y)^2}{4}} \text{ với } x < y.$$

#### Bài 2.

a) Tìm điều kiện xác định của biểu thức: a1)  $\sqrt{2x-12}$ . a2)  $\frac{1}{\sqrt[3]{x-2}}$

b) Biết phương trình  $3x+1-\sqrt{3x^2+7x}-\sqrt{3x-1}=0$  có một nghiệm có dạng  $x = \frac{a+\sqrt{b}}{c}$ , trong đó a, b, c là số nguyên dương và  $\frac{a}{c}$  tối giản. Tính  $S = a+b+c$ .

c) Cho  $x = \frac{(\sqrt{5}+2)\sqrt[3]{17\sqrt{5}-38}}{\sqrt{5}+\sqrt{14-6\sqrt{5}}}$ . Tính giá trị của biểu thức  $A = (3x^3 + 8x^2 + 2)^4$ .

d) Tính GTNN của biểu thức:

$$d1) \sqrt{4a^2-4a+1} + \sqrt{4a^2-12a+9} \quad d2)$$

$$\sqrt{3x^2+6x+12} + \sqrt{5x^4-10x^2+9}.$$

e) Rút gọn  $\frac{1}{7+3\sqrt{5}} + \frac{1}{7-3\sqrt{5}}$  là phân số tối giản  $\frac{a}{b}$  ( $a, b \in \mathbb{N}$ ). Tính giá trị  $3a+2b$ .

f) Có bao nhiêu giá trị x thỏa mãn  $\sqrt[3]{x^2-1}+3=0$ .

g) Giá trị của x thỏa mãn  $\sqrt[3]{x}=-1,5$  (kết quả dưới dạng số thập phân thu gọn).

#### Bài 3. Hàm số và đồ thị

a) Điểm  $(-2; -1)$  thuộc đồ thị hàm số nào dưới đây:

$$A. y = -2x + 5;$$

$$B. y = -2x - 5;$$

$$C. y = 2x - 3;$$

$$D. y = 2x + 6;$$

b) Cho các điểm  $M(6; -14)$ ,  $N(-1; 1)$ ,  $P(1; 7)$ ,  $Q(-2; 2)$ , điểm nào thuộc đồ thị hàm số  $y = -3x + 4$ .

c) Cho hàm số  $y = 3x + 1$  và các điểm  $M(-10; -29)$ ,  $N(-4; 10)$ ,  $P(2; 8)$ ,  $Q(5; -17)$ . Hỏi có bao nhiêu điểm thuộc đồ thị hàm số trên.

d) Cho hàm số  $y = 3x + 2$  và các điểm

$M(-10; -28)$ ,  $N(-4; -10)$ ,  $P(2; 8)$ ,  $Q(5; -17)$ . Hỏi có bao nhiêu điểm thuộc đồ thị hàm số trên.

e) Cho hàm số  $y = f(x) = 3x^2 - 6$ . Tính  $f(-2)$ .

#### **Bài 4. Hình học**

a) Cho tam giác ABC có  $\hat{B} = 45^\circ$ ,  $\hat{C} = 30^\circ$ ,  $AB = 6\text{cm}$ . Tính độ dài cạnh AC.

b) Tam giác MNP vuông tại M có  $MN = 9$ ,  $MP = 12$ . Khẳng định nào sau đây là đúng:

$$A. \sin N = \frac{4}{3}; \quad B. \sin N = \frac{3}{4}; \quad C. \sin N = \frac{3}{5}; \quad D. \sin N = \frac{4}{5};$$

c) Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH, biết  $BH = 4\text{cm}$ ,  $CH = 16\text{cm}$ . Tính độ dài đường cao AH.

d) Cho tam giác ABC có hai đường cao AD và BE cắt nhau tại H. Biết

$HD : HA = 3 : 2$ . Tính  $\tan \hat{ABC} \cdot \tan \hat{ACB}$ . (nhập kết quả dưới dạng phân số tối giản  $a/b$ ).

e) Cho tam giác ABC vuông tại A, có  $\hat{C} = 52^\circ$ ,  $BC = 6\text{cm}$ . Tính độ dài cạnh AB.

f) Tam giác MNP vuông tại M có  $MN = 9$ ,  $MP = 12$ . Khẳng định nào sau đây là đúng:

$$A. \sin P = \frac{4}{3}; \quad B. \sin P = \frac{3}{4}; \quad C. \sin P = \frac{3}{5}; \quad D. \sin P = \frac{4}{5};$$

g) Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH, biết  $BH = 9\text{cm}$ ,  $CH = 16\text{cm}$ . Tính độ dài đường cao AH.

h) Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH, Khẳng định nào sau đây là sai:

$$A. AH \cdot BC = AB \cdot AC;$$

$$B. AC^2 = BC \cdot CH;$$

$$C. AH^2 = AB \cdot HC;$$

$$D. \frac{1}{AH^2} = \frac{1}{AB^2} + \frac{1}{AC^2};$$

i) Khi tia nắng mặt trời tạo với mặt đất một góc  $35^\circ$  thì bóng của một tòa nhà trên mặt đất dài 35m. Hỏi chiều cao tòa nhà đó dài bao nhiêu mét (*kết quả làm tròn đến hàng đơn vị*).

k) Tia nắng mặt trời tạo với mặt đất một góc  $60^\circ$  thì bóng của một tòa tháp trên mặt đất dài 15m. Hỏi chiều cao tòa nhà đó dài bao nhiêu mét.

m) Tia nắng mặt trời tạo với mặt đất một góc  $60^\circ$  và bóng của một tòa tháp trên mặt đất dài 11m. Tính chiều cao của tòa tháp.

n) Trong một tam giác vuông, đường cao ứng với cạnh huyền chia tam giác đó thành hai phần có diện tích bằng  $54\text{cm}^2$  và  $96\text{cm}^2$ . Tính độ dài cạnh huyền.

p) Cho đường tròn (O; 6cm) dây lớn nhất có độ dài là ...cm.

q) Cho (O; R) có hai dây AB, CD vuông góc với nhau ở I sao cho khoảng cách từ O đến hai dây là bằng nhau. Giả sử  $IA = 2\text{cm}$ ,  $IB = 4\text{cm}$ . Tính tổng khoảng cách từ O đến hai dây AB và CD.

r) Cho (O; R) có hai dây AB, CD vuông góc với nhau ở I sao cho khoảng cách từ O đến hai dây là bằng nhau. Giả sử  $IA = 2\text{cm}$ ,  $IB = 4\text{cm}$ . Tính tổng khoảng cách từ O đến hai dây AB và CD.

s) Cho đường tròn (O; 10cm), dây cung  $AB = 12\text{cm}$ . Tính khoảng cách từ tâm O đến dây AB.

### 3.2.6. Bài tập Violympic toán 9 vòng 6

#### Bài 1. Rút gọn biểu thức:

a)  $A = \sqrt{-11a} \cdot \sqrt{-176a}$  ( $a < 0$ )      b)  $B = x \sqrt{\frac{1}{x^2}}$  ( $x < 0$ )      c)  $C = \sqrt{784x^2} + \sqrt{\frac{16x^7}{x^5}}$  ( $x < 0$ )

d)  $D = \sqrt{(2-\sqrt{3})^2} + \sqrt[3]{(2-\sqrt{3})^3}$       e)  $E = \frac{\sqrt{8}-\sqrt{27}}{\sqrt{2}-\sqrt{3}} - \sqrt{6}$       f) Biết  $\sqrt[3]{-x} = 3$ , tính  $A = -x^2$ .

#### Bài 2. Tìm các giá trị của x để biểu thức sau có nghĩa:

a)  $\sqrt{-x^2+12x-36}$       b)  $\sqrt{-4x^2+24x-36}$       c)  $\sqrt{x-2} + \frac{1}{x-3}$

#### Bài 3.

a) Cho  $A = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x-3}} - \frac{3}{\sqrt{x+3}} - \frac{6\sqrt{x}}{x-9}$  ( $x \geq 0$ ,  $x \neq 9$ ). Tính số giá trị nguyên của x để biểu thức nhận giá trị nguyên.

b) Tính giá trị lớn nhất của biểu thức  $A = \frac{3\sqrt{x+7}}{\sqrt{x+1}} - y^2 + 2y + 4$  với  $x \geq 0, y \in \mathbb{R}$ .

#### **Bài 4. Hàm số bậc nhất**

a) Cho hàm số bậc nhất  $y = (m^2 + 1)x - 2m$  và  $y = 10x - 8$ . Tìm tất cả các giá trị của  $m$  để đồ thị hai hàm số trên song song với nhau.

b) Cho hàm số bậc nhất  $y = f(x) = (m^4 + 1)x + 2$  với  $m$  là tham số. Khẳng định nào sau đây đúng.

- A.  $f(4) < f(2)$       B.  $f(2) < f(3)$       C.  $f(1) > f(2)$       D.  $f(-1) > f(0)$

c) Tìm giá trị của  $m$  để đường thẳng (d):  $y = mx - 6$  song song với đường thẳng  $y = 3x + 2$ .

d) Tìm giá trị của  $k$  để hai đường thẳng (d):  $y = -kx + 1$  và (d'):  $y = (2k + 1)x - k$  cắt nhau.

e) Đường thẳng đi qua điểm  $A(0; 8)$  và song song với đường thẳng  $y = -2x - 3$  có phương trình là:

- A.  $y = \frac{1}{2}x - 8;$       B.  $y = \frac{1}{2}x + 8;$       C.  $y = 2x + 8;$       D.  $y = -2x + 8.$

f) Điểm nào sau đây thuộc đồ thị hàm số  $y = 2x + 5$

- A.  $Q(0; -5);$       B.  $N(-1; -7);$       C.  $Q(2, 5; 0);$       D.  $M(0; 5);$

g) Đường thẳng đi qua điểm  $A(0; 5)$  và song song với đường thẳng  $y = -2x - 7$  có phương trình là:

- A.  $y = \frac{1}{2}x - 5;$       B.  $y = \frac{1}{2}x + 5;$       C.  $y = 2x + 5;$       D.  $y = -2x + 5.$

h) Hàm số nào trong các hàm số sau đây đồng biến trên  $\mathbb{R}$ .

- A.  $y = 1 - 4x;$       B.  $y = -2023x - 3;$       C.  $y = 2023x + 1;$       D.  $y = \frac{1-x}{2}.$

i) Tìm  $a$  để hàm số  $y = (3a - 1)x + 1$  nghịch biến trên  $\mathbb{R}$ .

k) Tìm  $m$  để  $y = \frac{m+3}{m-3}x + \sqrt{3}$  là hàm số bậc nhất.

m) Cho hàm số  $f(x) = x^3 + 3x - 2$ . Tính  $f(3), f(4)$ .

n) Tính số điểm chung của hai đường thẳng:  $y = -3x + 1$  và  $y = 2x + 3$ .

#### **Bài 5. Hình học**

- a) Cho đường tròn có đường kính bằng 20cm. Tính khoảng cách lớn nhất giữa hai điểm trên đường tròn.
- b) Cho đường tròn  $(O; R)$  và đường kính AB đi qua trung điểm I của dây cung CD  $(I \neq O)$ . Biết  $CI = 7cm$ ,  $OI = 24cm$ . Tính bán kính đường tròn.
- c) Tâm đường tròn ngoại tiếp là:  
 A. Giao điểm 3 đường phân giác của tam giác;      B. Giao điểm 3 đường cao của tam giác;  
 C. Giao điểm 3 đường trung tuyến của tam giác;      D. Giao điểm 3 đường trung trực của tam giác;
- d) Tâm O của đường tròn  $(O; 5cm)$  cách đường thẳng d một khoảng bằng 6cm. Số điểm chung của đường thẳng d và đường tròn  $(O; 5cm)$  là:  
 A. Không có điểm chung;      B. Có một điểm chung duy nhất;  
 C. Có vô số điểm chung;      D. Có hai điểm chung phân biệt.
- e) Cho đường tròn tâm O, hai dây AB và CD. Gọi OH và OK lần lượt là khoảng cách từ O đến hai dây AB và CD. Biết  $OH = OK$ ;  $AB = 12cm$ . Tính độ dài dây CD.
- f) Cho tam giác ABC vuông cân tại A có  $AB = a$ . Tính bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC.
- g) Tính độ dài cạnh của tam giác đều nội tiếp đường tròn  $(O; 2\sqrt{3}cm)$ .
- h) h1) Cho tam giác ABC vuông tại A có  $AC = 8$ ;  $AB = 6$ . Tính độ dài BC.  
 h2) Cho tam giác ABC vuông tại A có  $AB = 12$ ;  $AC = 16$ . Tính độ dài BC.
- m) Tính chu vi của tam giác đều ngoại tiếp đường tròn  $(O; 3\sqrt{3}cm)$ .

#### IV. THẢO LUẬN

Trong quá trình hướng dẫn và ôn luyện cho học sinh lớp 9 tham gia các vòng thi Violympic Toán 9 bằng tiếng Việt tôi nhận thấy: Các em rất hứng thú với nội dung bài học vì có bài tập cụ thể để ôn luyện trong quá trình thi Violympic không những cần đúng kết quả mà còn cần ít thời gian nhất có thể. Do vậy, khi được hướng dẫn cách làm và phân dạng toán, việc vận dụng vào bài cụ thể cũng đã giúp các em giảm bớt thời gian khi tìm ra kết quả đúng. Sau khi ôn luyện các dạng toán giúp các em củng cố kiến thức đã học và tập luyện giải nhanh bằng máy tính bỏ túi thì các em không còn thấy nản mà biết cách phân tích, hướng giải và tìm được kết quả đúng khi gặp bài toán trong quá trình làm bài thi.

## **V. KẾT LUẬN**

Chúng tôi hy vọng thông qua việc hướng dẫn học sinh ôn luyện giải bài toán trong ôn luyện thi Violympic Toán 9 góp phần làm phong phú kho tàng kiến thức, kinh nghiệm giảng dạy để nâng cao hiệu quả trong công tác dạy học. Rất cảm ơn bạn đọc đóng góp ý kiến để bài viết có chất lượng tốt hơn.

## **VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Bá Kim (chủ biên) – Bùi Huy Ngọc - Năm 2005 - *Phương pháp dạy học đại cương môn Toán* – Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
2. Phan Đức Chính (tổng chủ biên) - Tôn Thân (chủ biên) – Vũ Hữu Bình – Trần Phương Dung – Ngô Hữu Dũng – Lê Văn Hồng – Nguyễn Hữu Thảo – Năm 2021 - *Sách giáo khoa Toán 9 tập 1* - Nhà xuất bản giáo dục.
3. Tôn Thân (chủ biên) – Vũ Hữu Bình – Trần Phương Dung – Lê Văn Hồng – Nguyễn Hữu Thảo – Năm 2021 - *Sách bài tập Toán 9 tập 1* - Nhà xuất bản giáo dục.
4. Đề thi Violympic Toán 9 bằng tiếng Việt năm 2022 - 2023.
5. Violympic.vn



# LÀM RÕ NHỮNG KHÓ KHĂN, THỬ THÁCH MÀ HỒ CHÍ MINH ĐÃ VƯỢT QUA THỜI KỲ 1930-1945 KHI GIẢNG DẠY HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH CHO SINH VIÊN CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HOÀ BÌNH

Th.s Nguyễn Phương Quỳnh  
Đơn vị: LLCT-QPAN&GDTC  
Email: Nguyenquynh1969@gmail.com

## I. Tóm tắt

Bài viết đã làm rõ những khó khăn thử thách mà lãnh tụ Hồ Chí Minh đã trải qua trong giai đoạn 1930-1945- thời kỳ mà các nhà nghiên cứu Hồ Chí Minh học gọi đó là thời kỳ Hồ Chí Minh “Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng”. Đó là thử thách về những quan điểm cách mạng đúng đắn, chính xác, khoa học, sáng tạo và hoàn toàn phù hợp với thực tiễn của cách mạng Việt Nam nhưng chưa được công nhận ngay thời điểm đó. Đó là những nghi ngờ của Quốc tế cộng sản về khuynh hướng dân tộc hay cộng sản trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Đó là hai lần bị giam cầm trong nhà tù của đế quốc, thực dân trong điều kiện sống vô cùng hà khắc. Nhưng với nhân cách của một con người vĩ đại- một người cộng sản chân chính, Hồ Chí Minh đã kiên trì, bền bỉ, vững tin bảo vệ các quan điểm cách mạng của mình cũng như đã tuyệt đối trung thành với lý tưởng mà Người đã chọn. Dũng cảm, kiên cường chịu đựng gian khổ và không ngừng đấu tranh để trở về với đội ngũ của những người cộng sản, tiếp tục đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của đất nước mình cũng như sự nghiệp giải phóng tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

## II. Đặt vấn đề

Trong chương trình và nội dung giảng dạy cho sinh viên Cao đẳng chính quy học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh: **chương I** - Quá trình hình thành và phát triển của Tư tưởng Hồ Chí Minh; **phần II** - Các giai đoạn hình thành và phát triển của Tư tưởng Hồ Chí Minh, giai đoạn 4, thời kỳ từ 1930-1945 là thời kỳ Hồ Chí Minh “Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng”. Đây là thời kỳ khó khăn nhất trong cuộc đời hoạt động cách mạng của người anh hùng giải phóng dân tộc Hồ Chí Minh. Song, do thời lượng nên giáo trình không thể đề cập chi tiết, các tài liệu tham khảo hướng dẫn cho sinh viên đọc cũng không viết tỷ mỉ về thời kỳ này. Vì vậy, để làm rõ nhân cách sáng ngời của người anh hùng dân tộc- một người cộng sản chân chính “Đại nhân, Đại trí, Đại dũng”, trong quá trình giảng dạy học phần tư tưởng Hồ Chí Minh ở

trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình, tác giả đã tìm đọc các tài liệu và cung cấp cho sinh viên những nội dung tri thức cơ bản nhất về thời kỳ này để làm rõ những khó khăn, thử thách cả về tư tưởng và thể chất mà Nguyễn Ái Quốc đã rất kiên trì chịu đựng, bình tĩnh, sáng suốt, dũng cảm vượt qua. Tư tưởng chính trị đúng đắn, kiên định và trong sáng đã giúp Người vượt qua được một đoạn đời đầy thử thách chính trị tế nhị và phức tạp, chứng minh bản lĩnh cách mạng phi thường của Nguyễn Ái Quốc - bản lĩnh một lãnh tụ kiệt xuất của Đảng ta, một chiến sĩ tiêu biểu của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc. Qua đó, giáo dục sinh viên lòng kính yêu và học tập, làm theo tấm gương đạo đức, nhân cách vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

### **III. Phương pháp nghiên cứu**

Để giải quyết vấn đề trên, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

1. Phương pháp phân tích – tổng hợp
2. Phương pháp liệt kê
3. Phương pháp lịch sử
4. Phương pháp logic

### **IV. Kết quả và bàn luận**

Tại Hội nghị thành lập Đảng từ ngày 3-2 đến ngày 7-2-1930, đồng chí Nguyễn Ái Quốc, với tư cách là Ủy viên Ban Phương Đông, phụ trách Cục Phương Nam của Quốc tế Cộng sản chủ trì Hội nghị hợp nhất các đảng cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Các văn kiện thông qua Hội nghị này như: *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam, Lời kêu gọi*, tuy rất vắn tắt, nhưng tập trung đầy đủ tính khoa học, cách mạng, sáng tạo của tư duy Nguyễn Ái Quốc trong việc hoạch định những nét cơ bản về đường lối chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam. Ngày nay, các văn kiện đó được gọi là *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta*. Tuy nhiên, đó là danh hiệu tôn vinh của ngày hôm nay.

Còn trong lịch sử Đảng, chính Hội nghị thành lập Đảng và những văn kiện nói trên từng bị nhận những đánh giá, phê phán, quy kết hết sức nặng nề của một số đồng chí trong Đảng, của Hội nghị Trung ương Đảng và cả của Quốc tế Cộng sản thời kỳ 1930 – 1938. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất họp tháng 10 – 1930, thảo luận và thông qua bản dự thảo Luận cương Chính trị do đồng chí Trần Phú

trình bày và thông qua nhiều nghị quyết quan trọng. Trong đó “*Án nghị quyết của Trung ương toàn thể Đại hội nói về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng*” đã phê phán nhiều sai lầm của Hội nghị hiệp nhất Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì.

Vào cuối những năm 20 đầu những năm 30 của thế kỷ XX. Quốc tế Cộng sản bị chi phối nặng bởi khuynh hướng "tả". Khuynh hướng này đã trực tiếp tác động vào phong trào cách mạng Việt Nam. Biểu hiện rõ nhất là những quyết định được đưa ra trong Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 31-10-1930 tại Hương Cảng (Trung Quốc) theo sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất họp tháng 10.1930, thảo luận, thông qua bản Dự thảo Luận cương Chính trị do đồng chí Trần Phú trình bày và thông qua nhiều Nghị quyết quan trọng. Trong đó, Án nghị quyết của Trung ương toàn thể Đại hội nói về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng đã phê phán nhiều sai lầm của Hội nghị hiệp nhất Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì.

*Một là, sai lầm về tổ chức: “Lúc đầu tổ chức đảng, kế hoạch không xác đáng hội nghị họp nhất Đảng lại không lấy một nền chánh trị, và những kế hoạch làm việc cộng sản làm căn bản...”* [1, 108]

*Hai là, sai lầm về chính trị: “Vấn đề thổ địa. Không rõ ràng và có chỗ không đúng như chia địa chủ làm đại, trung và tiểu địa chủ...”*

Vấn đề tư bản. trong sách lược nói phải lợi dụng bọn tư bản mà chưa rõ mặt phản cách mạng...

Những điều sai lầm về sách lược đó chứng tỏ ra rằng chỉ lo đến việc phản đế, mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu ấy là một sự rất nguy hiểm” [1,110-111].

*Ba là, sai lầm về điều lệ Đảng: “Trong hệ thống tổ chức của Đảng thì bỏ mất xứ bộ...”*

Gọi Đảng là “Việt Nam cộng sản Đảng” thì không gồm được Cao Miên và Lào và để vô sản giai cấp hai xứ ấy ra ngoài phạm vi đảng là không đúng” [1,111].

Hội nghị cho rằng, Hội nghị họp nhất các tổ chức cộng sản đầu năm 1930 vì chưa nhận thức đúng nên đặt tên Đảng sai và quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương; chỉ trích và phê phán đường lối của Nguyễn Ái Quốc đưa ra trong

Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt đã phạm những sai lầm chính trị rất "nguy hiểm", vì "chỉ lo đến việc phản đế, mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu". Do đó Ban Chấp hành Trung ương đã ra nghị quyết "thủ tiêu Chánh cương, Sách lược của Đảng" và phải dựa vào các nghị quyết của Quốc tế Cộng sản, chính sách và kế hoạch của Đảng" làm căn bản mà chỉnh đốn nội bộ, làm cho Đảng Bôn-sê-vich hóa" .

Án nghị quyết này đi đến kết luận:

- a) Thủ tiêu chánh cương sách lược và Điều lệ cũ của Đảng, lấy kinh nghiệm trong thời kỳ vừa qua mà thực hành công việc cho đúng như Án Nghị quyết và Thơ chỉ thị của Quốc tế Cộng sản.
- b) Bỏ tên " Việt nam Cộng sản Đảng" mà lấy tên " Đông Dương Cộng sản Đảng" [1,111].

Sở dĩ xuất hiện những đánh giá không đúng về Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta như vậy là vì ảnh hưởng của đường lối tả khuynh từ Đại hội VI của Quốc tế Cộng sản họp năm 1928. Đường lối đó hồi thúc quần chúng cách mạng các nước tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt để giành thắng lợi cách mạng đang đến rất gần. Tinh thần của đường lối ấy được khái quát là "lấy giai cấp chống giai cấp". Đối với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, nửa thuộc địa, đường lối đó cho rằng giai cấp tư sản dân tộc không có vai trò quan trọng trong lực lượng chống chủ nghĩa đế quốc, cho nên không được liên minh với giai cấp tư sản dân tộc, phú nông, không nên cường điệu khuynh hướng cách mạng của giai cấp tiểu tư sản thành thị.

Bên cạnh những hiểu lầm về những giá trị sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên như vậy, thì bản thân tác giả của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta cũng gặp nhiều khó khăn thử thách rất lớn. Đó là với sự phối hợp của mật thám Pháp và cảnh sát Anh, ngày 6 – 6 – 1931, cảnh sát Anh đã bắt giam Nguyễn Ái Quốc tại nhà tù Victoria ở Hồng Kông. Sau đó, nhờ có sự phối hợp giữa Đảng Cộng sản Đông Dương với Hội Quốc tế cứu tế Đỏ và nhất là hoạt động của vợ chồng Luật sư Lô-dơ-bai cộng với sự năng động sáng tạo đặc biệt của mình, Nguyễn Ái Quốc được trắng án, thoát khỏi nhà tù ở Hồng Kông và trở lại Liên Xô. Mùa thu năm 1934, Nguyễn Ái Quốc được nhận vào học Trường Quốc tế Lênin niên khóa 1934 – 1935. Ngày 29 – 6- 1935, trong thư của Trường phòng Đông Dương Vera Vasilieva gửi Ban Phương Đông Quốc tế cộng sản có một ý nghi ngờ: "tháng 6 – năm 1934, Nguyễn Ái Quốc đến Mát-xcơ-va.

Qua lời kể của đồng chí thì khó xác định được tại sao đồng chí lại dễ dàng ra khỏi nhà tù và thoát khỏi tay cảnh sát Pháp”[6,87]. Sau đó, trong thư gửi Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Đông Dương, bà viết: “Đối với đồng chí Nguyễn Ái Quốc, chúng tôi cho rằng trong hai năm tới đây, đồng chí ấy cần phải nghiêm túc, nỗ lực học tập và không được làm một việc gì khác”. [6, 89].

Tháng 2 – 1936: Ban thẩm tra vụ việc Nguyễn Ái Quốc được thành lập để thẩm tra:

- 1- Vì sao biết Lâm Đức Thụ là kẻ phản bội mà vẫn sử dụng?
- 2- Vì sao Tòa án Hồng Kông chỉ kết tội nhẹ và thoát khỏi nhà tù một cách dễ dàng?
- 3- Bằng cách nào đến được Mát-xcơ-va?[8,176].

Dù đã trở về trung tâm phong trào cộng sản quốc tế, sống giữa những người đồng chí, nhưng Nguyễn Ái Quốc vẫn phải đối mặt với sự nghi kỵ về nhiều lý do khác nhau. Đó là vì sự xuất hiện những chủ trương mang tính chất “tả khuynh” trong tư tưởng và lý luận của Quốc tế cộng sản, đặc biệt là ảnh hưởng của Nghị quyết Đại hội VI Quốc tế cộng sản (6-1928) với các Đảng Cộng sản, trong đó có Đảng Cộng sản Đông Dương, đến vấn đề đặt tên Đảng, vấn đề dân tộc và giai cấp trong đường lối chiến lược và sách lược của Đảng, đặc biệt là sự bất đồng quan điểm giữa Nguyễn Ái Quốc với Quốc tế cộng sản về phương pháp cách mạng, nhất là bạo động và chất lượng cán bộ hạt nhân phong trào, như có lần Người đã phê phán việc dùng vũ lực giải thoát đồng chí hoặc bắn lại cảnh sát trong một lá thư đánh máy bằng tiếng Anh: “Những hành động mà các đồng chí chúng ta đã làm không nhận được sự ủng hộ và tự cô lập với quần chúng nhân dân, sẽ không bao giờ mang lại thành công mà trái lại sẽ chỉ làm hỏng tính cách anh hùng của chúng ta”[5,58].

Cũng trong một lá thư viết bằng tiếng Pháp gửi Quốc tế cộng sản, Người đã thẳng thắn nhận xét: “Các đồng chí Đông Dương hầu như không biết chữ. Như vậy nghĩa là thay vì sự dũng cảm và hy sinh, họ sẽ làm việc rất tốt do trình độ tư tưởng và chính trị quá thấp... kết quả này biểu hiện trong công việc hàng ngày: các đồng chí công nhân và nông dân hoàn toàn phụ thuộc vào các đồng chí trí thức” [2, 123]. Nguyễn Ái Quốc còn bị đánh giá là một người mang nặng tư tưởng chủ nghĩa dân tộc, cùng sự nghi ngờ ám ảnh về việc hình như Người được thực dân Anh thả tự do quá dễ dàng?

Thậm chí đầu năm 1935, một lá thư gửi Vụ Hải ngoại Quốc tế cộng sản còn đề nghị: “Về vấn đề liên quan đến Quốc, thì trong vòng hai năm, đồng chí ấy phải nghiêm

túc tu dưỡng bản thân trong học tập và không bỏ trí công tác khác. Sau khi kết thúc học tập, chúng ta sẽ có kế hoạch giao công việc riêng” [6,110]. Đó là nguyên nhân trong thời gian này Người không được giao một nhiệm vụ quan trọng nào. Nỗi khổ tâm nặng trĩu trong lòng Nguyễn Ái Quốc khi phải đối diện và tự mình giải tỏa những ngờ vực này.

Trong hoàn cảnh éo le ấy, Nguyễn Ái Quốc vẫn đặc biệt quan tâm đến phong trào cách mạng trong nước. Trong lá thư đề ngày 16/1/1935, Người tỏ ra lo lắng trước tình trạng nhận thức chính trị còn kém cỏi của phần đông đảng viên của Đảng Cộng sản Đông Dương và kiến nghị với Ban phương Đông Quốc tế cộng sản “Đại đa số đồng chí của chúng tôi, trình độ lý luận và chính trị rất thấp. Tôi thấy tuyệt đối cần thiết là chúng ta phải giúp đỡ các đồng chí của chúng ta khắc phục những khó khăn ấy bằng cách tạo điều kiện cho các đồng chí tiếp thu được những kiến thức sơ đẳng nhất mà mỗi chiến sĩ đều phải có” [2,110].

Cũng trong năm 1936, Ban thẩm tra vụ việc Nguyễn Ái Quốc ở Quốc tế cộng sản gồm các đồng chí: Cônxinna, Hải An và Krapxki nhóm họp và đi đến những kết luận chính như sau:

1. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã mắc một số sai lầm nghiêm trọng trong hoạt động bí mật. Ban thẩm tra yêu cầu đồng chí từ nay không để xảy ra những trường hợp tương tự. Đề nghị đồng chí rút kinh nghiệm bài học này trong hoạt động bí mật sau này [7,6].
2. Ban thẩm tra không tìm ra chứng cứ nghi ngờ nào về sự trung thành chính trị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc [7, 6].

Hồ sơ vụ việc về Nguyễn Ái Quốc được hủy bỏ.

Dù không gặp thuận lợi trong hoạt động, trước những đòi hỏi cấp thiết của tình hình thế giới và trong nước, ngày 6/6/1938, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục gửi thư cho lãnh đạo Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, Quốc tế cộng sản và đồng chí Manuilxki trình bày nguyện vọng: “Các đồng chí thân mến! Hôm nay kỷ niệm lần thứ 7 tôi bị bắt ở Hồng Công và cũng là khởi đầu năm thứ 8 tôi không hoạt động gì. Tôi viết thư này để yêu cầu các đồng chí thay đổi hoàn cảnh đau buồn này. Hãy cử tôi đến nơi nào đó hoặc cứ giữ tôi ở lại đây nhưng giao cho tôi những việc mà các đồng chí thấy có ích. Những gì tôi yêu cầu là các đồng chí đừng để tôi ngừng hoạt động quá lâu và chỉ ở bên cạnh, phía ngoài Đảng” [2,115].

Ngày 6 – 6 – 1938, dự kiến những biến đổi tình hình thế giới và trong nước khi chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra, Nguyễn Ái Quốc viết thư cho một đồng chí trong Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản đề nghị cho được về nước hoạt động. Bà Vasilieva người có quá trình theo dõi và công tác lâu năm với Nguyễn Ái Quốc lúc này đã hiểu biết rất rõ về uy tín và tài năng của Nguyễn Ái Quốc, nên có thư gửi Ban bí thư Quốc tế cộng sản rằng: “Đồng chí Lin (tức Nguyễn Ái Quốc) là ủy viên Ban chấp hành Trung ương, là người có uy tín lớn trong Đảng Cộng sản Đông Dương, nay từ đây về thì Đảng sẽ chăm chú lắng nghe những ý kiến của đồng chí ấy” [9,150] Đề nghị được chấp thuận. Ngày 29 – 9 – 1938, Nguyễn Ái Quốc rời viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, bỏ lại bản luận án đang viết dở, bắt đầu một hành trình hoạt động ở Trung Quốc trước khi trở về Tổ Quốc, ngày 28-1-1940.

Đánh giá về những tháng ngày khó khăn thử thách của Nguyễn Ái Quốc, J.Lacouture viết: Trong những năm 1934-1938, Hồ Chí Minh đã chăm chỉ học tập nhất trong đời mình, tránh những cuộc tranh chấp, thanh trừng đang diễn ra gay gắt trong Đảng Cộng sản Liên Xô và Quốc tế cộng sản” [6,145]. Sôphie Quyn Judge trong “Hồ Chí Minh những năm tháng lưu lạc (1919-1941)” cũng nhận định: “Khó có thể hình dung một người Cộng sản lão làng như Hồ Chí Minh có thể lại tiếp tục hoạt động trong thời kỳ rối ren này. Sự tồn tại của ông qua những tháng năm tồi tệ nhất của cuộc thanh trừng, đã không chỉ chứng tỏ sự chịu đựng, mà còn chứng minh bản lĩnh cách mạng phi thường của Nguyễn Ái Quốc” [6,136].

Bằng trí tuệ, phong cách sống, tinh thần làm việc và sự tin yêu giúp đỡ của những người đồng chí chân thành như Manuilxki, một lãnh đạo của Quốc tế cộng sản, V.I.Vaxilieva, một nữ đồng chí thẳng thắn trung thực, am hiểu Đông Dương, nhưng trên hết, trước hết vẫn là nghị lực, đường lối kiên trì, luôn tìm được giải pháp, Nguyễn Ái Quốc đã đứng vững trước hoàn cảnh khó khăn khi đó.

Trong 30 năm hoạt động ở nước ngoài, quãng thời gian từ 1934 đến 1938 là một khoảng lặng buồn trong cuộc đời cách mạng sôi nổi của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh. Nhưng chính khoảng lặng đó càng giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn về một Nguyễn Ái Quốc với nghệ thuật sống “dĩ bất biến ứng vạn biến”. Tư tưởng chính trị đúng đắn, kiên định và trong sáng đã giúp Người vượt qua được một đoạn đời đầy thử thách chính trị tế nhị và phức tạp, để tỏ rõ bản lĩnh một lãnh tụ kiệt xuất của Đảng ta, một chiến sĩ tiêu biểu của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc.

Trên cơ sở xác định chính xác con đường cần phải đi của cách mạng Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã kiên trì bảo vệ quan điểm của mình về vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, về cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản, chống lại những biểu hiện "tả" khuynh và biệt phái trong Đảng. Thực tiễn đã chứng minh quan điểm của Người là đúng.

Từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941, với tư cách đại diện Quốc tế Cộng sản Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ 8, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Chính thức từ Hội nghị này, tư tưởng Hồ Chí Minh và nhất là những đúng đắn, sáng tạo trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta được khẳng định, bổ sung, phát triển trực tiếp thành đường lối cách mạng Việt Nam.

Đầu năm 1942, Hồ Chí Minh đi Trùng Khánh, Trung Quốc gặp Chu Ân Lai - đại diện Đảng Cộng sản Trung Quốc bên cạnh Chính phủ trung ương Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch để phối hợp phong trào cách mạng hai nước và phong trào cách mạng thế giới. Ngày 27/2/1942, khi vừa đặt chân đến thị trấn Túc Vinh, tỉnh Quảng Tây, Hồ Chí Minh đã bị nhà cầm quyền Tưởng Giới Thạch bắt giữ trái phép. Từ đó, Người bị lưu đày trên quãng đường dài hơn 1.000km, qua 13 huyện, thị, 18 nhà ngục, trong đó khủng khiếp nhất là ngục đá Phan Long trên lưng chừng núi - nơi được ví như "địa ngục trần gian".

Trước tinh thần đoàn kết và sức đấu tranh mạnh mẽ của các đoàn thể cách mạng trong nước, của Đảng Cộng sản Trung Quốc, của một số nhân sĩ, trí thức tiến bộ trong Quốc dân đảng, của dư luận Liên Xô và thế giới, nhà cầm quyền Tưởng Giới Thạch buộc phải trả tự do cho Hồ Chí Minh ngày 9/8/1943. Ngày 9/8/1944, Hồ Chí Minh rời Liễu Châu về Việt Nam, cùng đi với Người có 18 thanh niên Việt Nam đã qua các lớp huấn luyện đặc biệt do chính Người lựa chọn và dìu dắt.

Ngày 20/9/1944, Hồ Chí Minh về đến Pắc Bó, kết thúc một quãng thời gian khá đặc biệt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người.

Tháng 10/1944, trong thư gửi đồng bào, Người kính cáo "Nhân dịp ở ngoài mà tôi hiểu rõ chính sách của các hữu bang" và khẳng định "Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!" [6,234].

Mười lăm năm (từ 1930-1945) là thời gian mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh phải trải qua nhiều gian khổ - cả những đau khổ về thể chất lẫn tinh thần trong



cuộc đấu tranh đầy gian truân và hy sinh to lớn của mình. Cùng với sự kiên cường, dũng cảm chịu đựng và vượt qua hai lần bị giam cầm trong xà lim và ngục tù của bọn đế quốc phản động và trong việc đấu tranh để xác lập và bảo vệ đường lối cách mạng đúng đắn chống mọi khuynh hướng “tả” và hữu trong Đảng ta và trong Quốc tế Cộng sản, Người đã bình tĩnh, sáng suốt, kiên trì giữ vững quan điểm sáng tạo, đúng đắn của mình. Bằng dũng khí và trí tuệ, với sự tế nhị khéo léo, với ý thức tổ chức, kỷ luật, Người đã phấn đấu quyết liệt và bền bỉ để Đảng, do Người sáng lập, đi đúng đường lối mà Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã xác định và ngày càng lớn mạnh, đã lãnh đạo nhân dân ta làm cuộc cách mạng tháng Tám long trời lở đất, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà- nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á. Đó cũng là minh chứng sinh động nhất cho sự đúng đắn của những quan điểm cách mạng Việt Nam mà Nguyễn Ái Quốc đã nêu ra trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 2-1930.

#### **IV. Kết luận**

Những khó khăn và thử thách mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã bình tĩnh, kiên trì, dũng cảm vượt qua thời kỳ 1930-1945 đã chứng minh bản lĩnh hiếm có của một người anh hùng- một người cộng sản lỗi lạc trong phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản quốc tế. Làm rõ những khó khăn, thử thách đó và quá trình Người kiên trì, vững tin vượt qua, chứng minh bằng thực tiễn sự đúng đắn của những quan điểm cách mạng đi trước thời đại ấy nhằm giúp sinh viên Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình hiểu thêm về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ đó sinh viên thêm tin yêu, kính yêu lãnh tụ Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng của Người nói riêng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 2, NXB Chính trị quốc gia, HN, 2005.
2. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 2, NXB Chính trị quốc gia, HN, 2008.
3. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3, NXB Chính trị quốc gia, HN, 2008.
4. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6, NXB Chính trị quốc gia, HN, 2008.
5. Hồ Chí Minh tiểu sử, NXB Lý luận chính trị, H 2006
6. Hồ Chí Minh những năm tháng lưu lạc (1919-1941) Sôphie Quyn Judge, NXB Sự thật ,HN,1980.
7. Hồ sơ Moscow số 495. Bảo tàng Hồ Chí Minh, HN.
8. Hồ sơ chính trị Thượng Hải số D252. Bảo tàng Hồ Chí Minh, HN.
9. Hồ sơ Quốc tế Cộng sản số 535. Bảo tàng Hồ Chí Minh, HN.

### **PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CỦA HỌC SINH LỚP 6A3 TRONG MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN PHẦN SINH HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG THỰC HÀNH CHẤT LƯỢNG CAO NGUYỄN TẮT THÀNH**

Ths: Nguyễn Thị Bích Ngọc

Đơn vị: *Phòng Hành chính-Tổng hợp*

Email: *tamtamngoc@gmail.com*

#### *Tóm tắt*

*Việc phát huy tính tích cực học tập trong môn Khoa học tự nhiên phần Sinh học là yếu tố quan trọng giúp học sinh đạt kết quả tốt trong học tập, là điều kiện giúp các em thích ứng với quá trình học tập. Xác định được các biện pháp phát huy tính tích cực học tập của học sinh lớp 6A3 trong môn Khoa học tự nhiên phần Sinh học ở trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tắt Thành, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường.*

Từ khóa: Tính tích cực, Tính tích cực học tập, môn Khoa học tự nhiên phần Sinh

học.

## **1. Đặt vấn đề**

Sự phát triển kinh tế xã hội dưới ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi phải có những lớp người lao động mới, có bản lĩnh, có năng lực, tích cực, chủ động sáng tạo, thích ứng được với thực tiễn xã hội luôn thay đổi và phát triển. Nhu cầu này đòi hỏi ngành giáo dục phải có sự thay đổi cho phù hợp với tình hình đất nước. Để đáp ứng được nguồn nhân lực có trình độ cao cho xã hội, đòi hỏi ngay trong quá trình đào tạo phải phát huy được tính tích cực, chủ động sáng tạo của người học. Và điều này cần phải được thực hiện ngay trong quá trình giảng dạy các môn học thuộc chương trình đào tạo của nhà trường.

Môn Khoa học tự nhiên là môn học bắt buộc, được dạy ở THCS, giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp tiểu học; hoàn thiện tri thức, kĩ năng nền tảng và phương pháp học tập để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong quá trình giảng dạy môn học này, một số học sinh chưa nỗ lực trong quá trình học tập, các em không tập trung trong học tập, chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao, ngại xây dựng bài... Điều này dẫn đến các em nắm vững nội dung bài học chưa chắc, kết quả học tập môn học không cao. Vì vậy, việc phát huy tính tích cực của học sinh lớp 6A3 trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành thuộc trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình trong học tập môn học này có ý nghĩa quan trọng.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận**

Sử dụng các phương pháp: quan sát, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá... các nguồn tài liệu có liên quan đến tính tích cực học tập của học sinh làm cơ sở lí luận cho quá trình nghiên cứu.

### **2.2. Phương pháp phỏng vấn**

Tiến hành phỏng vấn trực tiếp học sinh để tìm hiểu rõ hơn về thực trạng học tập học môn Khoa học tự nhiên của học sinh khối 6 trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành.

### **2.3. Phương pháp quan sát**

Tiến hành quan sát quá trình học tập môn Khoa học tự nhiên phần Sinh học của học sinh lớp 6A3 để làm rõ hơn về thực trạng học tập môn học này của các em.

## **2.4. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động**

Tiến hành nghiên cứu các sản phẩm hoạt động của học sinh trong quá trình học môn Khoa học tự nhiên phần Sinh học (*bài kiểm tra, biên bản thảo luận, bài tập thực hành...*) để đánh giá tính tích cực của học sinh trong quá trình học tập môn học này.

## **3. Kết quả nghiên cứu**

### **3.1. Một số khái niệm**

#### **3.1.1. Khái niệm tính tích cực**

Theo từ điển Tiếng Việt (Viện Ngôn ngữ học, 1999), tích cực nghĩa là có ý nghĩa, có tác dụng khẳng định, thúc đẩy sự phát triển. Người tích cực là người tỏ ra chủ động, có những hoạt động nhằm tạo ra sự biến đổi, phát triển.

Theo một nghĩa khác, tích cực nghĩa là đem hết khả năng và tâm trí vào việc làm.

Theo từ điển Tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên, 1994), tích cực là chủ động, hăng hái, nhiệt tình với nhiệm vụ được giao.

Như vậy, ta có thể hiểu tính tích cực là khả năng của mỗi người đối với cuộc sống, là sự chủ động của chủ thể trong các hoạt động, nhằm cải tạo khách thể, tạo ra sự biến đổi và phát triển.

#### **3.1.2. Khái niệm tính tích cực học tập**

Theo I.F.Kharlamop "Tính tích cực học tập là trạng thái hoạt động của học sinh, đặc trưng bởi khát vọng học tập, cố gắng trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình nắm vững kiến thức".

Theo Thái Duy Tuyên thì "Tính tích cực học tập của sinh viên là tập hợp các hoạt động nhằm làm chuyển biến vị trí của người sinh viên từ đối tượng tiếp nhận tri thức sang chủ thể tìm kiếm tri thức để nâng cao hiệu quả học tập".

Trong Luận văn Thạc sĩ của tác giả Hoàng Thế Hải cũng đề cập đến khái niệm tính tích cực như: "Tính tích cực học tập là một phẩm chất nhân cách điển hình của người học, được thúc đẩy bởi hệ thống động lực, thông qua đó người học huy động ở mức độ cao các chức năng tâm lý vào việc giải quyết các nhiệm vụ học tập có hiệu quả".

Như vậy, tính tích cực trong hoạt động học tập về thực chất là tính tích cực nhận thức đặc trưng ở khát vọng hiểu biết, cố gắng trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình chiếm lĩnh tri thức, là hoạt động nhằm làm chuyển biến vị trí của người học từ thụ động sang chủ động, từ đối tượng tiếp nhận tri thức sang chủ thể tìm kiếm tri thức để nâng cao hiệu quả học tập.

### 3.1.3. Khái niệm tính tích cực học tập của học sinh

Trên cơ sở khái niệm tính tích cực học tập, ta có thể hiểu tính tích cực học tập của học sinh là ý thức tự giác của học sinh về mục đích học tập thể hiện ở sự nhiệt tình, huy động ở mức cao nhất các chức năng tâm lý với nghị lực cao để giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ học tập nhằm chiếm lĩnh kho tàng tri thức của nhân loại.

### 3.2. Biểu hiện của tính tích cực trong học tập

Có rất nhiều quan điểm khác nhau về biểu hiện của tính tích cực học tập, tuy nhiên, theo tôi, tính tích cực học tập của học sinh được biểu hiện ở các mặt sau:

Mặt nhận thức: Học sinh nhận thức được mục đích, ý nghĩa của môn học, nhận thức được đối tượng học, điều này thể hiện thông qua hiệu quả học tập của học sinh như: Học sinh có kết quả học tập tốt, hiểu bài và có thể trình bày lại theo cách hiểu của mình, biết vận dụng những tri thức được học vào thực tiễn, có sáng tạo trong quá trình học tập.

Mặt thái độ: Học sinh có thái độ học tập đúng, nghiêm túc với môn học, điều này được thể hiện ở:

- Tự giác, chủ động, độc lập trong học tập; có nhu cầu nhận thức cao (*tự giác tìm đọc thêm tài liệu, luôn mong muốn giáo viên giao thêm nhiệm vụ, kiểm tra đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của mình, vui vẻ hợp tác với giáo viên và bạn bè trong quá trình học...*).

- Có động cơ học tập đúng đắn (*học để chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và hoàn thiện nhân cách theo yêu cầu của xã hội*).

- Có hứng thú học tập (*chăm chú nghe giảng, phát biểu xây dựng bài, tự giác hoàn thành nhiệm vụ học tập...*).

Mặt hành động: Học sinh thể hiện ở những hành động cụ thể như:

- Đi học đều.
- Tích cực phát biểu xây dựng bài.
- Xây dựng kế hoạch hoạt động học phù hợp với môn học.
- Tích cực tìm đọc thêm tài liệu.
- Thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập được giao.
- Có sáng tạo trong quá trình học tập.
- Kiên trì vượt khó...

**3.3. Vai trò của tính tích cực học tập đối với chất lượng học tập của học sinh** Chúng ta có thể khẳng định chất lượng học tập của học sinh phụ thuộc phần lớn vào tính tích cực

trong quá trình học tập của học sinh. Nói cách khác, tính tích cực học tập quyết định trực tiếp chất lượng học tập của học sinh.

Hiệu quả học tập của học sinh chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như mục đích, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức dạy học của giáo viên cũng như quá trình học sinh tự đề ra mục đích, lựa chọn nội dung, cách thức chiếm lĩnh tri thức và tự tổ chức hoạt động học tập của mình như thế nào. Trong đó, nếu học sinh tham gia tích cực vào quá trình lĩnh hội tri thức thì họ sẽ biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo đồng thời tạo ra một sự thống nhất cao giữa nội lực và ngoại lực, và như thế họ sẽ thu được hiệu quả học tập cao nhất.

Tính tích cực giúp học sinh phát huy được tiềm năng vô hạn của mình đồng thời làm nảy sinh, hình thành, phát triển bộc lộ những quá trình tâm lý. Tính tích cực học tập tạo ra khả năng phát triển năng lực học tập cũng như năng lực giáo dục, giảng dạy sau này. Tích cực học tập, học sinh sẽ mở rộng hiểu biết của mình, thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách tự giác và có chất lượng.

Học sinh tích cực học tập còn thiết lập được mối quan hệ thầy trò, bạn bè đúng đắn, xây dựng được không khí tâm lý thuận lợi để khám phá tri thức, cảm nhận sự thành công trong học tập và giao tiếp. Tính năng động, sáng tạo kiên trì của học sinh được bộc lộ, hình thành và phát triển, trên cơ sở đó hình thành và phát triển nhân cách.

### **3.4. Thực trạng học tập của học sinh lớp 6A3 trong môn Khoa học tự nhiên phần Sinh học ở trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành**

Qua quan sát trong các giờ học và trao đổi với học sinh, tôi nhận thấy học sinh chưa thực sự tích cực trong quá trình học tập môn Khoa học tự nhiên phần Sinh học, cụ thể như sau:

Trong 1 tiết học, trung bình chỉ có khoảng 2 - 3 học sinh tự giác trả lời câu hỏi của giáo viên, phần lớn các bạn học sinh phải đợi giáo viên gọi tên thì mới đứng dậy trả lời câu hỏi.

Trong các giờ thảo luận nhóm, phần lớn học sinh khác ngồi trông chờ vào kết quả làm bài của 1, 2 bạn trong nhóm, tính chủ động, tích cực phát huy xây dựng bài chưa cao. Kỹ năng hợp tác nhóm trong khi giải quyết các vấn đề còn yếu, nhóm trưởng chưa điều khiển được các thành viên trong nhóm để cùng nhau giải quyết vấn đề, nhiều học sinh không có ý thức hợp tác nhóm. Thậm chí, có nhiều nhóm học sinh không chịu làm bài, chỉ khi giáo viên yêu cầu trả lời mới bắt đầu suy nghĩ. Nhiều học sinh chưa biết cách trình

bày vấn đề, thường lan man, gây rối cho cả lớp.

Trong giờ thực hành, học sinh có tích cực hơn khi áp dụng các kiến thức vào thực tế nhưng đại đa số học sinh chưa chú ý tìm hiểu lý thuyết trước khi thực hành, các em chỉ thực hành dựa trên sự quan sát trực tiếp các hoạt động của giáo viên chứ chưa hiểu bản chất của vấn đề.

Vấn đề tự học ở nhà của học sinh lớp 6A3 ở học môn Khoa học tự nhiên phần Sinh học này chưa thực sự hiệu quả. Rất ít học sinh tự đọc sách giáo khoa trước khi lên lớp, bài tập giáo viên giao về nhà thường học sinh chỉ làm mang tính chất đối phó vì thế chất lượng bài tập không cao.

Khi ra bài kiểm tra, giáo viên đưa nội dung bài kiểm tra đòi hỏi phải tư duy tích cực thì học sinh thường gặp khó khăn trong quá trình làm bài, điểm các bài kiểm tra không cao, thậm chí có nhiều em đạt điểm dưới trung bình.

Như vậy, có thể thấy, trong quá trình học tập học môn Khoa học tự nhiên phần Sinh học, có học sinh vẫn còn thái độ trông chờ vào bạn, vào giáo viên để giải quyết vấn đề học tập của chính mình điều này có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả học tập học của các em.

### **3.5. Biện pháp phát huy tính tích cực học tập của học sinh lớp 6A3 trong môn Khoa học tự nhiên phần Sinh học ở trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành.**

#### **3.5.1. Sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề**

Phương pháp dạy học nêu vấn đề là phương pháp dạy học mà ở đó quá trình dạy và học được tổ chức bằng cách tạo ra các tình huống có vấn đề và triển khai quá trình giải quyết các tình huống ấy, tạo ra ở người học nhu cầu tự phát hiện và giải quyết các nhiệm vụ học tập để tiếp thu tri thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành tư tưởng, thái độ.

Phương pháp dạy học nêu vấn đề được thực hiện theo quy trình như sau:

*Bước 1.* Giáo viên nêu vấn đề: Căn cứ vào mục tiêu, nội dung bài dạy, giáo viên nêu vấn đề kích thích tính tích cực học tập của học sinh.

*Bước 2.* Học sinh phát hiện và giải quyết vấn đề dưới sự hướng dẫn của giáo viên: Học sinh nhận thức vấn đề, huy động tri thức kinh nghiệm và tìm cách giải quyết dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

*Bước 3.* Học sinh trình bày cách giải quyết vấn đề, đưa ra những lập luận, quan điểm của mình về vấn đề được đưa ra.

*Bước 4.* Đánh giá: Giáo viên đánh giá cách giải quyết vấn đề của học sinh hoặc gợi ý để học sinh tự nhận xét về cách giải quyết vấn đề của bạn trong lớp.

Việc vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học môn Khoa học tự nhiên 6 phần Sinh học sẽ góp phần kích thích học sinh nảy sinh nhu cầu giải quyết vấn đề, từ đó phát huy tính tích cực học tập cho học sinh.

**Ví dụ:** Khi dạy về Đa dạng của thực vật, giáo viên có thể áp dụng phương pháp này như sau:

*Bước 1:* Giáo viên nêu vấn đề: chiếu một đoạn video giới thiệu về một số dạng môi trường sống trong tự nhiên, nên sử dụng các dạng môi trường có trong hoạt động 1 (*hoang mạc, đài nguyên, rừng mưa nhiệt đới,...*); hoặc treo tranh về đa dạng sinh học ở một vùng cụ thể (*rừng, biển, núi,...*) giáo viên gợi mở để học sinh nhận ra sự đa dạng của thế giới tự nhiên: số lượng loài, số lượng cá thể trong loài, môi trường sống. Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta không bảo vệ đa dạng sinh học?

*Bước 2.* Học sinh nhận thức vấn đề, huy động tri thức kinh nghiệm và tìm cách giải quyết dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

*Bước 3.* Học sinh trình bày cách giải quyết vấn đề dựa trên khái niệm và cấu trúc của hoạt động.

*Bước 4.* Giáo viên đánh giá cách giải quyết vấn đề của học sinh hoặc gợi ý để học sinh tự nhận xét về cách giải quyết vấn đề của bạn trong lớp.

### **3.5.2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học**

Ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học giúp giáo viên rút ngắn thời gian giảng dạy, có thời gian đầu tư cho quá trình dẫn dắt, tạo tình huống có vấn đề để kích thích tư duy sáng tạo của học sinh. Ứng dụng công nghệ thông tin còn giúp học sinh chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức, độc lập trong tư duy khi được tiếp xúc với nhiều nguồn tư liệu khác nhau. Chính điều đó giúp học sinh hứng thú, hăng say hơn trong quá trình học tập.

Để thực hiện biện pháp này, giáo viên cần:

- Nghiên cứu nội dung bài dạy, xác định nội dung để ứng dụng công nghệ thông tin.
- Nghiên cứu, tìm tài liệu tham khảo bằng internet. Internet cung cấp nguồn tài liệu hết sức phong phú, đa dạng từ các trang web, các bài viết trong một khoảng thời gian



ngắn. Giáo viên có thể khai thác các hình ảnh, video, các tư liệu phục vụ cho bài dạy.

- Hướng dẫn học sinh tìm tài liệu trên internet để trao đổi thảo luận nhằm làm sáng tỏ nội dung bài học.

Ví dụ: Khi dạy phần tư duy của học sinh, giáo viên sử dụng các đoạn video ngắn về các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên thông qua các hoạt động quan sát, thảo luận theo cặp cùng suy nghĩ để nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật có xương sống với sự hướng dẫn của giáo viên, các em tìm ra tiêu chí phân biệt các nhóm động vật có xương sống: cơ quan hô hấp (*mang, phổi*), môi trường sống (*ở nước, ở cạn*), cách di chuyển (*boi, bò, bay, chạy, đi*), lớp áo bảo vệ cơ thể (*da, vảy sừng, lông vũ, lông mao*),...

### **3.5.3. Tổ chức cho học sinh thực hành tại phòng thí nghiệm, các hoạt động trải nghiệm ngoài thiên nhiên**

Sử dụng các hình thức tổ chức dạy học phù hợp sẽ tạo điều kiện thuận lợi giúp người giáo viên phát huy được tính tích cực học tập cho học sinh. Với đặc thù là môn học gắn liền với thực tế, việc tổ chức cho học sinh thực hành tìm hiểu các sinh vật ngoài thiên nhiên sẽ giúp học sinh gắn lý thuyết với thực tế, nhờ đó các kiến thức không còn trừu tượng đối với học sinh, qua đó giúp các em hiểu bài hơn, hào hứng hơn và sẽ tích cực hơn trong học tập.

Để thực hiện biện pháp này, giáo viên cần:

- Xây dựng kế hoạch bài dạy cụ thể chi tiết trong các hoạt động.
- Hướng dẫn học sinh nghiên cứu bài học.
- Hướng dẫn học sinh chi tiết trong thực hành thí nghiệm và tìm hiểu ngoài thiên nhiên.
- Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.
- Đánh giá nhận xét quá trình thực hành và kết quả thực hành của học sinh khách quan, công bằng.

### **3.2.4. Thay đổi cách kiểm tra, đánh giá**

Từng bước đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cũng là một biện pháp đẩy mạnh việc tích cực hóa hoạt động nhận thức của học sinh. Giáo viên ra đề kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh.

Biện pháp này được thực hiện dựa trên việc xây dựng các mục tiêu kiểm tra đánh giá và xây dựng tiêu chí đánh giá phù hợp.

#### 4. Kết luận

Muốn phát huy tính tích cực học tập của học sinh cần giúp các em hiểu rõ tầm quan trọng của tính tích cực trong quá trình học tập. Bên cạnh đó người giáo viên cần lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học giảng dạy phù hợp đồng thời có cách kiểm tra, đánh giá hợp lý để khuyến khích học sinh nỗ lực hơn trong quá trình học tập. Tích cực trong quá trình học tập sẽ giúp các em hào hứng hơn, chủ động xây dựng kế hoạch học tập của bản thân, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập... qua đó nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong nhà trường.

#### Tài liệu tham khảo

1. Trần Bá Hoàn, *Áp dụng dạy học tích cực trong Tâm lý - Giáo dục học*, Dự án Việt - Bỉ, 2003.
2. Hoàng Thế Hải, *Tính tích cực học tập môn Tâm lý học của sinh viên trường Đại học Sư Phạm* - Đại học Huế, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư Phạm - Đại học Huế, 2010.
3. Đặng Thành Hưng, *Dạy học hiện đại, lý luận - biện pháp - kỹ thuật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
4. I.F.Kharlamôp, *Phát huy tính tích cực học tập của học sinh như thế nào? (tập 2)*, NXB Giáo dục, 1979
5. V.Ôkôn, *Những cơ sở của dạy học nêu vấn đề*, NXB Giáo dục, 1976
6. Cao Cư Giác (chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng, *Khoa học Tự nhiên 6*, NXB Giáo dục 2021.
7. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, 2001.

# BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG CHO HỌC SINH TRUNG CẤP TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HOÀ BÌNH

Nguyễn Thị Hương May  
Khoa Bồi dưỡng và Giáo dục nghề nghiệp

## ***Tóm tắt***

*Trên cơ sở phân tích các nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của hành vi bạo lực học đường, bài viết đề xuất các biện pháp phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình. Từ đó, nhằm nâng cao nhận thức về bạo lực học đường cho học sinh, hạn chế các hành vi bạo lực xảy ra trong môi trường học đường, góp phần tạo nên một môi trường học tập an toàn, hạnh phúc.*

**Từ khoá:** *Bạo lực, Bạo lực học đường, phòng ngừa bạo lực học đường*

## **I. Đặt vấn đề**

Hiện nay, vấn nạn bạo lực học đường ngày càng có xu hướng gia tăng và gây nhức nhối trong các nhà trường. Bạo lực học đường không chỉ ảnh hưởng xấu đến môi trường học tập mà còn gây hậu quả lâu dài đến sức khỏe và tinh thần của nạn nhân cũng như các đối tượng liên quan. Theo nghiên cứu, Việt Nam đang đứng ở vị trí đáng lo ngại về tỉ lệ bạo lực học đường. Các nghiên cứu không chỉ phản ánh về sự gia tăng số lượng mà còn chỉ rõ mức độ ngày càng nghiêm trọng, nguy hiểm của các vụ bạo lực học đường. Hiện tượng bạo lực học đường không chỉ giới hạn trong phạm vi một cá nhân hay một trường hợp cụ thể mà đã lây lan ra các trường học từ thành thị đến nông thôn. Đối tượng trong các vụ bạo lực học đường cũng rất đa dạng và phức tạp, gồm học sinh ở nhiều cấp học, đặc biệt là cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Đáng chú ý là đối tượng này ngày càng trẻ hoá và mức độ ngày càng nghiêm trọng. Hiện tượng này xảy ra không chỉ đối với học sinh nam mà còn xảy ra cả với học sinh nữ. Theo dữ liệu từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong một năm học có đến gần 1600 vụ bạo lực học đường được ghi nhận. Hình thức bạo lực học đường có thể là xâm phạm, đánh đập, gây thương tích lên thân thể nạn nhân. Ngoài ra, bạo lực cũng có thể thể hiện dưới hình thức tấn công tinh thần, đe dọa, lăng mạ bằng lời nói. Điều này khiến cho người bị bạo lực rơi vào trạng thái tinh thần bị khủng hoảng, sợ hãi không dám đến trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển toàn diện của họ. Trước những hậu quả nghiêm trọng đó, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi mong muốn xây dựng các biện pháp phòng ngừa bạo lực học đường cho đối tượng học sinh hệ Trung cấp tại trường Cao

đảng Sư phạm Hoà Bình. Với mục đích nâng cao nhận thức cho các em về bạo lực học đường và góp phần xây dựng một môi trường học tập thân thiện, an toàn.

## **II. Phương pháp nghiên cứu**

### **1. Phương pháp nghiên cứu lý luận**

- Tổng hợp và phân tích tài liệu: Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã tìm hiểu, tổng hợp, khái quát, phân tích nhiều tài liệu khác nhau có liên quan đến bạo lực học đường nhằm hình thành cơ sở lý luận cho bài viết.

### **2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

- Phương pháp quan sát: Chúng tôi sử dụng phương pháp này để quan sát trực tiếp các dấu hiệu, biểu hiện và tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến bạo lực học đường để xây dựng các biện pháp phòng ngừa phù hợp.

- Phương pháp đàm thoại: Chúng tôi sử dụng phương pháp này nhằm mục đích thu thập, bổ sung thêm các thông tin về thực trạng bạo lực học đường trên các trường hợp cụ thể xảy ra ở các lớp Trung cấp tại trường Cao đẳng sư phạm Hoà Bình.

## **III. Kết quả nghiên cứu**

### **1. Khái niệm bạo lực học đường**

Căn cứ vào khoản 5 điều 2 của Nghị định 80/ 2017/NĐ - CP, *bạo lực học đường là hành vi ngược đãi, đánh đập, bạo hành, làm tổn hại đến sức khỏe, thân thể; sỉ nhục, lăng mạ đến danh dự và nhân phẩm; tẩy chay, cô lập, ruồng rẫy và những hành động gây ảnh hưởng nặng nề tới sức khỏe tinh thần và thể chất của bạn học trong các tổ chức, cơ sở giáo dục.*

Như vậy, bạo lực học đường là những hành vi gây tổn hại đến thể chất và tinh thần của người học trong môi trường học đường.

### **2. Nguyên nhân dẫn đến bạo lực học đường**

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bạo lực học đường, chúng tôi xếp thành hai nhóm nguyên nhân chủ yếu sau:

*a. Nguyên nhân chủ quan:* Kiến thức về cuộc sống và về pháp luật của học sinh có hành vi bạo lực học đường còn nhiều hạn chế. Các em chưa nhận thức được hậu quả nghiêm trọng của các hành vi mà mình gây ra đối với bạn học, với thầy cô, với gia đình và với chính bản thân các em. Đồng thời các em thiếu hụt kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp ứng xử. Đặc biệt, đối với các em đang trong độ tuổi vị thành niên có những thay đổi lớn về đặc điểm tâm sinh lý, các em muốn thể hiện bản thân mình, muốn gây sự

chú ý, muốn tỏ ra mình là người lớn, tính cách trở nên ương bướng, khó bảo, không nghe lời...

*b. Nguyên nhân khách quan:*

- Gia đình thiếu sự quan tâm đến các em, phó mặc cho nhà trường quản lý, phụ huynh chưa gần gũi với các em nên những em này chưa có được nền tảng giáo dục tốt từ gia đình.

- Những em có hành vi bạo lực học đường có thể sinh ra trong một gia đình có xu hướng bạo lực. Các em thường xuyên chứng kiến những mâu thuẫn xảy ra trong gia đình mình như: bố mẹ cãi vã, thậm chí tác động vật lý ...

- Mô hình giáo dục của nhà trường chưa đúng cách, chưa hiệu quả, còn mang tính hàn lâm, ít chú tâm vào việc giáo dục nhân cách, văn hoá ứng xử cho các em. Mặt khác, một số trường có xu hướng chạy theo thành tích, dẫn đến việc bao che cho các hành vi bạo lực, không thực hiện các biện pháp có tính răn đe, giáo dục học sinh của mình.

- Môi trường sống xung quanh các em bị ảnh hưởng xấu bởi các văn hoá bạo lực trong phim ảnh, sách báo, game có xu hướng bạo lực. Các hình ảnh này đầy rẫy trên mạng internet không được kiểm duyệt khiến cho đối tượng vị thành niên tò mò và khám phá, từ đó khi nảy sinh những mâu thuẫn nhỏ với bạn học cũng khiến các em dễ mất kiểm soát cảm xúc và dẫn đến hành vi bạo lực.

### **3. Biểu hiện bạo lực học đường**

Bạo lực học đường là biểu hiện cụ thể của hành vi hung tính, trong đó hành vi hung tính được hiểu là hành vi mang tính “thù địch”, được biểu hiện rõ ràng bằng các hành vi sau:

- + Đánh bạn, xâm phạm đến cơ thể bạn học, gây tổn hại về mặt sức khoẻ của bạn.
- + Cô lập, nói xấu, đặt điều, lan truyền thông tin không đúng sự thật về bạn, gây ảnh hưởng xấu đến tinh thần của bạn.
- + Dùng lời lẽ lăng mạ, chửi bới, chỉ trích, đe dọa bạn; khủng bố bằng điện thoại, tin nhắn khiến bạn sợ hãi, khủng hoảng tâm lý.
- + Chê bai, ngược đãi về mặt thể xác lẫn tinh thần ...

### **4. Hậu quả của bạo lực học đường**

Bạo lực học đường gây ra những hậu quả nghiêm trọng về thể chất và tinh thần của học sinh và của chính các em thực hiện hành vi bạo lực.

Đối với sức khoẻ thể chất của các em bị bạo lực học đường: Sẽ gây ra những thương tích trên cơ thể, trường hợp nặng có thể nguy hiểm đến tính mạng của nạn nhân.

Đối với tâm lý: Sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý của học sinh bị bạo lực, gây ra cho các em sự lo âu, sợ hãi, bất an, uất ức và ám ảnh. Các em bị bạo lực học đường sẽ trở nên lầm lì, ít nói, mất tự tin, ngại tiếp xúc với mọi người, lo sợ đến trường, thậm chí phát sinh các vấn đề về sức khoẻ tâm thần. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình học tập của các em.

Còn đối với các em học sinh thực hiện hành vi bạo lực học đường cũng sẽ trở thành đối tượng bị thù hằn và bị ghét bỏ bởi các nạn nhân. Các bạn học cùng lớp xa lánh, ngại tiếp xúc. Ngoài ra, ở các em này cũng sẽ xuất hiện tâm lý lo lắng bị nạn nhân, gia đình và bạn bè nạn nhân trả thù. Các em sẽ phải đối mặt với việc nhà trường kỷ luật ( đình chỉ học tập tạm thời hoặc có thể bị đuổi học); với các hành vi nguy hiểm, nghiêm trọng thì các em thực hiện hành vi này sẽ phải chịu sự truy tố của pháp luật. Quá trình học tập gián đoạn, tương lai của các em bị ảnh hưởng tiêu cực, gây ra những gánh nặng cho gia đình và cộng đồng.

## **5. Một số biện pháp phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh hệ Trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình**

### **5.1. Đặc điểm tình hình học sinh hệ Trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình.**

Hiện nay, học sinh theo học hệ trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình gồm 2 lớp: Trung cấp Ứng dụng công nghệ thông tin và Trung cấp Hướng dẫn Du lịch. Hầu hết, các em đều là con em các dân tộc sinh sống trong khu vực tỉnh Hoà Bình. Độ tuổi của các em đang trong giai đoạn từ 16 đến 17 tuổi (Tương đương với cấp học Trung học phổ thông). Các em cũng giống như các bạn cùng trang lứa, đang phải trải qua những thay đổi lớn về đặc điểm tâm sinh lý. Một số em cũng có ít nhiều những biểu hiện như muốn gây sự chú ý, ương bướng, khó bảo, trêu đùa bạn thái quá, giao tiếp ứng xử với bạn bè và mọi người xung quanh còn chưa phù hợp...

### **5.2. Một số biện pháp phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh hệ Trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình**

*a. Nâng cao nhận thức về nguy cơ, hậu quả của bạo lực học đường cho học sinh các lớp hệ Trung cấp*

Tuyên truyền phổ biến cho các em về biểu hiện, nguy cơ, hậu quả của vấn nạn bạo lực học đường thông qua các hình thức đa dạng như: lồng ghép nội dung vào các môn học, các buổi sinh hoạt lớp, tổ chức các buổi tọa đàm có sự tham gia tư vấn, tham vấn của chuyên gia; thông qua các cuộc thi tìm hiểu về bạo lực học đường,... để các em hiểu rõ hậu quả của nó mà không thực hiện các hành vi đó. Đồng thời, công tác tuyên truyền sẽ trang bị cho các em kiến thức, kỹ năng ứng phó nếu bị bạn học thực hiện các hành vi bạo lực học đường.

Để công tác tuyên truyền đem lại hiệu quả cao cần xây dựng kế hoạch cụ thể cho hoạt động này. Khi xây dựng kế hoạch tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về nguy cơ, hậu quả của bạo lực học đường cho học sinh nói chung và học sinh các lớp Trung cấp nói riêng cần đảm bảo cấu trúc sau:

- + Tên hoạt động:.....
- + Mục tiêu của buổi tuyên truyền:.....
- + Thời gian – địa điểm:.....
- + Hình thức và phương tiện:.....
- + Đối tượng tham gia:.....
- + Phân công trách nhiệm cụ thể cho các đối tượng:.....
- + Nội dung cụ thể:.....

*b. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng, hấp dẫn, lôi cuốn toàn thể học sinh tích cực tham gia.*

Các hoạt động giáo dục trong nhà trường có ý nghĩa to lớn đối với việc phát triển mọi mặt cho học sinh. Nhà trường nên tổ chức các hoạt động mang tính nhân văn, có tính giáo dục nhằm định hướng nhân cách cho người học, giúp họ phát huy những đức tính tốt đẹp trong bản thân như:

- + Các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo giúp các em phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau.
- + Hoạt động uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa hình thành cho các em lòng biết ơn, tiếp nối truyền thống cao đẹp của dân tộc.
- + Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để phát triển tính chủ động, sáng tạo, tính trung thực, tinh thần đồng đội, tinh thần trách nhiệm cho các em
- + Hoạt động tuyên truyền về văn hóa ứng xử nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp, góp phần hạn chế các hành vi thiếu kiểm soát của các em.

+ Tăng cường các hoạt động tập thể để học sinh trong lớp thêm hiểu nhau, gắn bó và thắt chặt tình cảm bạn bè hơn. Các hoạt động phải có nội dung hấp dẫn, hình thức tổ chức phải phong phú, lôi cuốn học sinh tham gia một cách tích cực. Khi tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục, học sinh sẽ hạn chế tiếp xúc với thiết bị điện tử, ít có cơ hội tham gia những hoạt động vô nghĩa, không bổ ích.

*c. Phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục trong công tác phòng ngừa bạo lực học đường.*

Phòng ngừa bạo lực học đường không chỉ là trách nhiệm của nhà trường mà của toàn xã hội. Vai trò của các lực lượng giáo dục trong công tác này là như nhau. Trong đó, môi trường gia đình là nền tảng giáo dục ban đầu. Phụ huynh cần nhận thấy rõ trách nhiệm của mình với con cái. Trước hết là việc tạo cho con em mình một môi trường sống lành mạnh, an toàn. Các thành viên trong gia đình quan tâm, yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau. Trẻ sẽ học theo cách ứng xử của bố mẹ và người lớn trong gia đình dành cho nhau. Chính vì lẽ đó, ông bà, bố mẹ phải là tấm gương sáng để con cái noi theo. Phụ huynh cần thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm để nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của con em mình tại nhà trường.

Nhà trường là một môi trường giáo dục có kế hoạch, có mục đích, có nội dung, có phương pháp và hình thức tổ chức rõ ràng. Đây là lực lượng giữ vai trò chủ đạo trong quá trình giáo dục rèn luyện hình thành nhân cách cho người học. Nhà trường sẽ là cầu nối để phối hợp với các lực lượng khác trong công tác giáo dục học sinh nói chung và công tác phòng chống bạo lực học đường nói riêng. Nhà trường cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thu thập, xử lý thông tin liên quan đến bạo lực học đường.

Bên cạnh vai trò của hai lực lượng này, không thể bỏ qua vai trò của các tổ chức đoàn thể khác như: Công đoàn, hội phụ nữ, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên... Đồng thời phối kết hợp với các lực lượng chức năng như công an Phường, công an khu vực để thực hiện công tác phổ biến pháp luật đến học sinh trong nhà trường. Xã hội chung tay để phòng ngừa bạo lực học đường chính việc làm hiệu quả để giúp học sinh có môi trường học tập trong sáng có ích.

### **III. Kết luận**

Nói tóm lại, phòng ngừa bạo lực học đường là việc làm cấp bách và vô cùng cần thiết trong các nhà trường hiện nay. Trước những hậu quả nghiêm trọng mà bạo lực



học đường gây ra, mỗi lực lượng giáo dục cần thấy rõ vai trò và trách nhiệm của mình. Học sinh dù ở lứa tuổi nào cũng rất cần sự quan tâm chỉ bảo, định hướng của người lớn, đặc biệt là của ông bà, bố mẹ, thầy cô giáo. Vì một môi trường học tập an toàn, thân thiện và hạnh phúc cần giúp học sinh hệ Trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình nói riêng và học sinh ở các nhà trường trong cả nước nói chung có hiểu biết rõ về các hành vi bạo lực học đường, giúp các em tránh xa các hành vi ấy, góp phần xây dựng môi trường học tập thân thiện, an toàn và hạnh phúc.

### **Tài liệu tham khảo**

1. TS Trịnh Thị Anh Hoa, PGS.TS Lê Vân Anh, TS Lưu Thu Thủy ,*Cẩm Nang Phòng Chống Bạo Lực Học Đường Cho Học Sinh Trung Học*, NXB Giáo dục Việt Nam
2. Lưu Quang Hưng - Nguyễn Thu Trang - Ngô Thị Thanh Mai - Phạm Văn Tư - Nguyễn Thị Mai Hương, *Công Tác Xã Hội Với Vấn Đề Bạo Lực Học Đường (DN)*, NXB Giáo dục Việt Nam.
3. <https://ums.vnu.edu.vn/bao-luc-hoc-duong-nguyen-nhan-va-bien-phap-phong-tranh/>
4. <https://luatvietnam.vn/linh-vuc-khac/bao-luc-hoc-duong-la-gi-883-93452-article.html>

# BIỆN PHÁP NÂNG CAO KỸ NĂNG TỰ HỌC CHO HỌC SINH TRUNG CẤP TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HOÀ BÌNH

Nguyễn Thị Hương May  
Khoa Bồi dưỡng và Giáo dục nghề nghiệp

## ***Tóm tắt***

*Trên cơ sở nghiên cứu tầm quan trọng của kỹ năng tự học đối với người học và phân tích thực trạng kỹ năng tự học của học sinh trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình, bài viết đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng tự học cho đối tượng này. Từ đó, mong muốn góp phần nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục tại nhà trường.*

**Từ khoá:** *Tự học, kỹ năng tự học*

## **I. Đặt vấn đề**

Trong xã hội hiện đại, con người ngày càng chủ động, độc lập hơn khi tham gia vào hoạt động học tập. Người học có thể tiếp cận tri thức cũng như mở rộng vốn hiểu biết của mình bằng nhiều phương pháp khác nhau trong đó có tự học. Đây được coi là một trong những cách học đem lại hiệu quả cao nếu như người học hình thành cho mình kỹ năng tự học tốt. Đối với học sinh, thời gian học trên lớp có sự hướng dẫn của giáo viên không nhiều. Hơn nữa nguồn tri thức của nhân loại thì vô cùng rộng lớn. Trong khoảng thời gian eo hẹp trên lớp, các em khó có thể nắm bắt được toàn bộ nội dung học liên quan. Các em cần hình thành cho mình tự ý thức học tập, chủ động trong việc củng cố và mở rộng vốn kiến thức. Tuy nhiên, trong thực tế không phải người học nào cũng có kỹ năng tự học. Thậm chí với một số em học sinh có ý thức tự giác trong học tập, tự ôn luyện thêm ở nhà nhưng hiệu quả đem lại chưa cao. Học sinh trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình hầu hết đang trong độ tuổi học sinh Trung học Phổ thông. Với trình độ nhận thức còn hạn chế, lần đầu các em tiếp cận với các môn học mới, môi trường giáo dục mới và phương pháp dạy học của hoạt động Giáo dục nghề nghiệp tại nhà trường cũng có nhiều khác biệt so với trường Trung học cơ sở. Do đó, phần lớn các em chưa thích nghi được và cũng chưa có kỹ năng tự học đem lại hiệu quả. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng học tập của các em trong thời gian qua. Với mong muốn cải thiện kết quả học tập cho học sinh trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nâng cao kỹ năng tự học cho

đối tượng này, để các em có thể tự tin hơn trong việc tiếp thu kiến thức, chủ động học tập và rèn luyện nhằm đạt được kết quả như mong muốn.

## **II. Phương pháp nghiên cứu**

### **1. Phương pháp nghiên cứu lý luận**

Tổng hợp và phân tích tài liệu: Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã tìm hiểu, tổng hợp, khái quát, phân tích nhiều tài liệu khác nhau có liên quan đến kỹ năng tự học nhằm hình thành cơ sở lý luận cho bài viết.

### **2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

Phương pháp quan sát: Chúng tôi sử dụng phương pháp này để quan sát thực trạng tự học của học sinh trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình để có cơ sở xây dựng các biện pháp phù hợp.

Phương pháp đàm thoại: Chúng tôi sử dụng phương pháp này nhằm mục đích thu thập, bổ sung thêm các thông tin về thực trạng tự học của học sinh ở các lớp Trung cấp tại trường Cao đẳng sư phạm Hoà Bình.

## **III. Kết quả nghiên cứu**

### **1. Khái niệm tự học**

#### **1.1. Tự học**

Tự học được hiểu đơn giản là quá trình tự tiếp thu kiến thức mà không có sự hướng dẫn chỉ bảo của người khác. Bản thân người học phải tự nghiên cứu, tự tìm thông tin và suy luận, tư duy để chiếm lĩnh được đối tượng học tập.

Trong thời kỳ công nghiệp 4.0, với sự bùng nổ của công nghệ thông tin thì khái niệm tự học không chỉ bó hẹp trong phạm vi “học một mình” mà còn được mở rộng hơn so với nghĩa ban đầu. Tự học có thể thông qua hình thức học trên mạng xã hội, học online dưới sự chỉ dẫn “gián tiếp” của nhà giáo dục nói chung và của giáo viên nói riêng, người học vẫn có thể nắm được nội dung bài học một cách hiệu quả. Khi học theo một chương trình có sẵn trên trực tuyến thì học sinh vẫn phải chủ động tìm hiểu kiến thức. Đây chính là nét đặc trưng của khái niệm tự học.

#### **1.2. Kỹ năng tự học**

Kỹ năng tự học là khả năng một cá nhân có thể tự mình chủ động tìm kiếm, tiếp thu và áp dụng kiến thức hặc kỹ năng mới mà không cần sự hướng dẫn trực tiếp từ người khác.

Kỹ năng tự học bao gồm việc xác định mục tiêu học tập, lựa chọn và sử dụng hiệu quả các nguồn học liệu, áp dụng các phương pháp học tập phù hợp, tự đánh giá quá trình tự học và kết quả học tập của bản thân, duy trì động lực học tập lâu dài. Nó đòi hỏi sự kỷ luật, tự giác, khả năng tự quản lý thời gian và nguồn lực cá nhân.

Kỹ năng tự học là một kỹ năng mềm, bao gồm 3 nhóm kỹ năng chính:

- + Nhóm kỹ năng định hướng hoạt động tự học: Kỹ năng tiếp nhận, phát hiện vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch để thực hiện định hướng tự học của bản thân.
- + Nhóm kỹ năng thực hiện hoạt động tự học: Kỹ năng tìm tòi, nghiên cứu tài liệu; kỹ năng giải quyết các vấn đề; kỹ năng thực hành...
- + Nhóm kỹ năng tự kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động tự học.

## **2. Tầm quan trọng của kỹ năng tự học**

Kỹ năng tự học có vai trò vô cùng quan trọng đối với người học nói chung và đối với học sinh trung cấp nói riêng. Kỹ năng này không chỉ giúp cá nhân tiếp cận, áp dụng thành công kiến thức và kỹ năng mới vào trong cuộc sống hàng ngày mà còn mở ra cơ hội phát triển bản thân trong lĩnh vực nghề nghiệp. Trong xã hội hiện đại, với sự bùng nổ của Công nghệ thông tin và biến đổi không ngừng của thị trường lao động, kỹ năng tự học có ý nghĩa quan trọng giúp cá nhân duy trì sự cạnh tranh và đóng góp hiệu quả cho xã hội.

Đối với học sinh trung cấp, kỹ năng tự học sẽ giúp các em nắm vững và mở rộng kiến thức ở các môn học. Điều đó sẽ giúp cho các em dễ dàng thích ứng với môi trường học tập mới, tiếp thu kịp thời vốn tri thức mới của loài người mà không bị tụt hậu phía sau. Ngoài ra, kỹ năng tự học giúp mỗi cá nhân thích ứng nhanh chóng với các phong cách học tập khác nhau. Cho phép học sinh khám phá và áp dụng các phương pháp học tập phù hợp với bản thân.

Kỹ năng tự học cho phép mỗi người tự đặt mục tiêu và tạo động lực để đạt được chúng. Thay vì phải chờ đợi người khác chỉ dạy và hướng dẫn, người học có thể tự mình tìm hiểu và tiến bộ trong cả học tập lẫn phát triển sự nghiệp cá nhân sau này.

Quá trình học sinh tự học đòi hỏi các em phải suy nghĩ, phân tích, tổng hợp và vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Điều này giúp học sinh phát triển tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề một cách hiệu quả. Khi có kỹ năng tự học, học sinh sẽ cảm thấy tự tin hơn trước những vấn đề nảy sinh trong hoạt động học cũng như trong tất cả các hoạt động khác.

### **3. Biểu hiện của tự học**

Biểu hiện của tự học có thể thấy rõ qua một số dấu hiệu dưới đây, phản ánh khả năng và thái độ chủ động trong việc học tập và phát triển bản thân.

- Người học chủ động tìm kiếm kiến thức: Điều này thể hiện rõ ở việc cá nhân tự mình tìm kiếm học liệu, sách tham khảo, tạp chí, bài báo khoa học, các nguồn tài liệu trực tuyến, bài giảng trên các trang thông tin điện tử...
- Xác định mục tiêu học tập rõ ràng: Bản thân người học tự đặt ra cho mình các mục tiêu học tập cụ thể và từ đó lập kế hoạch học tập để phấn đấu.
- Người học biết tổ chức thời gian học tập: Trong ngày có rất nhiều hoạt động người học cần phải tham gia. Để không ảnh hưởng đến thời gian dành cho việc học thì người học cần chủ động trong việc phân chia thời gian một cách hợp lý, khoa học. Xây dựng thời gian biểu và thực hiện theo thời gian biểu sẽ không chỉ có ý nghĩa trong việc quản lý thời gian mà còn giúp người học làm chủ việc học của cá nhân mình.
- Tích cực tham gia vào các cộng đồng học tập: Một trong những biểu hiện của tự học là cá nhân đó rất tích cực tham gia các nhóm học trực tiếp, các diễn đàn hoặc là tích cực tham gia các nhóm học trực tuyến để trao đổi kiến thức cũng như kinh nghiệm với người khác. Khi tích cực tham gia vào cộng đồng học tập, người học sẽ có cơ hội làm giàu vốn hiểu biết của mình, kích thích sự ham học hỏi của cá nhân, tạo động lực học tập và có ý chí vượt qua sự lười biếng hay các rào cản khác trong quá trình tự học.
- Áp dụng các phương pháp học tập hiệu quả: Mỗi người có một đặc điểm khác nhau về tâm sinh lý, khả năng nhận thức, tư duy, óc sáng tạo...do đó sẽ tự lựa chọn cho mình một phương pháp học tập phù hợp. Có nhiều cách thức học tập như làm bài tập, thảo luận, tự học qua dự án, học qua giảng dạy, sử dụng sơ đồ tư duy, học nhóm ...
- Cá nhân biết tự kiểm tra và đánh giá bản thân mình một cách khách quan: Trong quá trình học tập, người học cần có sự đánh giá lại toàn bộ quá trình đó cũng như kết quả đạt được để có sự điều chỉnh phương pháp học nâng cao hiệu quả.

Có thể nói, biểu hiện của tự học không chỉ giới hạn ở việc tiếp thu kiến thức mà còn bao gồm cả việc phát triển kỹ năng và thái độ sống tích cực, giúp cá nhân học tập hiệu quả, thành công hơn trong công việc của mình.

### **4. Một số lưu ý trong quá trình rèn kỹ năng tự học**

Để thành công trong quá trình rèn kỹ năng tự học, người học cần lưu ý một số điều sau:

- Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết, rõ ràng: Phần lớn những trường hợp tự học không hiệu quả là do họ không xây dựng kế hoạch cho quá trình này. Nếu chỉ tự học mà không có mục tiêu cụ thể và lịch trình rõ ràng thì khả năng cao người học sẽ lạc hướng và mất động lực. Để khắc phục điều này, người học cần lập kế hoạch và thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch.
- Lựa chọn phương pháp học tập phù hợp: Mỗi người có phương pháp học tập hiệu quả của riêng mình. Có người học tốt qua việc đọc sách, nghiên cứu tài liệu tham khảo, làm bài tập thực hành, có người lại tự học tốt hơn bằng cách đọc tài liệu trên trực tuyến, ... Nếu không áp dụng đúng phương pháp học tập phù hợp sẽ rất khó để đảm bảo việc học có kết quả cao. Trong thực tế, không có phương pháp nào là hiệu quả nhất nên người học cần có thử nghiệm phối hợp các phương pháp khác nhau để tránh việc tự học quá nhàm chán.
- Người học cần kiên nhẫn và có kỷ luật của cá nhân: Tự học là một quá trình vất vả. Quá trình rèn luyện kỹ năng tự học đòi hỏi cá nhân phải có sự nỗ lực của ý chí. Bởi con người rất khó vượt qua cảm dỗ của sự lười biếng và của các hoạt động giải trí hấp dẫn khác. Nhiều người dễ nản lòng và từ bỏ khi gặp khó khăn hoặc tiến trình học tập chậm chạp. Do đó, bên cạnh việc kiên trì thì cá nhân cũng cần đặt ra cho mình những nguyên tắc và kỷ luật riêng nhằm duy trì quá trình này.
- Khai thác học liệu hiệu quả: Việc tận dụng các nguồn tài liệu, học liệu khác như sách, báo, tạp chí, bài giảng trực tuyến, video hướng dẫn... sẽ giúp cho người học có cái nhìn toàn diện và phong phú hơn về nội dung, chủ đề mà mình đang học. Quan trọng người học cần lựa chọn các học liệu và địa chỉ trang mạng uy tín, chính thống để thu nhận được các thông tin chính xác và bổ ích.
- Cần có sự đánh giá và phản hồi: Không tự đánh giá quá trình học tập và không nhận phản hồi từ nguồn bên ngoài có thể khiến người học không nhận ra những điểm yếu, thiếu sót nên không có sự điều chỉnh cho hợp lý để tiến bộ. Chính vì vậy, trong khi tự học, người học nên tự kiểm tra bằng cách làm các bài tập vận dụng, tìm kiếm sự phản hồi từ thầy cô giáo, bạn bè hoặc cộng đồng học tập.

- Chủ động tương tác và giao tiếp: Điều này sẽ giúp cho người học có cơ hội tạo ra môi trường tự học phong phú, không chỉ tự học một mình mà có thể tạo ra một cộng đồng học tập chủ động, tự tin trên con đường chinh phục tri thức.

## **5. Một số biện pháp nâng cao kỹ năng tự học cho học sinh Trung cấp trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình**

### **5.1. Đặc điểm tình hình học sinh hệ Trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình.**

Học sinh theo học Trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình hầu hết đang trong độ tuổi trung học phổ thông. Do đó, các em đều có những nét đặc trưng về tâm lý của lứa tuổi này. Bên cạnh những em chăm chỉ, có ý thức trong học tập thì cũng có nhiều em học tập chưa nghiêm túc. Các em chưa xác định rõ cho mình những mục tiêu học tập cụ thể. Với trình độ nhận thức còn hạn chế thì việc tiếp cận các môn học mới, phương pháp học có nhiều khác biệt so với cách học trước đây khiến cho học sinh có nhiều bỡ ngỡ. Các em lúng túng trong việc phải làm quen với cách học cần phải tự nghiên cứu, tự tra khảo tài liệu. Với khung thời gian nhất định trên lớp thì sự hướng dẫn của giáo viên chỉ cung cấp được cho các em những kiến thức cơ bản nhất. Để củng cố nắm vững kiến thức cũng như để mở rộng vốn hiểu biết của mình về nội dung đó đòi hỏi học sinh phải nghiêm túc trong quá trình tự học. Tuy nhiên, khi trao đổi với các em về quá trình tự học chúng tôi thấy rất nhiều em chưa có kỹ năng tự học. Phần lớn các em mới chỉ ôn bài qua giáo trình chính. Các em chưa chủ động trong việc tìm kiếm các nguồn tài liệu tham khảo. Ngoài ra, các em cũng chưa khai thác triệt để ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình tự học. Hơn nữa, các em dành nhiều thời gian cho những trang mạng xã hội không thực sự bổ ích phục vụ cho hoạt động học tập. Điều này khiến cho kết quả học tập của các em chưa cao.

### **5.2. Một số biện pháp nâng cao kỹ năng tự học cho học sinh Trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình**

#### ***5.2.1. Nâng cao nhận thức cho học sinh trung cấp tại Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình về tầm quan trọng của kỹ năng tự học.***

- a. Mục đích: Biện pháp này nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về kỹ năng tự học, thấy được tầm quan trọng của kỹ năng tự học để tự học một cách hiệu quả.
- b. Cách thực hiện:

Để nâng cao nhận thức cho học sinh trung cấp về tầm quan trọng của kỹ năng tự học, nhà giáo dục có thể thực hiện trực tiếp các hoạt động sau:

- Thông qua các tiết dạy trực tiếp trên lớp, các buổi sinh hoạt lớp, các buổi thảo luận Xêmina, các buổi tọa đàm về các chủ đề nâng cao chất lượng dạy học, ... giáo viên chia sẻ cho học sinh thấy được vai trò của quá trình tự học.
- Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, khi công nghệ số phát triển như vũ bão, tri thức của nhân loại ngày càng nhiều vấn đề mới mẻ, người học nói chung và học sinh các lớp Trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình nói riêng cần ý thức được việc chủ động tìm kiếm thông tin để làm giàu vốn hiểu biết của mình.
- Không chỉ giáo viên mà các lực lượng giáo dục khác như gia đình, các tổ chức đoàn thể trong xã hội cũng cần động viên khích lệ học sinh ý thức tự học để đạt được mục tiêu giáo dục. Tạo ra các sân chơi, các hoạt động học tập hấp dẫn để học sinh tham gia. Học sinh sẽ dành nhiều thời gian dành cho việc học mà hạn chế tối đa thời gian cho các hoạt động vô nghĩa khác.

### **5.2.2. Xây dựng mục tiêu học tập.**

- a. Mục đích: Mục tiêu học tập chính là kim chỉ nam để học sinh tham gia quá trình học và rèn luyện tại nhà trường không bị chệch hướng. Bởi Bất kỳ hoạt động nào muốn đạt được kết quả như mong muốn thì cũng phải xây dựng mục tiêu rõ ràng.
- b. Cách thực hiện

Mục tiêu chính là dự kiến sản phẩm ban đầu mà con người phấn đấu để hoàn thành. Trong lĩnh vực học tập, việc xây dựng mục tiêu càng có ý nghĩa hơn bao giờ hết. Chỉ khi xây dựng được mục tiêu học tập chi tiết, rõ ràng cụ thể thì người học mới có động lực để thực hiện. Mục tiêu phải được xây dựng phù hợp với đặc điểm, năng lực của người học. Tùy từng môn học và điều kiện hoàn cảnh cụ thể mà người học xây dựng mục tiêu cho mình. Mục tiêu đó có thể theo ngày, theo tuần, theo tháng, theo kỳ học. Mục tiêu chính là kim chỉ nam hành động để người học không bị lệch hướng. Đồng thời mục tiêu sẽ giúp cho người học quyết tâm và kiên trì hơn để tiến tới cái đích trước mắt.

### **5.2.3. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thời gian tự học.**

- a. Mục đích: Biện pháp này giúp cho người học chủ động trong việc sắp xếp thời gian và lựa chọn địa điểm tự học để đem lại kết quả cao.

- b. Cách thực hiện:



Sau khi đã xây dựng được mục tiêu rõ ràng, cụ thể, bước tiếp theo người học sẽ xây dựng kế hoạch và tổ chức thời gian tự học cho bản thân. Bởi việc học không phải ngày một ngày hai mà là cả một quá trình dài không ngừng trau dồi, nghiên cứu và nỗ lực. Học sinh cần phải kiên nhẫn và tạo thói quen tự học, sắp xếp thời gian hợp lý, lịch học, tần suất học một cách nhất quán để có thể tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả nhất. Thời gian tự học có thể là bất kỳ thời điểm nào trong ngày tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể. Với học sinh Trung cấp tại trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình thì thời gian tự học có thể ngoài giờ trên lớp, có thể ngay trong chính tiết học, có thể ở các khung giờ khác phù hợp cho việc tiếp thu tri thức. Học sinh có đủ điều kiện về cơ sở vật chất như thư viện sạch sẽ, yên tĩnh, có nhiều đầu sách tham khảo, mạng internet, phòng tin học... phục vụ cho quá trình này. Quan trọng là các em ý thức thực hiện theo kế hoạch mà mình đã xây dựng lên.

#### ***5.2.4. Hướng dẫn học sinh chủ động tìm kiếm kiến thức.***

a. Mục đích: Giúp cho học sinh tiết kiệm thời gian tìm kiếm thông tin trong quá trình tự học và tìm kiếm được các tài liệu phục vụ cho các môn học một cách chính xác, khoa học.

b. Cách thực hiện:

Do học sinh Trung cấp chưa có kinh nghiệm trong việc tìm kiếm thông tin. Trong khi đó, tài liệu vô cùng đa dạng, rất nhiều đầu sách tham khảo, trang tin điện tử thì tràn lan, quá nhiều thông tin nên rất khó để chọn được thông tin chính xác, cần thiết với chủ đề và nội dung học. Chính vì vậy, giáo viên, gia đình, các lực lượng giáo dục khác cần hướng dẫn các em chủ động tìm kiếm kiến thức bằng cách:

- Giới thiệu, chia sẻ cho các em các tài liệu, tên sách tham khảo, các học liệu khác một cách chính xác, rõ ràng.
- Đồng thời, chỉ cho các em những trang web uy tín, chính thống của ngành đề phục vụ cho quá trình tìm kiếm dữ liệu liên quan; giới thiệu cho các em các cộng đồng học tập, các bài giảng, video uy tín, hiệu quả để tránh hiện tượng các em sử dụng những thông tin chưa có sự kiểm chứng, thiếu chính xác, không khoa học.

### **III. Kết luận**

Nói tóm lại, kỹ năng tự học là một trong những kỹ năng quan trọng giúp học sinh tiếp cận tri thức, phát triển bản thân, nâng cao kỹ năng chuyên môn và giúp các em thích nghi với những thay đổi của môi trường xã hội cũng như của thị trường lao động.

Nhà giáo dục cần có những định hướng giúp người học hình thành kỹ năng này để việc học không chỉ là nhiệm vụ bắt buộc mà còn trở thành niềm vui, sự hứng thú mỗi khi khám phá tri thức mới của nhân loại. Các em sẽ không còn cảm thấy áp lực, căng thẳng mỗi khi tự học. Thay vào đó, tự học trở thành nhu cầu không thể thiếu để mở rộng hiểu biết. Có kỹ năng tự học thì học sinh sẽ dễ dàng hơn trong việc hoàn thành mục tiêu giáo dục và các mục tiêu học tập khác của cá nhân mình.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Duy Cần - Thu Giang (2011), *Tôi tự học*, NXB trẻ.
2. Nguyễn Thanh Hương – Đào Tú Anh – Đỗ Ngọc Bích – Trần Hà Hải (dịch), *Học tập cũng cần chiến lược*, NXB Lao động.
3. Nguyễn Hiền Lê, *Kim chỉ nam của học sinh*, NXB Hồng Đức
4. <https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/ky-nang-tu-hoc>
5. <https://careerviet.vn/vi/talentcommunity/tu-hoc-la-gi-phuong-phap-cai-thien-ky-nang-tu-hoc-hieu-qua-nhat.35A5207E.html>

# **XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO TRẺ RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ TẠI TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÂM LÝ GIÁO DỤC VÀ GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT, TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÒA BÌNH**

*Nguyễn Thị Huyền*

*Trung tâm nghiên cứu Tâm lý – Giáo dục và Giáo dục đặc biệt*

## **Tóm tắt**

Mỗi trẻ tự kỷ sẽ có những đặc điểm, nhu cầu và sở thích riêng. Vì thế, để giúp trẻ cải thiện hiệu quả, nâng cao tốt các kỹ năng sống thì việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ tự kỷ là điều vô cùng cần thiết. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ tự kỷ cần được thực hiện ngay trong giai đoạn sớm để trẻ có thêm nhiều cơ hội hòa nhập cộng đồng xã hội.

**Từ khóa:** *Kế hoạch giáo dục cá nhân, trẻ rối loạn phổ tự kỷ*

## **I. Đặt vấn đề**

Trẻ rối loạn phổ tự kỷ gặp rất nhiều khó khăn trong đó cốt lõi là khó khăn về giao tiếp, tương tác xã hội, hành vi dập khuôn. Ngoài ra, trẻ rối loạn phổ tự kỷ còn kèm theo nhiều dấu hiệu như: chậm nói thậm chí không có ngôn ngữ, tăng động, giảm chú ý hoặc chậm phát triển trí tuệ hoặc các rối loạn khác. Mỗi trẻ lại có những dấu hiệu, biểu hiện, tình trạng và mức độ khó khăn khác nhau, không trẻ nào giống trẻ nào. Việc xác định được khó khăn, mức độ nhận thức hiện tại của trẻ và xây dựng được một kế hoạch giáo dục phù hợp cho từng trẻ là công việc đầu tiên và quan trọng đối với giáo viên can thiệp. Tại Trung tâm nghiên cứu Tâm lý – Giáo dục và Giáo dục đặc biệt hiện đang tiến hành can thiệp cho 8 trẻ trong độ tuổi từ 3 – 12 tuổi. Trong đó có nhiều trẻ đã được chẩn đoán dạng khuyết tật là rối loạn phổ tự kỷ, kèm theo các rối loạn khác. Qua quá trình can thiệp, nhận thấy việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho từng trẻ là vô cùng cần thiết. Vì thế, tôi mạnh dạn đưa ra vấn đề xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ tại Trung tâm nghiên cứu Tâm lý – Giáo dục và Giáo dục đặc biệt làm nội dung bài viết của mình.

## **II. Phương pháp nghiên cứu**

### **1. Phương pháp nghiên cứu lí luận**

Phân tích – tổng hợp các tài liệu lí luận để làm rõ các nội dung về: *trẻ rối loạn phổ tự kỷ, kế hoạch giáo dục cá nhân.*

### **2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

- Phương pháp phỏng vấn

Tiến hành phỏng vấn giáo viên, phụ huynh trẻ tự kỉ để tìm hiểu về tầm quan trọng của kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ tự kỉ.

- Phương pháp quan sát

Quan sát các giờ cá nhân, hòa nhập để thấy rõ hơn về việc thực hiện các kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ tự kỉ tại Trung tâm.

- Sử dụng các phương pháp điều tra thực tiễn khác: nghiên cứu tiểu sử gia đình, sử dụng các bài tập trắc nghiệm... để làm rõ hơn quy trình, căn cứ xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân của giáo viên tại Trung tâm.

### **III. Nội dung nghiên cứu**

#### **1. Trẻ rối loạn phổ tự kỉ**

##### **Khái niệm**

Ngay từ năm 1774, những ghi chép và mô tả về tự kỉ đã được ghi lại bởi bác sĩ người Pháp Jean Marc Itard, với các biểu hiện như: hạn chế về hiểu và biểu đạt ngôn ngữ có lời và ngôn ngữ không lời, khả năng nhận thức và giao tiếp xã hội kém, hành vi đáp ứng môi trường xung quanh không thích hợp.

Đến năm 1943, khái niệm "Tự kỷ" chính thức được Kanner đưa vào với nội dung: Tự kỷ là sự rút lui cực đoan của một số trẻ từ lúc mới bắt đầu cuộc sống. Triệu chứng đặc biệt của bệnh là những trẻ này không có khả năng trong việc thiết lập các mối quan hệ bình thường với trẻ khác và hành động một cách bình thường với các tình huống từ lúc chúng bắt đầu cuộc sống.

Hiện nay, có khá nhiều khái niệm về tự kỉ, sử dụng phổ biến nhất là khái niệm của Liên Hợp Quốc đưa ra năm 2008: *Tự kỉ là một loại khuyết tật phát triển suốt đời, thường được biểu hiện ra ngoài trong ba năm đầu đời. Tự kỉ là do một rối loạn thần kinh ảnh hưởng đến chức năng hoạt động của não bộ gây nên, ảnh hưởng đến trẻ em và người lớn ở nhiều quốc gia không phân biệt giới tính, chủng tộc hoặc điều kiện kinh tế xã hội*". Đặc điểm của nó là sự khó khăn trong tương tác xã hội, các vấn đề giao tiếp bằng lời nói, có các hành vi, sở thích, hoạt động hạn hẹp, lặp đi lặp lại.

Mặc dù có nhiều khái niệm khác nhau về tự kỷ, song đều có điểm chung: Tự kỷ là một dạng khuyết tật phát triển phức tạp, được đặc trưng bởi ba khiếm khuyết cốt lõi: khiếm khuyết về giao tiếp, khiếm khuyết về tương tác xã hội và có hành vi, sở thích, hoạt động mang tính hạn hẹp, lặp đi lặp lại.

## **Nguyên nhân gây nên rối loạn phổ tự kỷ**

Nguyên nhân chính xác của tự kỷ đến giờ vẫn chưa được khẳng định, tuy nhiên những cơ chế gây ra rối loạn này ngày càng được nhận biết rõ hơn. Không có một nguyên nhân gây ra tự kỷ và không có một kiểu tự kỷ duy nhất. Ngày càng có nhiều bằng chứng khoa học cho thấy tự kỷ là một rối loạn sinh học trong sự phát triển của não. Đây là một rối loạn phát triển của hệ thần kinh có nền tảng sinh học với nhiều nguyên nhân. Điều này không có nghĩa loại trừ các yếu tố từ môi trường, những vấn đề thể chất của mẹ trong suốt quá trình mang thai...

Trong hầu hết các trường hợp, tự kỷ có vẻ là sự kết hợp của các gen gây nguy cơ tự kỷ và các yếu tố môi trường ảnh hưởng lên sự phát triển sớm của não bộ. Một số yếu tố nguy cơ gây tăng cao khả năng sinh con tự kỷ như tuổi bố mẹ lúc sinh con, mẹ ốm đau, khó khăn khi mang thai, sinh nở... Ngoài ra việc bố mẹ khó có con, phải chờ đợi lâu, phải sử dụng các biện pháp hỗ trợ có thai, mang thai, sinh nở... cũng tăng nguy cơ sinh ra trẻ bị tự kỷ.

Hiện nay, vẫn chưa có một nghiên cứu nào đủ sức thuyết phục tuyệt đối và nguyên nhân gây ra tự kỷ vẫn đang là một ẩn số.

### **Đặc điểm của trẻ tự kỷ**

#### ***- Đặc điểm hoạt động nhận thức***

Trẻ tự kỷ có mức trí tuệ từ mức rất thấp đến mức cao. Theo thống kê có khoảng 25% trẻ tự kỷ có trí tuệ trên trung bình, trong đó có một tỷ lệ trí tuệ ở mức cao và rất cao. Đối với trẻ tự kỷ tư duy hình ảnh trở thành nòng cốt của tư duy, tư duy logic gặp khó khăn. Tư duy của trẻ thường không gắn với ngôn ngữ, với những thứ được khái quát hóa mà thường hết sức cụ thể. Các thao tác tư duy của trẻ gặp nhiều hạn chế. Tư duy của các em mang tính cứng nhắc: tư duy theo kiểu đen- trắng, thích rõ ràng, hành vi cứng nhắc...

#### ***- Đặc điểm về ngôn ngữ***

+ *Ngôn ngữ tiếp nhận*: Mức độ phát triển ngôn ngữ hiểu ở trẻ tự kỷ đa dạng. Nhưng phần lớn trẻ đều hiểu những hướng dẫn đơn giản, cụ thể và có hình ảnh minh họa kèm theo. Quá trình xử lý thông tin thường chậm chạp, có một khoảng thời gian bị trì hoãn giữa lúc thông tin đưa ra và lúc trẻ phản ứng lại.

+ *Ngôn ngữ diễn đạt*: khiếm khuyết trong sử dụng ngôn ngữ rất phổ biến và được xem là một đặc điểm nhận dạng trẻ tự kỉ. Cứ 4 hoặc 5 trẻ tự kỉ thì có 1 trẻ không bao giờ nói.

Ở một số trường hợp sự phát triển ngôn ngữ có thể bị thoái lui, ban đầu có nói nhưng sau giảm dần rồi mất hẳn.

### **- Đặc điểm hành vi**

Trẻ tự kỉ thường có hành vi bất thường: rập khuôn, định hình (lặp từ, vẫy tay, lắc lư người...); Hành vi tự kích thích; hành vi xâm kích; hành vi chống đối ; hành vi tăng động hoặc ù lì.

## **2. Kế hoạch giáo dục cá nhân**

### **Khái niệm**

Kế hoạch giáo dục cá nhân là một trong những công cụ quan trọng sử dụng trong quá trình can thiệp trẻ rối loạn phổ tự kỉ và trẻ khuyết tật trí tuệ. Kế hoạch giáo dục cá nhân được xây dựng dựa trên các khó khăn mà trẻ gặp phải nhằm khắc phục hay hạn chế các khó khăn do những khiếm khuyết đó gây ra, đồng thời phát huy tối đa khả năng, tiềm năng của trẻ.

Kế hoạch giáo dục cá nhân là sự cụ thể hóa các hoạt động can thiệp cho một trẻ nhằm đáp ứng những nhu cầu và khả năng riêng biệt của trẻ đó.

### **- Ý nghĩa:**

+ Đối với trẻ:

Phát huy tối đa tiềm năng, khả năng của trẻ

Giảm thiểu hoặc khắc phục những khiếm khuyết cốt lõi

Trang bị những kĩ năng phù hợp với tuổi và mức độ phát triển của trẻ em rối loạn phát triển.

Chuẩn bị những nền tảng cần thiết cho việc học hòa nhập cũng như hòa nhập xã hội.

+ Đối với gia đình của trẻ:

Kế hoạch giáo dục cá nhân giúp cha mẹ trẻ hiểu con cái hơn, các đặc mạnh, khó khăn, tính cách và hành vi của trẻ, có định hướng chăm sóc và giáo dục con mình tốt hơn.

Cha mẹ có sự tin tưởng, sự lạc quan hơn về trẻ và tương lai của trẻ sau này. Nhờ vậy, cha mẹ có thể dễ dàng vượt qua các khó khăn gặp phải trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

Kế hoạch giáo dục cá nhân bao giờ cũng có mục tiêu cụ thể theo tháng và mục tiêu dài hạn theo năm nên cha mẹ có thể dễ dàng theo dõi sự tiến bộ của trẻ.

+ Đối với các trung tâm can thiệp thì kế hoạch giáo dục cá nhân được xem là công cụ làm việc chính với nhiều ý nghĩa quan trọng:

Khuyến khích nhà trường và giáo viên cẩn trọng trong cách tiếp cận trẻ.

Thúc đẩy sự phối hợp giữa các giáo viên, giáo viên với các nhà chuyên môn, người làm công tác quản lý.

Ràng buộc trách nhiệm của giáo viên đối với sự tiến bộ của trẻ.

Giúp giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục và dạy học có hiệu quả, đồng thời cũng dựa vào kế hoạch giáo dục cá nhân đánh giá trẻ theo đúng khả năng của trẻ, từ đó, có thể xây dựng các mục tiêu tiếp theo phù hợp với khả năng của trẻ.

Là cơ sở để giúp các nhà quản lý đề ra và thực hiện chính sách hỗ trợ trẻ, gia đình trẻ, giáo viên trực tiếp dạy trẻ...

Là cơ sở để giáo viên, các thành viên của nhóm hợp tác thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em rối loạn phổ tự kỉ trong các môi trường khác nhau như gia đình, nhà trường và cộng đồng.

Giúp Ban giám hiệu nhà trường quản lý được những hoạt động đã và đang diễn ra đối với giáo viên và trẻ, là cơ sở quan trọng cho việc kiểm tra đánh giá hiệu quả của quá trình giáo dục.

Là cơ sở để có thể xem xét, đánh giá hiệu quả quá trình dạy học, kết quả học tập và rèn luyện của trẻ.

Là cơ sở để có thể huy động được một lực lượng xã hội lớn tham gia vào quá trình giáo dục trẻ: gia đình trẻ, các ban ngành đoàn thể, các tổ chức xã hội, các cá nhân tình nguyện...

+ Đối với cộng đồng, xã hội

Kế hoạch giáo dục cá nhân là minh chứng cho khả năng của trẻ có thể học tập, vui chơi, hòa nhập và tự lập được trong cuộc sống sau này của trẻ.

Dựa vào bản kế hoạch giáo dục cá nhân, cộng đồng, xã hội có thể hỗ trợ về chuyên môn, phương tiện thiết bị, kinh phí...cho trẻ và gia đình có trẻ rối loạn phát triển.

Kế hoạch giáo dục cá nhân có thể được sử dụng như là văn bản chuyên môn đối với việc cung cấp các chính sách hỗ trợ cho trẻ rối loạn phát triển và gia đình đặc biệt tại những nơi mà việc can thiệp trẻ được bảo hiểm chi trả.

### **Các thành phần cơ bản của kế hoạch giáo dục cá nhân**

- Thông tin hành chính

+ Các thông tin chung về trẻ: họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, kết quả chẩn đoán kèm các vấn đề khác nếu có...

+ Thông tin về gia đình: họ tên, nghề nghiệp của bố mẹ, người chăm sóc chính, số điện thoại liên hệ...

+ Thông tin về trường, trung tâm can thiệp: họ tên giáo viên phụ trách, số điện thoại, mail liên lạc...

- Khả năng hiện tại của trẻ

Trước khi lên kế hoạch can thiệp trẻ cần được đánh giá toàn diện các vấn đề của trẻ, đặc biệt trong lần đầu lập kế hoạch. Cũng tùy vào cách tiếp cận và công cụ đánh giá được sử dụng mà nội dung mô tả khác nhau.

Về cơ bản, các lĩnh vực phát triển được mô tả bao gồm: thể chất (cảm giác, vận động thô, vận động tinh), ngôn ngữ, giao tiếp, nhận thức, cá nhân, xã hội, bất chước, hành vi...

Ngoài ra, các vấn đề liên quan đến phát triển của trẻ như ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân và các bệnh lý kèm theo cũng cần được mô tả đầy đủ, chính xác làm thông tin cơ bản cho việc lập kế hoạch can thiệp.

- Mục tiêu can thiệp

Mục tiêu can thiệp được xây dựng trong bao lâu còn tùy thuộc vào chương trình can thiệp, phương pháp/biện pháp sử dụng can thiệp và người thực hiện can thiệp cho trẻ. Mục tiêu xây dựng trong một vài tuần, một tháng, ba tháng, một năm hoặc có thể dài hơn nữa. Mục tiêu xây dựng trong thời gian ngắn là mục tiêu gắn với khả năng thực tế của trẻ nên trẻ dễ đạt được. Đây là điều kiện cần thiết cho các nhà chuyên môn, đặc biệt những người làm công tác đánh giá và xây dựng kế hoạch can thiệp cho trẻ, giúp trẻ và gia đình đi đúng hướng, có các dự báo về tương lai phát triển của trẻ.

- Kế hoạch can thiệp

Khi có mục tiêu can thiệp, cần xây dựng một kế hoạch cụ thể để tiến hành can thiệp cho trẻ. Kế hoạch can thiệp bao gồm: thời gian can thiệp, nội dung can thiệp (mục



tiêu ngắn hạn), phương pháp can thiệp, biện pháp can thiệp, người can thiệp, tiêu chí đánh giá, cách đánh giá và cuối cùng là chữ kí.

Kế hoạch can thiệp cá nhân với những mô tả chi tiết là yêu cầu cụ thể đối với việc can thiệp và cũng là cơ sở cho việc đánh giá kết quả can thiệp cho trẻ.

### **3. Thực trạng xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ tại Trung tâm**

#### **- Thuận lợi**

Hiện nay, việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ tự kỷ đã được các giáo viên xây dựng phù hợp cho từng trẻ. Việc hình thành nên quá trình này sẽ giúp các giáo viên và phụ huynh có thể phối hợp và cùng nhau thống nhất tốt các phương pháp can thiệp dành cho trẻ.

Bên cạnh đó, dựa vào bảng kế hoạch cụ thể, cha mẹ, giáo viên và nhà trường cũng có hiểu biết và ý thức tốt hơn trong việc hỗ trợ cho trẻ nhỏ. Đồng thời, bản thân các giáo viên, người thực hiện kế hoạch cũng có trách nhiệm hơn trong việc nâng cao các kỹ năng nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn để có thể hoàn thành mục tiêu đã được đề ra trước đó.

Giáo viên và phụ huynh có thể nắm rõ về quá trình can thiệp và phát triển của trẻ tự kỷ. Hơn thế, họ cũng biết được mục tiêu chính của quá trình giáo dục nên dễ dàng hỗ trợ và thực hiện đúng theo quy trình mang đến nhiều lợi ích cho trẻ nhỏ.

#### **- Khó khăn**

Phần lớn các phụ huynh và giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ tự kỷ chia sẻ rằng, khó khăn và cản trở lớn nhất trong quá trình này đó chính là việc kết nối và phối hợp cùng với trẻ nhỏ. Trẻ tự kỷ sẽ bị khiếm khuyết rất nhiều về mặt giao tiếp, tương tác xã hội và có những hành vi bất thường, chống đối.

Bên cạnh đó, một số trẻ còn bị suy giảm về khả năng chú ý, không thể tập trung tốt vào bất kỳ hoạt động nào nên việc để trẻ đáp ứng vào các phương pháp can thiệp thường gặp phải nhiều sự khó khăn. Thông thường, để giúp trẻ được hỗ trợ tốt hơn, các phòng học cho trẻ tự kỷ sẽ được đảm bảo tốt về không gian, hạn chế tối đa các yếu tố tác động, làm xao nhãng từ bên ngoài.

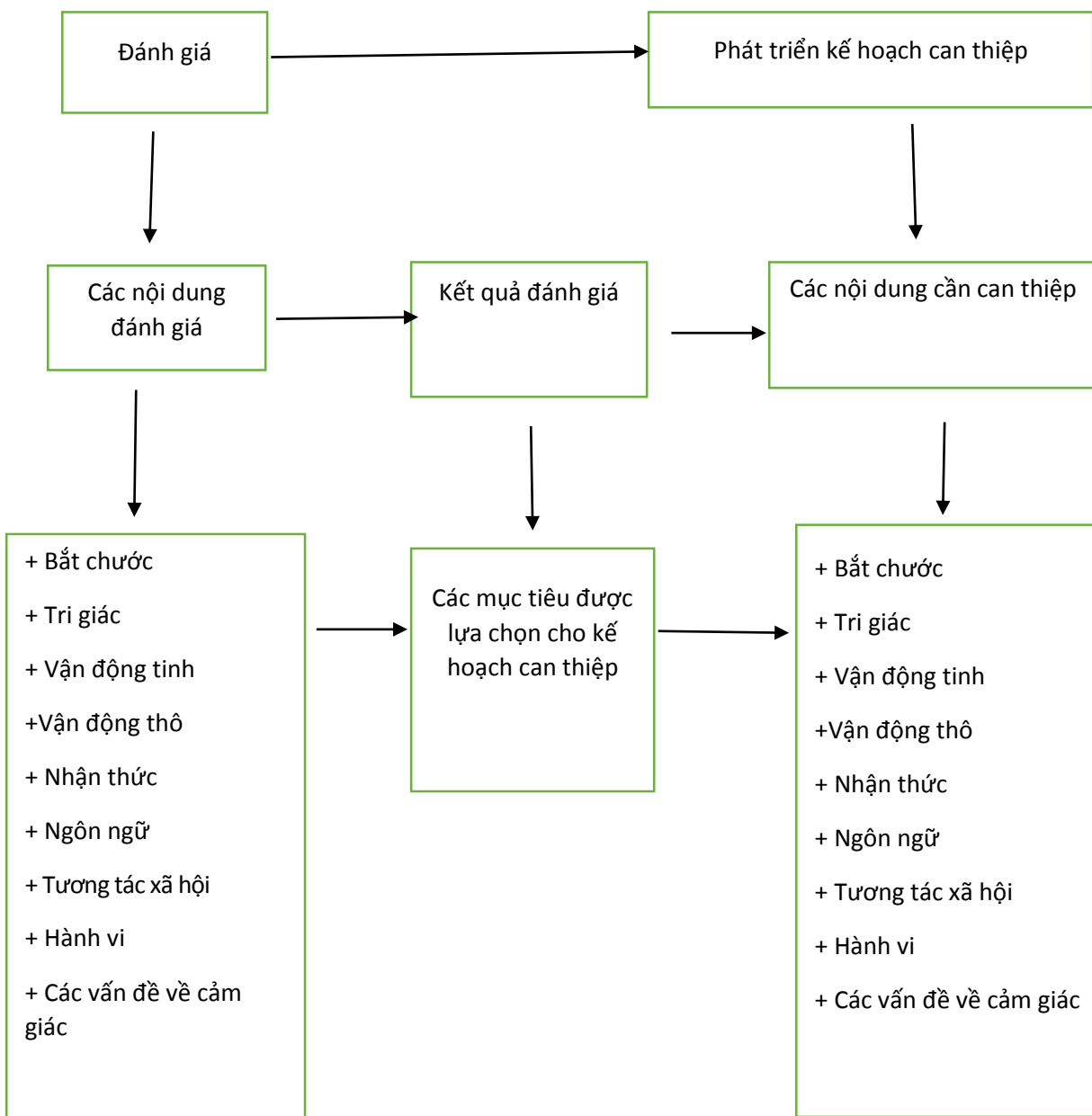
Ngoài ra, dựa theo số liệu của một cuộc khảo sát nhận thấy rằng, có khoảng 56% giáo viên và hơn 60% phụ huynh đồng ý rằng, việc thiếu sự phối hợp giữa các nhóm hỗ trợ cũng là yếu tố cản trở và làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của chương trình giáo

dục cá nhân cho trẻ tự kỷ. Hơn thế, việc lựa chọn và thống nhất về mục tiêu của từng thời điểm can thiệp cũng là một vấn đề nan giải.

#### 4. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân

##### 4.1. Mối quan hệ giữa kết quả đánh giá và xây dựng kế hoạch can thiệp cá nhân

Sau khi có kết quả đánh giá, từ những kết quả thu được sẽ phát triển kế hoạch can thiệp cá nhân cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ. Sơ đồ dưới đây thể hiện mối quan hệ giữa kết quả đánh giá và việc xây dựng kế hoạch can thiệp cá nhân cho trẻ rối loạn phát triển.



*(Nguồn: Nguyễn Thị Hoàng Yến (2014), Nghiên cứu biện pháp can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ ở nước ta hiện nay và trong giai đoạn 2011-2020, Đề tài Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước)*

Từ sơ đồ trên có thể thấy các mục đích đánh giá và mục tiêu can thiệp có mối quan hệ mật thiết. Điều này cho thấy tính mục đích, liên tục và hệ thống của quá trình đánh giá.

## **4.2. Viết mục tiêu can thiệp SMART**

### **- Cơ sở để xây dựng mục tiêu can thiệp**

+ Dựa vào đánh giá mức độ, chức năng hiện tại, đây là điểm quan trọng nhất trong việc lập kế hoạch can thiệp.

+ Xây dựng mục tiêu trong vùng phát triển gần của trẻ, các mục tiêu dạy thường bắt đầu với các kỹ năng mà trẻ chưa thành thục, những mục tiêu thấp nhất trong chuỗi các kỹ năng trẻ phải học hay lĩnh vực cần hỗ trợ cho trẻ.

+ Xây dựng mục tiêu gắn với các sở thích của trẻ, có thể bỏ qua kỹ năng thấp hơn dạy kỹ năng cao hơn có liên quan đến sở thích của trẻ. Tuy nhiên cũng chỉ nên áp dụng khi mới xây dựng mục tiêu can thiệp cho trẻ, áp dụng thường xuyên trong quá trình lập kế hoạch sẽ ảnh hưởng đến việc học các kỹ năng mới ở trẻ.

+ Dựa vào nhu cầu, mong muốn của gia đình, một kế hoạch giáo dục hiệu quả khi có sự tham gia và đồng ý của gia đình. Sự mong muốn, kì vọng của cha mẹ về con cái cũng là một đòi hỏi chính đáng nhưng sự phát triển của trẻ luôn có giới hạn khác nhau ở các trẻ cùng một dạng tật. Do đó, cần giúp cha mẹ hiểu đúng về khả năng phát triển của trẻ, để cha mẹ không quá kì vọng, cũng không quá bi quan về tương lai phát triển của con mình.

+ Xây dựng các mục tiêu có đủ điều kiện thực hiện, các mục tiêu đưa ra phải có thời gian để dạy trẻ, có đầy đủ phương tiện và đồ dùng, có sự thống nhất giữa gia đình và nhà trường. Sự thiếu thống nhất trong quản lí hành vi của trẻ luôn khiến cho gia đình và giáo viên gặp nhiều khó khăn...

- Các loại mục tiêu can thiệp: mỗi mục tiêu đưa ra cần một khoảng thời gian để trẻ thực hiện, mục tiêu ngắn cần ít thời gian hơn các mục tiêu dài, mục tiêu càng dài càng cần nhiều thời gian. Mặt khác yếu tố thời lượng can thiệp trong một ngày cũng quyết định đến việc lựa chọn thời gian xây dựng các mục tiêu.

+ Mục tiêu dài hạn: là những mục tiêu mà trẻ phải đạt được trong một khoảng thời gian có thể là một năm, nửa năm...và ở nhiều lĩnh vực khác nhau: nhận thức, ngôn ngữ và giao tiếp, kỹ năng xã hội...Thời gian lập mục tiêu dài hạn có thể phụ thuộc vào tuổi của trẻ hoặc cách thức tổ chức can thiệp của cơ sở.

+ Mục tiêu ngắn hạn: là mô tả về các bước cần thực hiện nhằm đạt được mục tiêu dài hạn. Thông thường, các kỹ năng cần đạt được ở mục tiêu dài hạn sẽ được cụ thể hóa bằng chuỗi hành vi và các kỹ năng nhỏ. Những mục tiêu ngắn hạn được xây dựng dựa trên sự phân tích nhiệm vụ cụ thể của trẻ. Dựa vào khả năng, nhu cầu, hứng thú của trẻ mà số lượng của những mục tiêu ngắn hạn sẽ được đưa ra. Do đó, trẻ cần rất nhiều mục tiêu ngắn hạn trước khi thực hiện mục tiêu dài hạn, nhưng cũng có trẻ chỉ cần vài mục tiêu.

Các mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu dài hạn đều phải được mô tả kỹ, bao gồm 3 nội dung chính: phần mô tả về một kỹ năng hoặc một biểu hiện hành vi nào đó dự tính là trẻ sẽ đạt được; phần mô tả các điều kiện đảm bảo cho các kỹ năng đó có thể xảy ra; phần mô tả các tiêu chí đánh giá để xác định được những biểu hiện hành vi hoặc kỹ năng đó được coi là đạt yêu cầu.

#### - **Viết mục tiêu thông minh (SMART)**

Mục tiêu can thiệp cho trẻ rối loạn phát triển là những mong đợi về những gì trẻ có thể thực hiện trong một thời gian nhất định. Khi đặt mục tiêu cho trẻ, cần phải trả lời câu hỏi chính sau:

- + Mong đợi dành cho trẻ là gì?
- + Khi nào trẻ sẽ đạt được mục tiêu?
- + Mức độ thường xuyên trẻ thực hiện nhiệm vụ liên quan đến mục tiêu?
- + Làm thế nào để biết trẻ đã đạt mục tiêu?
- + Ai sẽ dạy trẻ?

Mục tiêu can thiệp nên tập trung vào tất cả các lĩnh vực trong đó nhấn mạnh vào các lĩnh vực trẻ gặp khó khăn.

Mục tiêu trong kế hoạch can thiệp cần dễ quan sát, cụ thể, thực tế và có thể đo đạc được. Điều này rất quan trọng vì những mục tiêu xây dựng như thế này sẽ giúp nhà chuyên môn khi nào trẻ đạt tiến bộ và tiến bộ như thế nào? Xây dựng mục tiêu thông minh là:

+ S (Specific) – cụ thể: Viết mục tiêu cho trẻ cần được mô tả một cách rõ ràng về các kỹ năng được dạy, được quan sát, cách đo đạt sự tiến bộ, hướng dẫn hành vi và môi trường cụ thể để đo đạt được sự tiến bộ và mức độ đạt được.

+ M (Measurable)- đo đạt được: tức là mục tiêu đạt ra ta có thể đo được, đếm được hoặc quan sát được. Điều này sẽ giúp biết được sự tiến bộ của trẻ là bao nhiêu trong một khoảng thời gian nào đó.

+ A (Attainable) – có thể đạt được: mục tiêu đặt ra là những mục tiêu trẻ có thể đạt được với những dịch vụ và hỗ trợ. Nếu trẻ đạt được mục tiêu sớm thì chúng ta nên đưa thêm mục tiêu mới để tiếp tục quá trình đã xây dựng.

+ R (Relevant) – Phù hợp: Mục tiêu cần phù hợp độ tuổi, mức độ phát triển, khả năng, điều kiện của gia đình...của trẻ.

+ T (Time - Bound) – Giới hạn thời gian: Bắt đầu bằng việc xem xét mức độ chức năng hiện tại của trẻ, sau đó quyết định những gì trẻ cần để có thể đạt được mục tiêu sau bao thời gian. Có thể giám sát sự tiến bộ của trẻ khi thực hiện mục tiêu.

### **4.3. Hoàn thành bản kế hoạch giáo dục cá nhân**

Sau khi xác định được mục tiêu can thiệp, nhà chuyên môn sẽ hoàn thành bản kế hoạch giáo dục cá nhân với các phần còn lại như:

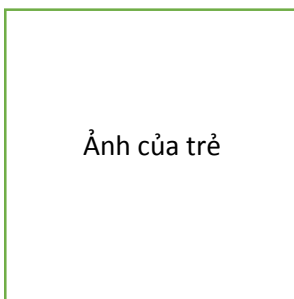
- Các biện pháp thực hiện kế hoạch can thiệp: phụ thuộc vào điều kiện thực hiện mà các biện pháp được đưa ra bao gồm: các phương pháp/ chương trình đặc trưng dành cho từng khó khăn, khiếm khuyết mà trẻ gặp phải...cách thức tổ chức của giáo viên, sự phối hợp từ phía gia đình, địa điểm thực hiện...

- Kế hoạch đánh giá kết quả can thiệp: đưa ra các cách thức đánh giá, các tiêu chí cũng như các công cụ đo lường kết quả mục tiêu đề ra trong kế hoạch. Đối với mỗi mục tiêu, cần chỉ rõ các tiêu chí để đánh giá, xem xét trẻ có đạt được các mục tiêu đề ra hay không. Kế hoạch đánh giá cũng cần phải dựa trên kế hoạch và mục tiêu cụ thể của từng trẻ để có sự đánh giá đúng đắn và xác thực.

- Chữ kí: là phần xác thực của các thành viên tham gia vào việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ. Mỗi bản kế hoạch được xây dựng từ ý kiến của nhiều người, nhiều nhà chuyên môn có liên quan đến trẻ và cuộc sống của trẻ. Thành phần tối thiểu nhất khi đưa ra các ý kiến đóng góp vào bản kế hoạch giáo dục cá nhân của trẻ bao gồm : giáo viên, cha mẹ trẻ, các nhà trị liệu, nhà tâm lý và cán bộ quản lý chuyên môn.

### **5. Một số mẫu kế hoạch giáo dục cá nhân**

<b>Chương trình</b>	<b>Đối tượng</b>	<b>Độ tuổi</b>
<b>Denver – ESDM</b>	<b>Tự kỷ</b>	<b>12- 48 tháng</b>
<b>TEACCH – Những hoạt động dạy trẻ tự kỷ</b>	<b>Tự kỷ</b>	<b>0-6 tuổi</b>
<b>Từng bước nhỏ</b>	<b>Chậm/trễ phát triển</b>	<b>0-4 tuổi</b>
<b>Chương trình giáo dục dành cho trẻ chậm phát triển trí tuệ</b>	<b>Chậm/trễ phát triển + học đường</b>	<b>0-6 tuổi</b>
<b>Chương trình giáo dục sớm Portage và bảng kiểm ngôn ngữ Wessex</b>	<b>Chậm/trễ phát triển + ngôn ngữ</b>	<b>0-6 tuổi</b>



**Họ và tên:**

**Nam/nữ:**

**Sinh ngày:**

**Loại tật và mức độ tật:**

**Học lớp:**

**Trường:**

**Họ và tên giáo viên chủ nhiệm:**

**1. Thông tin chung về trẻ và gia đình**

**Họ và tên trẻ:**

**giới tính:**

**Sinh ngày:**

Con thứ:

Loại tật:

Học lớp:

Họ tên bố:

tuổi:

nghề nghiệp:

Họ tên mẹ:

tuổi:

nghề nghiệp:

Người chịu trách nhiệm nuôi dạy chính:

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

2. Khả năng hiện tại của trẻ

2.1. Thể chất

- Sức khỏe: chiều cao, cân nặng, các bệnh tật kèm theo nếu có

- Các giác quan

- Khả năng vận động: vận động thô, vận động tinh

2.2. Ngôn ngữ và giao tiếp

- Khả năng nghe hiểu

- Vốn từ của trẻ

- Khả năng phát âm

- Khả năng đọc/ viết

- Giao tiếp phi ngôn ngữ

2.3. Nhận thức

2.4. Các kỹ năng cá nhân

2.5. Kỹ năng xã hội

2.6. Hành vi

**3. Mục tiêu can thiệp**

3.1. Mục tiêu thể chất

3.2. Mục tiêu ngôn ngữ và giao tiếp

3.3. Mục tiêu nhận thức

3.4. Mục tiêu cá nhân

3.5. Mục tiêu xã hội

3.6. Mục tiêu hành vi

**4. Kế hoạch can thiệp theo tháng (mục tiêu ngắn hạn)**

**Tháng 1**

STT	Mục tiêu	Phương pháp	Phương tiện	Người thực hiện	Tiêu chí đánh giá			
					V	-	+	-/+
1								
2								

**Tiêu chí đánh giá: V: trẻ tự làm được ; - Trẻ chưa làm được; + Trẻ làm được; -/+ Trẻ lúc làm được lúc không**

**HIỆU TRƯỞNG**  
(Chữ kí, họ và tên)

**CHA MẸ TRẺ**  
(Chữ kí, họ và tên)

**GIÁO VIÊN**  
(Chữ kí, họ và tên)

## 6. Kết luận

Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân là nội dung quan trọng trong quá trình can thiệp cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ. Với mỗi trẻ cần có một kế hoạch can thiệp giáo dục riêng, không thể áp dụng kế hoạch giáo dục của trẻ này sang cho trẻ khác. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cần đi theo trình tự từ việc xác định khó khăn, lựa chọn nội dung cốt lõi, căn cứ chương trình, xác định mục tiêu dài hạn, ngắn hạn...phù hợp cho từng trẻ. Vì thế, việc giáo viên can thiệp cần nắm được mức độ khó khăn gặp phải của trẻ và lên kế hoạch phù hợp cho trẻ là việc làm vô cùng quan trọng để hỗ trợ đưa trẻ hòa nhập được tích cực hơn, các kĩ năng dễ dàng được thực hiện hơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Nữ Tâm An, *Hướng dẫn chăm sóc – giáo dục trẻ rối loạn phổ tự kỷ (tài liệu dành cho cha mẹ và nhà chuyên môn)*, NXB Văn hóa thông tin, 2014.
2. P.GS.TS. Nguyễn Xuân Hải, TS. Nguyễn Nữ Tâm An, TS.BS. Hoàng Văn Tiến, *Hỗ trợ phục hồi chức năng cho trẻ tự kỷ tại Việt Nam*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2020.
3. Nguyễn Thị Hoàng Yến, *Tự kỉ - những vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm, 2013.



# HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN KHỐI LỚP 2 TRƯỜNG PHỔ THÔNG THỰC HÀNH CLC NGUYỄN TẮT THÀNH TỔ CHỨC, QUẢN LÝ LỚP HỌC CÓ HỌC SINH HOÀ NHẬP

Tác giả: Nguyễn Thị Thanh Bình  
Đơn vị: Trung tâm NC TL-GD và GD đặc biệt  
Email: thanhbinhcdsphb@gmail.com

## ***Tóm tắt***

*Bài viết trình bày thực trạng của lớp học hòa nhập tại khối lớp 2, trường Phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành và cách thức hướng dẫn giáo viên tổ chức, quản lý lớp học có học sinh hòa nhập hiệu quả.*

*Từ khóa: Hòa nhập, tổ chức quản lý lớp học hòa nhập, khối 2*

## **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Giáo dục hòa nhập phần đầu tiên tới một nền giáo dục cho mọi trẻ em, chấp nhận sự đa dạng của con người bằng cách quan tâm đến mọi trẻ em trong một lớp học. Giáo dục hòa nhập không phải là sự hòa đồng. Nó đề ra một thế giới mà ở đó mọi người khác biệt nhau. Đó là điều có thể làm để phát huy những sự khác biệt ấy của trẻ khi đưa các em vào cuộc sống chung.

Hiện nay Giáo dục hòa nhập được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định là hướng đi chủ yếu nhằm đảm bảo sự bình đẳng và công bằng trong giáo dục của trẻ khuyết tật. Phát triển nguồn nhân lực cho giáo dục hòa nhập thông qua đào tạo là nhiệm vụ, đồng thời là một yêu cầu cấp thiết của toàn ngành giáo dục và đào tạo.

Trong quá trình làm việc với các giáo viên dạy ở lớp học hòa nhập tại trường Phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành, đặc biệt là giáo viên ở khối lớp 2 của nhà trường, tôi nhận thấy việc tổ chức lớp học hòa nhập ở khối lớp này còn chưa hợp lí. Do vậy, cần hướng dẫn giáo viên khối lớp 2, trường phổ thông thực hành clc Nguyễn tất thành tổ chức, quản lý lớp học có học sinh hoà nhập. Việc nắm được cách thức tổ chức quản lý lớp học hòa nhập cho giáo viên có ý nghĩa quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả trong quá trình giáo dục cho trẻ khuyết tật ở lớp học hoà nhập nói riêng và chất lượng giáo dục của trường Phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành nói chung.

## **II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Để giải quyết vấn đề trên, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

### ***1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết***

Đọc các tài liệu và giáo trình, tổng hợp, phân tích những tri thức cần thiết có liên quan tới tổ chức, quản lí lớp học có học sinh hoà nhập. Từ đó, khái quát, vận dụng, bổ sung và phát triển theo logic của bài viết.

## **2. Phương pháp quan sát**

Sử dụng phương pháp quan sát để quan sát trực tiếp hoạt động học tập và vui chơi, sinh hoạt của giáo viên và học sinh trong lớp học có học sinh hòa nhập ở khối lớp 2, trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành, qua đó tìm hiểu thực trạng học hoà nhập ở khối lớp này.

## **III. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN**

### **1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN**

#### **1.1. Khái niệm giáo dục hòa nhập**

Giáo dục hòa nhập hiện đang được thừa nhận và sử dụng tương đối phổ biến ở nước ta, đó là phương thức giáo dục cho những trẻ khuyết tật cùng học với trẻ em khác, trong trường phổ thông ngay tại nơi trẻ sinh sống.

#### **1.2. Khái niệm quản lí giáo dục hòa nhập**

Quản lí giáo dục hoà nhập là sự tác động có kế hoạch, có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản lí đến đối tượng quản lí dựa theo những yêu cầu có tính chất khách quan về lí luận và thực tiễn giáo dục hoà nhập nhằm đạt được các mục tiêu quản lí đã đề ra.

Khái niệm quản lí giáo dục hoà nhập trên đề cập đến các yếu tố cơ bản sau:

- Chủ thể quản lí: Là tổ chức, cá nhân hay bộ máy quản lí giáo dục các cấp từ trung ương đến đơn vị trường học ở các cấp học, bậc học khác nhau
  - Đối tượng quản lí: Là hệ thống quản lí giáo dục hoà nhập của ngành từ trung ương cho đến đơn vị trường học ở các cấp học, bậc học khác nhau.
  - Quan hệ quản lí: Thể hiện thông qua mối quan hệ giữa chủ thể quản lí và đối tượng quản lí theo các phân hệ quản lí và nguyên tắc quản lí giáo dục hoà nhập
  - Mục tiêu quản lí: Là hiệu quả cần đạt được trong quản lí giáo dục hoà nhập.
- Hiệu quả này được đánh giá ở hiệu quả trong và hiệu quả ngoài theo góc độ cá nhân (kết quả giáo dục của người học) và góc độ xã hội (quy mô, chất lượng, uy tín trong cộng đồng của nhà trường)

Như vậy quản lí giáo dục hoà nhập được coi là nhiệm vụ được lồng ghép phối hợp chung trong hoạt động quản lí giáo dục nói chung và quản lí nhà trường nói riêng, mang tính tổng thể quản lí giáo dục.

## **2. THỰC TRẠNG CỦA VẤN ĐỀ**

Trong thời gian gần đây tôi thường lên làm việc với học sinh khối lớp 2 của trường Phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành qua theo dõi, tìm hiểu tôi nhận thấy các lớp có học sinh học hoà nhập còn có một số hiện tượng như giáo viên chưa quản lý được hành vi của học sinh, còn gặp khó khăn trong quá trình hướng dẫn học tập cho phù hợp với từng dạng khuyết tật của. Bên cạnh đó, học sinh học hòa nhập trong lớp còn chưa tập trung trong các hoạt động giáo dục, các em chưa lắng nghe giáo viên giảng bài, hay làm việc riêng, nói tự do trong lớp, chạy lăng quăng trong lớp....

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên như:

Về phía học sinh: Nhiều em đọc viết kém do hồng kiến thức từ lớp dưới. Đây là một điều không thể phủ nhận với chương trình học tập hiện nay; có em đọc bài chưa tốt, còn đọc vẹt, không hiểu nội dung bài học. Điều này khiến các em không hứng thú với quá trình học tập, do đó dễ mất tập trung trong học tập.

Về phía phụ huynh: Một số phụ huynh chưa quan tâm đến trẻ hay việc học của con ở trường. Một số phụ huynh còn khó khăn trong cuộc sống do đó phó mặc việc học tập của con em mình cho nhà trường.

Về phía giáo viên: Giáo viên chưa thành thạo các kỹ năng dạy học đặc thù cho học sinh khuyết tật, chưa lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng học sinh và với từng nội dung kiến thức. Công tác quản lí lớp học hòa nhập chưa hiệu quả, chưa xây dựng được môi trường học tập phù hợp với từng khuyết tật của trẻ, chưa biết cách quản lý hành vi của trẻ phù hợp...

Như vậy, để có thể thực hiện tốt các chiến lược nhằm giảm thiểu đến mức có thể một số ảnh hưởng không tích cực từ những nguyên nhân trên, giáo viên cần biết cách tổ chức và quản lí lớp học của mình nhằm khai thác tối đa cơ hội học tập cho học sinh.

## **3. HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN KHỐI LỚP 2, TRƯỜNG PHỔ THÔNG THỰC HÀNH CHẤT LƯỢNG CAO NGUYỄN TẤT THÀNH TỔ CHỨC, QUẢN LÝ LỚP HỌC CÓ HỌC SINH HOÀ NHẬP**

### **3.1. Quản lí về mặt tâm lí xã hội**

#### **3.1.1. Xây dựng môi trường lớp học**

Môi trường lớp học chính là bầu không khí của lớp học nói chung, là tình hình mối quan hệ giữa các thành viên và cảm giác của mỗi thành viên... Môi trường lớp học là yếu tố quan trọng vì nó phản ánh tình hình lớp học, nơi trẻ thực hiện các hoạt động. Xây dựng môi trường lớp học thân thiện, chia sẻ, đồng cảm, yêu thương sẽ giúp trẻ tự tin, sẵn sàng hoà nhập hoạt động cùng các bạn. Để xây dựng môi trường lớp học phù hợp, người giáo viên cần chú ý tới các yếu tố sau:

- Những yếu tố thuộc về trẻ: Động lực của một lớp học chịu ảnh hưởng bởi những yếu tố về phía trẻ. Tình cảm hay thái độ của trẻ với trường lớp, thầy cô và bạn bè có ảnh hưởng đáng kể đến cách ứng xử và phản ứng của trẻ đối với những đòi hỏi mang tính tổ chức của trường lớp. Ngoài ra những yếu tố khác như những gì trẻ đã học được trước đó, cảm nhận của trẻ về bản thân mình và kì vọng riêng của trẻ cũng có những ảnh hưởng nhất định tới lớp học.

- Những yếu tố về giáo viên: Trạng thái tâm lí của lớp học phụ thuộc rất nhiều vào những yếu tố về phía giáo viên, bao gồm tính cách, trình độ, khả năng, và hành động của giáo viên. Thái độ của giáo viên đối với trẻ có hoàn cảnh đặc biệt có thể ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng giáo dục mà trẻ nhận được trong suốt thời gian đến lớp. Đặc biệt những quan điểm cá nhân của giáo viên về giáo dục, kỉ luật và chương trình học của học sinh cũng là yếu tố quan trọng.

- Các yếu tố từ bạn đồng trang lứa: Bạn cùng trang lứa là những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến môi trường tâm lí xã hội của một lớp học, đặc biệt là đối với những trẻ lớn tuổi hơn. Giáo viên là người cần hiểu và nắm được những yếu tố như giá trị hay áp lực

- Yếu tố từ gia đình: Đó chính là thái độ và mức độ hỗ trợ của cha mẹ cũng như thành viên gia đình đối với việc giáo dục trẻ, những áp lực của gia đình lên trẻ...

Giáo viên cần nắm rõ các yếu tố trên để xác định cách thức tác động tới từng yếu tố nhằm phát huy điểm mạnh và hạn chế những điểm chưa phù hợp của các yếu tố, tạo sự liên kết giữ các yếu tố, qua đó xây dựng môi trường lớp học thân thiện, phù hợp với đặc điểm của trẻ khuyết tật học hoà nhập.

#### **3.1.2. Nâng cao trách nhiệm của giáo viên**

Đề tạo ra môi trường tích cực và mang tính giáo dục nhằm giúp trẻ đạt được kết quả tốt hơn trong học tập, trách nhiệm của người giáo viên đóng vai trò rất quan trọng. Người giáo viên cần giúp trẻ:

- Nhận biết các em là những người có giá trị và thầy cô có thể hiểu được các nhu cầu cũng như những mối quan tâm của các em.
- Truyền cho trẻ tính hăng hái, niềm say mê đối với học tập, và các kinh nghiệm học đường khác.
- Tạo một môi trường an toàn và mang tính hỗ trợ để trẻ có thể học mà không hề lo sợ rằng mình sẽ bị nhạo báng hay đe dọa.
- Đối xử công bằng với tất cả các học sinh, cố gắng tìm hiểu và tiếp cận riêng với từng trẻ trong mỗi buổi học
- Xây dựng một môi trường học tập dựa trên nền tảng những thành công và sự cảm nhận về giá trị bản thân của trẻ
- Hiểu rõ hoàn cảnh gia đình và văn hoá của từng trẻ.
- Thể hiện rằng thầy cô mong đợi trẻ đạt được những thành tích về mặt học tập và yêu cầu trẻ phải có được những hành vi học đường phù hợp
- Sẵn sàng trò chuyện với trẻ nếu thấy chúng cần
- Lắng nghe trẻ và không phán xét
- Giúp trẻ hiểu rằng mỗi thành viên trong lớp đều có quyền của mình và giáo viên muốn tất cả học sinh phải tôn trọng các quyền đó
- Giúp trẻ hiểu rằng giáo viên mong muốn chúng phải có trách nhiệm đối với hành vi của chính mình.
- Giúp trẻ hiểu rằng những suy nghĩ và ý kiến của chúng là rất quan trọng

## **3.2. Quản lý nội quy, quy trình và nguyên tắc của lớp học**

### **3.2.1. Nội quy của lớp học**

Nội quy của lớp học quy định một cách khái quát những gì giáo viên và mọi người xung quanh mong đợi ở trẻ. Các nội quy được lựa chọn phải thật cần thiết đối với việc thực hiện các chức năng của lớp học và có tác dụng tạo nên môi trường học tập tích cực

Khi đề ra nội quy lớp học giáo viên cần lưu ý một số điểm như: Không đưa ra quá nhiều nội quy cho lớp học (thường không quá 7 nội quy); các nội quy phải được trình bày ngắn gọn và rõ ràng, giải thích các nội quy phải thật cẩn thận và nêu rõ ai vi

phạm nội quy sẽ phải chịu hậu quả như thế nào. Các nội quy đưa ra dưới dạng khẳng định, treo hoặc dán bảng nội quy ở vị trí thuận tiện để tất cả học sinh đều có thể nhìn thấy, nói trước cho các em học sinh biết về những trường hợp ngoại lệ...

### **3.2.2. Các quy trình của lớp học**

Quy trình của lớp học là tiến hành thực hiện một số hoạt động hoặc xử lý một số tình huống nhất định.

Khi đề ra các quy trình của một lớp học thường phải chú ý một số điểm như: Xác định tất cả các tình huống cần phải có quy trình thực hiện. Giải thích rõ các quy trình đề ra. Hướng dẫn thực hiện từng quy trình bằng cách làm mẫu, cho học sinh thực hành có hướng dẫn, cho học sinh tự thực hành, tạo cơ hội cho từng học sinh thực hành quy trình. Phổ biến các quy trình của lớp học ngay trong tuần đầu của năm học. Tránh tình trạng quá tải đối với học sinh. Kết hợp những nguyên tắc quan trọng và có liên quan của toàn trường vào các quy trình của lớp học.

### **3.2.3. Những nguyên tắc của lớp học**

Hầu hết các trường đều có những nguyên tắc chung để áp dụng đối với tất cả thành viên trong trường. Những nguyên tắc này bao gồm phạm vi ngoài lớp học cũng như trong lớp học. Khi tổ chức và quản lý một lớp học bao giờ cũng cần tìm hiểu xem các nguyên tắc của toàn trường có ảnh hưởng như thế nào đến các nội quy và quy trình của một lớp học.

## **3.3. Quản lý cơ học**

Quản lý cơ học là quản lý những khía cạnh khác nhau thuộc môi trường cơ học của lớp học - nơi giáo viên có khả năng tác động nhằm nâng cao điều kiện học tập cho học sinh.

### **3.3.1. Sắp xếp lớp học**

Sắp xếp lớp học đề cập đến nhiều yếu tố khác nhau của một lớp học, trong đó có cách bố trí, sắp xếp, cách sử dụng khoảng không, tường, ánh sáng và việc sử dụng các kí hiệu, biểu tượng, bảng thông báo...

Quản lý cơ học trong lớp học liên quan đến: Cách phân chia diện tích trong lớp học thành những khu vực dành cho các hoạt động khác nhau. Xác định rõ khu vực trong lớp mà học sinh không được xâm phạm. Xây dựng một môi trường mang tính kết cấu cao vào đầu năm học. Tăng dần tính linh hoạt khi các nội quy, quy trình đã

được thiết lập. Khi có sự thay đổi trong môi trường lớp học cần tìm cách giải thích trước cho các học sinh đặc biệt là những em bị khiếm thị và tự kỉ.

Khi sắp xếp lớp học cho trẻ khuyết tật cần lưu ý: Thiết lập các cách thức di chuyển, đi lại trong lớp cho học sinh. Kiểm soát các thiết bị, công cụ, đồ dùng không được sử dụng đúng cách và có khả năng gây hại cho trẻ. Sử dụng các nhãn hiệu, tranh biểu tượng trong lớp học để giúp trẻ hiểu rõ hơn đó là vật gì và nó nằm ở vị trí nào. Tường lớp học có thể được dùng để trang trí, dán nội quy, trưng bày sản phẩm do học sinh làm ra nhằm củng cố các nội dung học tập. Khi sử dụng các khoảng không trên tường cần lưu ý rằng những vật trưng bày và trang trí có thể làm phân tán chú ý của học sinh có vấn đề về khả năng tập trung. Ngoài ra cần chú ý ánh sáng chiếu trong phòng học.

Nhìn chung dù có sắp xếp lớp học như thế nào giáo viên cũng phải đảm bảo rằng mình có thể bao quát được tất cả các hoạt động của học sinh trong lớp.

### **3.3.2. Về mức độ tiếp cận trong lớp học**

Cách sắp xếp trong trường và đặc biệt là lớp học cần đảm bảo rằng trẻ khuyết tật có thể đi lại dễ dàng. Phải chú ý tới các cửa ra vào, không gian để di chuyển trong lớp. Đảm bảo loại trừ mọi nguy cơ gây thương tổn cho học sinh.

Xếp chỗ cho học sinh trong lớp một cách hợp lí giúp giảm thiểu các vấn đề có thể xảy ra và tạo cơ hội cho trẻ có thể tiếp thu tốt hơn các nội dung đang được giảng dạy trong lớp.

Khi sắp xếp chỗ ngồi cho học sinh ở trong lớp cần lưu ý:

- Xếp chỗ hàng đầu cho học sinh có vấn đề về hành vi, để chúng ngồi càng gần giáo viên trong một khoảng thời gian càng dài càng tốt.
- Tạo ra các tầm nhìn rõ ràng để học sinh có thể theo dõi nội dung bài giảng của giáo viên và giáo viên có thể theo dõi học sinh trong suốt giờ học.
- Cần đảm bảo trẻ có các khiếm khuyết về giác quan được đặt ở những vị trí thuận lợi để chúng phát huy và tận dụng tối đa khả năng nghe và nhìn còn lại.

## **3.4. Quản lí hành vi**

### **3.4.1. Giúp trẻ hình thành và phát triển các hành vi mong muốn**

Trẻ học thêm ở lớp những hành vi tốt ngoài những gì chúng đã có từ trước. Đó có thể là những hành vi trong học tập, hành vi cá nhân, hành vi giao tiếp xã hội hoặc hướng nghiệp.

Để củng cố các hành vi tốt, giáo viên có thể sử dụng bất kì sự kiện nào có khả năng tăng cường hành vi vừa xảy ra. Có thể củng cố tích cực, nghĩa là giáo viên hay bạn bè thể hiện sự hài lòng và vui vẻ khi trẻ thực hiện được một hành vi thích hợp. Củng cố tích cực có thể thực hiện theo nhiều cách khác nhau như khen ngợi, phần thưởng cụ thể, hay dành cho trẻ một hoạt động mà trẻ thích... Củng cố tiêu cực là loại bỏ hay không bắt trẻ làm điều gì chúng cảm thấy khó chịu hoặc không yêu thích khi chúng thực hiện được một hành vi phù hợp. Củng cố là hình thức được chấp nhận rộng rãi và là một chiến thuật có hiệu quả trong việc tăng cường các hành vi phù hợp mà ta mong đợi ở trẻ.

Khi sử dụng củng cố tích cực để tăng cường hành vi phù hợp của trẻ giáo viên cần chú ý làm sao để trẻ thấy thích nhân tố củng cố và hiểu rằng cái mình nhận được là kết quả của hành vi mà mình vừa thực hiện, và mình sẽ sớm nhận được nó sau khi thực hiện đúng điều giáo viên yêu cầu.

Một trong những cách sử dụng nguyên tắc củng cố tích cực là dùng một loại văn bản gọi là “Biên bản thoả thuận giữa giáo viên và học sinh”, cách này đặc biệt phù hợp với những trẻ lớn. Giáo viên và học sinh cùng dùng một bản thoả thuận trong đó giáo viên nói rõ: Các hành vi hay nhiệm vụ mà trẻ phải hoàn thành hoặc thực hiện được và sự phản hồi (sự củng cố) giáo viên sẽ đưa ra. Việc thực hiện bản thoả thuận này là bắt buộc đối với giáo viên và học sinh.

### **3.4.2. Giảm bớt các hành vi không mong muốn**

Hầu hết giáo viên đều sẽ gặp phải những hành vi không mong muốn của trẻ. Để xử lí những hành vi này giáo viên cần chú ý đến nguyên tắc “tối thiểu hoá sự can thiệp”. Nguyên tắc này nhằm đảm bảo các hành vi gây rối được loại trừ nhanh gọn mà các hoạt động của lớp học ít bị ảnh hưởng nhất.

#### **a) Phòng ngừa và nhắc nhở**

Giáo viên có thể sử dụng các cách khác nhau để phòng ngừa hoặc nhắc trẻ không có hành vi sai phạm như:

- Đứng gần những trẻ hay gây rối
- Nhẹ nhàng chạm tay vào vai trẻ để báo hiệu cho trẻ rằng mình biết là trẻ đang có hành vi không thích hợp.
- Sử dụng các cử chỉ để thể hiện trực tiếp hay không trực tiếp sự không hài lòng của mình với trẻ để ngăn chặn các hành vi không mong muốn.



- Đưa mắt nhìn trẻ có hành vi không thích hợp, duy trì trong một khoảng thời gian nhất định.

- Nếu đang nói thì dừng lại trong một khoảng thời gian nhất định để thu hút sự chú ý của trẻ

- Gọi tên những trẻ không tập trung và đặt câu hỏi mà trẻ có thể trả lời được, hoặc dùng tên của trẻ để nói đến những điều đang nói đến trong bài học.

- Nên vui vẻ hài hước khi nhắc nhở và chấn chỉnh những hành vi không thích hợp

b) Một số cách xử lý khi trẻ có hành vi gây rối:

- Nhân quả: Cách làm này áp dụng trong những tình huống khi có sự phù hợp logic giữa hành vi trẻ gây nên với hậu quả mà trẻ phải chịu

- Củng cố khi có sự giảm bớt tính thường xuyên của một hành vi không mong muốn: Giáo viên nên củng cố thích hợp khi trẻ đạt được một tiêu chí nào đó về tần số của hành vi nhất định, cho dù hành vi đó là hành vi không mong muốn.

- Dập tắt: Tức là giáo viên không củng cố một hành vi nào đó. Dần dần với việc không củng cố hành vi đó, kết hợp với củng cố tích cực cho các hành vi mong muốn có liên quan, giáo viên sẽ giúp trẻ loại bỏ được các hành vi không thích hợp.

- Phạt: Là lựa chọn cuối cùng bởi vì nó liên quan đến việc đưa ra một điều không ưa thích cho trẻ hoặc lấy đi một điều gì đó trẻ ưa thích, coi như là hậu quả của một hành vi không thích hợp. Có thể phạt bằng các hình thức như: Khiển trách, thời gian tách biệt, trả giá hành vi... Trong trường hợp xảy ra các hành vi nghiêm trọng hơn giáo viên cần sử dụng những biện pháp quản lý hành vi ở mức cao hơn.

Muốn xác định một hành vi là nghiêm trọng giáo viên cần tìm hiểu đặc điểm mức độ và thường xuyên của hành vi đó. Đánh giá chính xác là cơ sở để tìm ra những biện pháp xử lý hiệu quả và tích cực.

Nhiều hành vi có vấn đề xảy ra nhằm phục vụ một nhu cầu, hay ý định cụ thể nào đó của trẻ. Có thể khái quát thành 4 dạng hành vi sau:

- + Gây chú ý: Trẻ gây ra hành vi ấy là để thu hút sự chú ý của người khác.

- + Trốn chạy: Nhờ có hành vi ấy mà trẻ thoát khỏi một tình huống nó không thích.

- + Đạt được một cái gì đó rất cụ thể: Hành vi của trẻ dẫn đến việc giáo viên sẽ thưởng cho trẻ một đồ vật hay hoạt động nào đó.

+ Phản hồi bằng các giác quan: Hành vi của trẻ nhằm đạt được những kích thích về thính giác, thị giác hoặc xúc giác cho bản thân.

Giáo viên có thể sử dụng bảng quan sát để xác định chính xác mục đích của hành vi

Bảng quan sát hành vi:

<b>A: Điều gì đã xảy ra trước đó?</b> (ngày, thời điểm, người có mặt, tình hình trước khi trẻ thể hiện hành vi có vấn đề)	<b>B: Trẻ có hành vi có vấn đề nào?</b>	<b>C: Điều gì xảy ra sau đó ?</b>
Giáo viên bảo trẻ rằng trẻ phải hoàn thành bài tập được giao	Trẻ bắt đầu nôn	Trẻ được phép ra ngoài để lau rửa.

Ngoài ra giáo viên còn có thể sử dụng bảng giao tiếp chức năng dưới đây để tìm cách phản ứng hợp lý với trẻ trình kết quả

Bảng giao tiếp chức năng:

<b>Trong tình huống nào?</b>	<b>Trẻ làm gì?</b>	<b>Tôi cho là đứa trẻ cảm thấy</b>	<b>Cách phản ứng tốt nhất đối với tôi là...</b>
Trong lúc đang làm bài tập toán	Trẻ bất thình lình bắt đầu la hét và cắn tay mình	Nản lòng vì nó không thể tự làm bài toán đó	Có thể giúp đỡ trẻ bằng cách gợi ý thêm

Thực tế cho thấy nguyên nhân dẫn đến hành vi có vấn đề là rất rộng, đa dạng và đặc biệt như chính bản thân mỗi trẻ; do vậy xác định chức năng của từng hành vi là rất khó khăn. Có thể hiểu rõ hơn về nguyên nhân của các hành vi có vấn đề ở trẻ các chuyên gia và giáo viên cần theo dõi những yếu tố có thể dẫn đến hành vi có vấn đề một cách hệ thống.

Khi xác định được chức năng của một hành vi gây rối nào đó, giáo viên cần cung cấp và hướng dẫn cho trẻ phương pháp giao tiếp thích hợp hơn để thể hiện cùng một ý muốn.

Mục tiêu khái quát là dạy trẻ kiểm soát được hành vi của mình mà không cần hoặc cần rất ít sự hỗ trợ từ bên ngoài, trên cơ sở đó trẻ có được một cuộc sống độc lập tới mức có thể.

### **3.5. Quản lí giảng dạy**

Mọi khía cạnh trong quản lí và tổ chức lớp học ít nhiều có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả giảng dạy trong lớp học. Bản thân quá trình dạy học cũng có nhiều yếu tố liên hệ chặt chẽ với các hoạt động quản lí và tổ chức như: Lên lịch, chuyển tiếp, hoạt động theo nhóm, kế hoạch giảng dạy, tài liệu/ công cụ/thiết bị và bài tập.

#### **3.5.1. Lên lịch**

Lên lịch và sắp xếp về thời gian cho các hoạt động ở lớp học trong cả tuần, cả ngày hay một tiết học nào đó. Một lớp học được tổ chức tốt là lớp luôn có lịch làm việc cẩn thận và rõ ràng. Thời gian biểu phù hợp sẽ giúp trẻ tăng thêm lượng thời gian tham gia vào các hoạt động học tập.

Giáo viên và các chuyên gia có thể dựa vào chương trình học của nhà trường để lập kế hoạch giáo dục cho năm học, tuần học và ngày học. Thậm chí một tiết học cụ thể cũng cần được lên lịch rõ ràng. Tất cả các yếu tố thuộc lịch học nằm trong một chuỗi hoạt động liên tiếp nhằm hỗ trợ cho mục tiêu giảng dạy của cả buổi học. Giáo viên có thể sử dụng nhiều công cụ nhắc nhở khác nhau để tăng cường các hoạt động liên tiếp này.

Trong quá trình lên lịch cho trẻ, giáo viên cần lưu ý một số điểm như:

- Đa dạng hoá tính chất của các hoạt động ở lớp học nhằm duy trì sự tham gia của trẻ và tốc độ, nhịp độ giảng dạy;
- Sử dụng các công cụ nhắc nhở về thời gian (qua thị giác và thính giác) trong giờ học để trẻ biết mình có bao nhiêu thời gian;
- Lập kế hoạch chuyển tiếp, ví dụ như nói: “5 phút nữa chúng ta sẽ kết thúc - các em hãy hoàn thành bài tập của mình đi”...

Trong cả buổi học, giáo viên thường có một vài phút trước khi chuyển sang một môn học hoặc hoạt động khác. Có thể lấp khoảng thời gian trống này bằng những hoạt động học tập nhờ sử dụng các hoạt động diễn ra trong một khoảng thời gian rất ngắn

nhằm giúp học sinh có thể ôn luyện các kỹ năng và kiến thức đã học trên lớp. Dưới đây là bảng tóm lược một số gợi ý giúp tăng cường thời gian học tập cho trẻ

Bảng gợi ý giúp tăng cường thời gian học tập

Một số gợi ý giúp tăng cường thời gian học tập
1. Yêu cầu học sinh sẵn sàng nói tên các bạn trong lớp, những tên có chữ cái đầu là H hoặc T...
2. Yêu cầu học sinh cho biết một thói quen giữ gìn sức khỏe tốt
3. Ôn lại 04 loại hình cơ bản, mỗi trẻ sẽ gọi tên một đồ vật ở trong phòng có hình tam giác, hình tròn, hình vuông hoặc hình chữ nhật.
4. Đếm ngón tay và yêu cầu học sinh cho biết cô giáo đang giơ mấy ngón tay
5. Nói tên các ngày trong tuần, các tháng và năm.
6. Trả lời các câu hỏi hôm nay là thứ mấy? Tháng mấy? Năm nào? Ngày bao nhiêu?
7. Có bao nhiêu ngày trong một tuần? Có bao nhiêu tháng trong một năm?
8. Giữa số 5 và số 7; số 8 và số 10 là số mấy?
9. Nói tên các loài vật nuôi ở nhà, trong rừng, dưới nước, ...
10. Gọi tên các loại hoa quả, rau, thịt...

### 3.5.2. Hoạt động chuyển tiếp

Trong một ngày hay một buổi, trẻ thực hiện nhiều hoạt động chuyển tiếp như: đến trường, ra vào lớp, thay đổi hoạt động, nghỉ giải lao, ăn trưa, và tan học. Thời gian chuyển tiếp có thể xảy ra với trẻ vẫn ngồi nguyên tại chỗ, di chuyển chỗ để thực hiện hoạt động khác, hoặc trở về chỗ ngồi của mình... Nếu tạo được nhiều hoạt động chuyển tiếp tốt thì có thể giảm nhiều sự gián đoạn và tăng cường tối đa thời gian cho các hoạt động giảng dạy

Giáo viên nên làm mẫu cho học sinh các hoạt động chuyển tiếp phù hợp, ví dụ: Đi lại nhẹ nhàng, cất sách và lấy ra dụng cụ cần thiết cho giờ học tiếp theo. Khi thuận lợi, giáo viên nên tổ chức cho học sinh luyện tập một số kỹ năng chuyển tiếp thích hợp.

Ngoài ra giáo viên phải lưu ý tổ chức và công cụ giảng dạy trong lớp học để không ảnh hưởng đến các hoạt động chuyển tiếp. Giáo viên cần chuẩn bị sẵn sàng tất

cả các tài liệu và thiết bị cần dùng cho từng hoạt động và tiết học. Tốt nhất là các tài liệu và công cụ được để ở nơi dễ tiếp cận, thuận tiện cho việc sử dụng.

### **3.5.3. Hoạt động theo nhóm**

Đây là cách tổ chức để đạt được mục tiêu giảng dạy. Có thể xếp trẻ trong lớp theo phương pháp cả nhóm lớn, nhóm nhỏ hoặc một nhóm giáo viên - một trò. Dù xếp như thế nào thì cuối buổi học cũng như đầu buổi học sinh đều ngồi lại với nhau theo nhóm.

Giáo viên thường áp dụng cách dạy nhóm nhiều hơn là cách dạy một giáo viên một trò, vì cách dạy này mất nhiều thời gian hơn, tuy vậy nó vẫn cần thiết trong một số trường hợp cụ thể. Khi dạy nhóm, giáo viên có thể thu hút sự tham gia của tất cả các học sinh bằng phương pháp phản hồi bất chợt hoặc yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi bằng cách giơ tay hoặc thẻ màu. Ví dụ: Học sinh giơ thẻ màu xanh nếu chúng nghĩ câu trả lời là đúng và thẻ màu đỏ nếu câu trả lời là sai.

Việc xếp trẻ ngồi theo nhóm nhỏ phụ thuộc rất nhiều vào tính chất của chương trình học, mục đích của từng bài học cụ thể và yêu cầu cá nhân của mỗi trẻ. Có thể xếp các trẻ có cùng trình độ kỹ năng vào một nhóm khi dạy một số môn, như Tiếng Việt hoặc Toán. Đối với các môn học khác, việc chia thành các nhóm nhỏ phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Có ý kiến cho rằng phải có nhiều mức trình độ khác nhau trong một nhóm, ví dụ trong hoạt động trình bày thông tin từ các tranh hay bảng biểu lớn nên xếp trẻ có trình độ thấp với trẻ có trình độ cao. Đây là nhóm có nhiều mức kỹ năng, trong các nhóm này giáo viên hướng đến khả năng cùng hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong học tập giữa các trẻ.

Khi dạy theo nhóm nhỏ giáo viên thường phải phân chia thời gian và sự chú ý của mình cho các nhóm. Điều này chỉ có thể thực hiện được khi các trẻ khác trong lớp biết rõ mình phải làm gì và luyện tập gì trong khi giáo viên đang hướng dẫn nhóm khác.

Mục đích cơ bản của luyện tập là giúp học sinh củng cố và hoàn thiện các kỹ năng trong những lĩnh vực khác nhau. Khi tổ chức cho học sinh tự luyện tập, giáo viên phải chú ý:

- Nên cho trẻ luyện tập những kỹ năng hoặc nội dung chúng vừa học xong;
- Luyện tập phải được cá nhân hoá cho từng trẻ, phải tổ chức các bài tập sao cho mỗi trẻ có thể làm việc độc lập;

- Luyện tập phải cụ thể và có hệ thống, phải liên quan trực tiếp đến những kĩ năng và mục tiêu trẻ đang học ở trên lớp;
- Luyện tập phải tổ chức sao cho học sinh có nhiều cơ hội thành công;
- Luyện tập nên tổ chức sao cho cả học sinh và giáo viên đều có thể dễ dàng nhận được những phản hồi về chất lượng công việc của mình.

Ngoài ra giáo viên cũng cần lưu ý đến điều kiện vật chất cần thiết để có thể giúp trẻ làm việc độc lập, như phải có đủ sách giáo khoa trong đó có nhiều hoạt động mang tính thực hành, các bộ công cụ, tờ bài tập...

Nhìn chung giáo viên thường là người chịu trách nhiệm chính trong giảng dạy. Tuy môn học hoặc hoạt động mà những người khác cũng có thể tham gia cùng giáo viên như các giáo viên hỗ trợ, các chuyên gia trị liệu, các cán bộ hành chính và kĩ thuật, cha mẹ hoặc bạn bè của trẻ. Học sinh có thể hướng dẫn lẫn nhau theo từng đôi bạn, ví dụ trẻ học trình độ lớp 5 dạy các trẻ trình độ lớp 1 học toán hoặc tập đọc.

Phương pháp học sinh hướng dẫn lẫn nhau có nhiều ưu điểm ở cả môi trường chuyên biệt và môi trường giáo dục hoà nhập. Phương pháp này tạo nên những ảnh hưởng tích cực cho cả người học và người hướng dẫn. Những trẻ được bạn bè kèm đạt kết quả học tập cao hơn. Những trẻ kèm cho bạn mình học cũng nắm chắc nội dung bài học hơn và có thái độ tích cực hơn đối với trường lớp và việc học tập. Ngoài ra, phương pháp này còn giúp trẻ khuyết tật có sự tương tác qua lại tích cực với nhau và với các trẻ bình thường trong môi trường giáo dục hoà nhập

#### **IV. Kết luận**

Hòa nhập không có nghĩa là “xếp chỗ” cho trẻ khuyết tật trong trường, lớp phổ thông và ngày càng không phải tất cả mọi trẻ đều đạt trình độ như nhau về mục tiêu giáo dục. Giáo dục hòa nhập đòi hỏi sự hỗ trợ cần thiết để mọi trẻ phát triển hết khả năng. Sự hỗ trợ được thể hiện trong điều chỉnh chương trình, đồ dùng dạy học, dụng cụ hỗ trợ đặc biệt và trong kỹ năng dạy học đặc thù. Giáo viên và cán bộ nhân viên nhà trường cần thẩm nhuần tư tưởng hòa nhập để trẻ em khuyết tật được phụ thuộc lẫn nhau, được chấp nhận có giá trị và được hỗ trợ của bạn bè...Lớp học hòa nhập cần tổ chức, giải quyết vấn đề đa dạng, nhằm chú trọng đến việc học của mọi trẻ. Mọi giáo viên, cán bộ và nhân viên của nhà trường cần cam kết làm việc cùng nhau tạo ra và duy trì môi trường đầm ấm, có hiệu quả cho việc học tập và sinh hoạt của trẻ khuyết tật. Để công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ngày càng tốt hơn, cùng với sự chung

tay của cộng đồng, gia đình, nhà trường, bản thân mỗi người giáo viên cần nâng cao hơn nữa trách nhiệm của bản thân cũng như phát triển khả năng tổ chức, quản lý lớp học có học sinh khuyết tật học hoà nhập trong nhà trường.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ giáo dục và Đào tạo - Dự án CRS (2005), *Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, tài liệu tập huấn cán bộ, giảng viên các trường Sư phạm, tập 1,2*, Nhà xuất bản Hà Nội
2. Nguyễn Đức Minh, Phạm Minh Mục, Lê Văn Tạc (2006) *Giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam - một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản B Giáo dục.
3. Nguyễn Xuân Hải (2008), *Giáo dục học trẻ khuyết tật*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Xuân Hải (2010), *Giáo trình Quản lý giáo dục hòa nhập*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
5. Hoàng Thị Hạnh, Trần Văn Công (2019), *Giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn tăng động giảm chú ý*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
6. Trần Thị Thiệp, Nguyễn Xuân Hải, Lê Thị Thúy Hằng (2011), *Giáo trình giáo dục hòa nhập*, dành cho hệ Cao đẳng Sư phạm mầm non. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo ( 2023) *Giáo dục đặc biệt cùng đồng hành qua giao tiếp và đồng cảm, tài liệu tập huấn giáo dục đặc biệt Việt Nam*

# HƯỚNG DẪN HỌC SINH LỚP 7 VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Vân  
Đơn vị: Trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành.  
Email: [Thanhvan741992@gmail.com](mailto:Thanhvan741992@gmail.com)

## ***Tóm tắt***

Trong những năm gần đây, văn nghị luận ngày càng được chú trọng bởi tính thiết thực, phù hợp. Bên cạnh nghị luận xã hội thể hiện quan điểm về các vấn đề nổi bật trong đời sống xã hội, ta còn có nghị luận văn học bàn về các vấn đề văn chương. Chương trình GDPT 2018 có nhiều điểm thay đổi khiến cho nhiều giáo viên và học sinh còn nhiều trăn trở. Vì vậy chúng tôi viết bài này nhằm mục đích hướng dẫn học sinh lớp 7 biết cách viết bài văn nghị luận phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**Từ khóa:** *phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học, lớp 7.*

## **I. Đặt vấn đề**

Trong những năm gần đây, văn nghị luận ngày càng được chú trọng bởi tính thiết thực, phù hợp. Văn nghị luận không chỉ cung cấp cho học sinh tri thức, mà còn rèn luyện cho học sinh kỹ năng và tư duy.

Sự thay đổi của chương trình GDPT 2018 là một bước ngoặt mới trong cải cách giáo dục Việt Nam. Chương trình mới đề cao thể loại văn bản nghị luận và đưa ngay vào từ chương trình lớp 6. Tuy nhiên, sự cải cách mới mẻ cũng đem đến nhiều khó khăn cho giáo viên và học sinh. Đặc biệt là văn nghị luận văn học với cấu trúc thay đổi và độ khó tăng dần.

Nhận thức được vấn đề này, chúng tôi mong muốn chia sẻ một vài kinh nghiệm hướng dẫn học sinh hướng dẫn học sinh lớp 7 biết cách viết bài văn nghị luận văn học. Trong khuôn khổ của bài viết, nội dung nghị luận văn học chúng tôi hướng đến chủ yếu là phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

## **II. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Trong bài báo chúng tôi có tham khảo một số nguồn tài liệu sách giáo khoa và tài liệu trên mạng Internet. Trên cơ sở đó, tôi tổng hợp các kiến thức cần có, phân tích và làm sáng tỏ vấn đề.



- Phương pháp thực nghiệm: Nghiên cứu này được thực nghiệm trong chương trình Ngữ Văn của trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành.
- Phương pháp quan sát: Giáo viên tiến hành quan sát học sinh thực tế trong quá trình giảng dạy trên lớp.

### **III. Kết quả và bàn luận**

#### **1. Cơ sở lí luận của vấn đề nghiên cứu**

##### **1.1. Văn nghị luận**

###### **1.1.1. Khái niệm**

Theo sách giáo khoa Ngữ Văn 6 - tập 2 - trang 40 (Bộ sách Chân trời sáng tạo - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam năm 2022): *Văn nghị luận là loại văn bản có mục đích chính nhằm thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề. Trong cuộc sống, ta thường gặp văn nghị luận dưới dạng ý kiến trong cuộc họp, bài bình luận, xã luận, ... Trong bài văn nghị luận, người viết trình bày ý kiến về một vấn đề mà mình quan tâm, sử dụng lí lẽ, bằng chứng để củng cố cho ý kiến của mình.*

*Lí lẽ: cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết.*

*Bằng chứng: những minh chứng làm rõ cho lí lẽ, có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu từ thực tế,...*

*Trong văn nghị luận, ý kiến, lí lẽ, bằng chứng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.*

###### **1.1.2. Các dạng văn nghị luận**

Nghị luận có hai dạng bài cụ thể là: nghị luận xã hội và nghị luận văn học.

###### **1.1.2.1 Nghị luận văn học**

Nghị luận văn học được hiểu là việc bình luận về các vấn đề liên quan đến một tác phẩm văn học gồm các yếu tố: tác giả, tác phẩm,... Trong nghị luận văn học, người viết thường sẽ thể hiện được những cảm xúc, suy nghĩ của bản thân liên quan đến nội dung tác phẩm hoặc thể hiện quan điểm cá nhân đồng tình hoặc không đồng tình từ chính tác giả.

###### **1.1.2.2 Nghị luận xã hội**

Nghị luận xã hội được hiểu là những bài văn đề cập đến những vấn đề trong xã hội, những tư tưởng đạo lý hay một hiện tượng tiêu cực, tích cực đang diễn ra trong xã hội, bên cạnh đó nó còn có thể xoay quanh các vấn đề về thiên nhiên, môi trường...

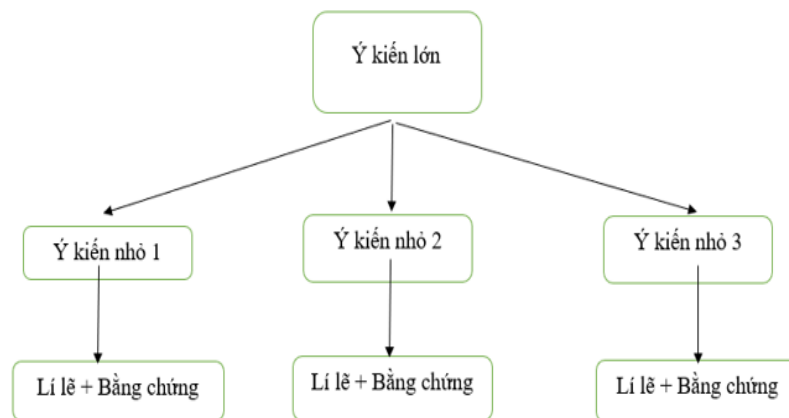
#### **1.2. Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học**

Theo sách giáo khoa Ngữ Văn 7 - tập 2 - trang 67 (Bộ sách Chân trời sáng tạo - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam năm 2022): Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học thuộc thể nghị luận văn học, được viết ra để bàn về một tác phẩm văn học, có đặc điểm như sau:

- Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận, có thể là về nhân vật, chi tiết, ngôn từ, đề tài, chủ đề,...

- Trình bày những lý lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Các lý lẽ, bằng chứng cần căn cứ vào tác phẩm đang bàn luận. Lý lẽ là những lí giải, phân tích về tác phẩm. Bằng chứng là những sự việc, chi tiết, từ ngữ, trích dẫn,... từ tác phẩm để làm sáng tỏ lý lẽ.

- Các ý kiến, lý lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. Mối quan hệ giữa ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lý lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận được thể hiện qua sơ đồ sau:



Với một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, ý kiến lớn thể hiện quan điểm về tác phẩm cần phân tích, ý kiến nhỏ thể hiện quan điểm về các yếu tố trong tác phẩm, góp phần làm sáng tỏ ý kiến lớn.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Trong thực tế giảng dạy bộ môn Ngữ Văn lớp 7 tại trường PTHH CLC Nguyễn Tất Thành, chúng tôi nhận thấy rằng:

Các em học sinh tuổi còn nhỏ nhưng đã phải tiếp cận với dạng văn tương đối khó, có tính xuyên suốt trong quá trình học phổ thông từ lớp 6 đến lớp 12. Các em có năng lực cảm thụ tác phẩm văn học nhưng lại khó khăn trong việc viết bài, chưa có kĩ năng khái quát ý lớn, ý nhỏ. Một số học sinh còn dựa vào những bài mẫu chứ chưa thật sự hiểu bản chất của vấn đề. Một thực tế khác là các em nắm lý thuyết làm văn nghị luận

còn máy móc, thiếu sự linh hoạt, sáng tạo để phù hợp với yêu cầu của đề. Nguyên nhân chủ yếu là do học sinh thiếu phương pháp và các kỹ năng cần thiết để làm tốt một bài văn nghị luận văn học.

Qua khảo sát thực tế ở lớp 7A1 tại trường PTTT CLC Nguyễn Tất Thành năm học 2023 – 2024 khi chưa được rèn kỹ năng làm bài, kết quả việc kiểm tra viết của các em như sau:

<b>Sĩ số học sinh</b>	<b>Số HS chưa biết cách làm</b>		<b>Số HS biết cách làm</b>	
<b>26</b>	<i>SL</i>	<i>(%)</i>	<i>SL</i>	<i>(%)</i>
	<b>20</b>	<b>77%</b>	<b>6</b>	<b>23 %</b>

Như vậy, qua bảng khảo sát trên có thể thấy bên cạnh một số học sinh nắm vững kiến thức, hiểu các bước làm bài thì vẫn còn nhiều em chưa biết cách làm bài nghị luận phân tích một nhân vật văn học, diễn đạt còn lủng củng.

Trước tình hình đó, chúng tôi thiết nghĩ cần có biện pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ Văn lớp 7. Trong khuôn khổ của bài viết, nội dung nghị luận văn học chúng tôi hướng đến chủ yếu là phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

### **3. HƯỚNG DẪN HỌC SINH LỚP 7 VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

#### **3.1. Yêu cầu đối với kiểu bài**

- Giới thiệu được nhân vật cần phân tích
- Trình bày được ý kiến của người viết về các đặc điểm khái quát từ nét tính cách, phẩm chất nhân vật.
- Đưa ra lí lẽ rõ ràng, thuyết phục để làm sáng tỏ ý kiến.
- Đưa ra bằng chứng là các chi tiết, sự việc, lời nói, trích dẫn từ văn bản để làm sáng tỏ lí lẽ.
- Bố cục bài viết cần đảm bảo:
  - + Mở bài: Giới thiệu nhân vật cần bàn luận và thể hiện ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật

+ Thân bài: Giới thiệu về tác giả, tác phẩm để giúp người đọc hiểu thêm về nhân vật cần phân tích. Khẳng định ý kiến về các đặc điểm của nhân vật, đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến; các lí lẽ và bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

+ Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của người viết về đặc điểm nhân vật, nêu cảm nghĩ của người viết về nhân vật.

### 3.2. Quy trình viết

Quy trình viết	Thao tác cần làm			
Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết	- Xác định mục đích			
	- Xác định đối tượng người đọc			
	- Xác định đề tài - Thu thập tư liệu			
Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý	<p>- Để tìm ý cho đoạn văn, em hãy:</p> <p>+ Đọc lại toàn bộ tác phẩm thống kê lại biểu hiện các phương diện tạo nên chân dung nhân vật trong tác phẩm</p> <p>+ Rút ra được các đặc điểm nhân vật thể hiện trong tác phẩm</p> <p>+ Khái quát lại tính cách, phẩm chất nhân vật bằng các từ ngữ thích hợp</p>			
	- Lập dàn ý theo sơ đồ hướng dẫn sau:			
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 15%; text-align: center; vertical-align: middle;"><b>MỞ BÀI</b></td> <td style="padding: 5px;"> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân vật phân tích là: .....</li> <li>- Ý kiến về đặc điểm của nhân vật.....</li> </ul> </td> </tr> <tr> <td style="width: 15%; text-align: center; vertical-align: middle;"><b>THÂN BÀI</b></td> <td style="padding: 5px;"> <p><b>1. Giới thiệu tác giả tác phẩm</b></p> <p><b>2. Phân tích đặc điểm thứ nhất của nhân vật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ý kiến của tôi về đặc điểm thứ nhất của nhân vật</li> <li>- Lí lẽ 1: .....</li> <li>- Bằng chứng: .....</li> <li>- Lí lẽ 2: .....</li> <li>- Bằng chứng:</li> </ul> </td> </tr> </table>	<b>MỞ BÀI</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân vật phân tích là: .....</li> <li>- Ý kiến về đặc điểm của nhân vật.....</li> </ul>	<b>THÂN BÀI</b>
<b>MỞ BÀI</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân vật phân tích là: .....</li> <li>- Ý kiến về đặc điểm của nhân vật.....</li> </ul>			
<b>THÂN BÀI</b>	<p><b>1. Giới thiệu tác giả tác phẩm</b></p> <p><b>2. Phân tích đặc điểm thứ nhất của nhân vật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ý kiến của tôi về đặc điểm thứ nhất của nhân vật</li> <li>- Lí lẽ 1: .....</li> <li>- Bằng chứng: .....</li> <li>- Lí lẽ 2: .....</li> <li>- Bằng chứng:</li> </ul>			

	<p>.....</p> <p><b>3. Phân tích đặc điểm thứ hai của nhân vật:</b></p> <p>– Ý kiến của tôi về đặc điểm thứ hai của nhân vật: .....</p> <p>– Lí lẽ 1:</p> <p>.....</p> <p>– Bằng chứng:</p> <p>.....</p> <p>– Lí lẽ 2:</p> <p>.....</p> <p>– Bằng chứng:</p> <p>.....</p> <p><b>KẾT BÀI</b></p> <p>– Khẳng định lại ý kiến:</p> <p>.....</p> <p>– Cảm nghĩ về nhân vật:</p> <p>.....</p>
<p>Bước 3: Viết bài văn</p>	<p>- Dựa vào dàn ý, viết bài văn hoàn chỉnh.</p> <p>- Khi viết, cần chú ý:</p> <p>+ Đề bài văn mạch lạc, rõ ràng cần có những câu văn nêu rõ ý kiến của người viết và sử dụng từ có chức năng chuyển ý</p> <p>+ Có thể trao đổi với những ý kiến khác về nhân vật để tạo sự hấp dẫn cho bài viết</p> <p>+ Khi triển khai bằng chứng, cần tránh kể lại truyện, chú ý phân tích, nêu ý nghĩa của bằng chứng</p>
<p>Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm</p>	<p>- Xem lại và chỉnh sửa: Dựa vào bảng kiểm SGK/tr.72.</p> <p>- Rút kinh nghiệm: Từ bài viết của mình, em rút ra được kinh nghiệm gì về việc viết một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật văn học?</p>

### 3.3. Ví dụ minh họa

**Đề bài:** Phân tích đặc điểm nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích “Dế Mèn bênh vực kẻ yếu” (Trích “Dế Mèn phiêu lưu kí” – Tô Hoài).

#### Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Xác định mục đích: Phân tích đặc điểm nhân vật Dế Mèn
- Xác định đối tượng người đọc: thầy cô giáo, học sinh
- Xác định đề tài: nhân vật Dế Mèn
- Thu thập tư liệu: các yếu tố liên quan đến lời nói, hành động, suy nghĩ của nhân vật Dế Mèn và mối quan hệ với các nhân vật khác

## **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

### **A. Mở bài**

- Giới thiệu tác giả - tác phẩm - đoạn trích.
- Giới thiệu nhân vật Dế Mèn.
- Nêu ý kiến của người viết về đặc điểm nhân vật.

### **B. Thân bài**

#### 1. Giới thiệu thông tin tác giả tác phẩm

- Tác giả Tô Hoài
- Tác phẩm “Dế Mèn phiêu lưu kí”

#### 2. Phân tích đặc điểm thứ nhất của nhân vật:

– Dế Mèn tử tế, tốt bụng, giàu tình thương người.

+ Lí lẽ 1: Dế Mèn hỏi thăm chị nhà Trò và xúc động trước cảnh ngộ của chị.

+ Bằng chứng:

Hình ảnh chị Nhà Trò "đã bé nhỏ lại gầy yếu quá", đôi cánh mỏng "ngắn chùn chùn" và tiếng khóc của chị ta đã làm cho chú Dế Mèn thương tâm lắm.

Chú càng xúc động hơn trước cảnh ngộ đau khổ của chị ta: mẹ mất, sống "thui thủi", ốm yếu quá nên làm không đủ ăn, lại đang bị bọn nhện đòi nợ một cách riết róng! Bọn nhện đánh đập chị ta mấy bận, lần nào chúng đe bắt để "vặt chân, vặt cánh ăn thịt".

+ Lí lẽ 2: Dế Mèn quyết định bảo vệ chị nhà Trò

+ Bằng chứng:

"Em đừng sợ. Hãy trở về cùng với tôi đây. Đứa độc ác không thể cậy khỏe ăn hiếp kẻ yếu."

#### 3. Phân tích đặc điểm thứ hai của nhân vật:

– Dế Mèn dũng cảm.

– Lí lẽ: Dế Mèn một mình xông vào trận địa mai phục của bọn nhện khiến bọn nhện phải khiếp sợ.

– Bằng chứng:

Trận địa mai phục của lũ nhện thật đáng sợ. Như thiên la địa võng "chăng từ bên nọ sang bên kia đường biết bao tơ nhện".

Dế Mèn cất tiếng: "Ai đứng chóp bu bọn này? Ra đây ta nói chuyện". Vừa thoáng thấy mục nhện từ trong hang đá "cong chân nhảy ra" với hai nhện vách đi kèm, Dế Mèn bèn ra oai thị uy: "quay phắt lưng, phóng còng đập phanh phách".

Dế Mèn đã đánh thép hạch tội lũ nhện là bọn người "béo múp núp" mà lại tham lam ti tiện "cứ cố tình đòi một tí tẹo nợ đã mấy đời rồi?".

### **C. Kết bài:**

- Khẳng định lại ý kiến
- Cảm nghĩ về nhân vật

#### **Bước 3: Viết bài văn hoàn chỉnh**

*(GV hướng dẫn học sinh viết bài hoàn chỉnh ở nhà dựa trên bố cục làm bài đã hướng dẫn trên lớp. Sau đây là một bài viết hoàn thiện của học sinh lớp 7A1).*

“Dế Mèn phiêu lưu kí” là một trong những tác phẩm đặc sắc của Tô Hoài. Những hành trình xuôi ngược, những ném trái cay đắng đó đây, “những hành động nghĩa hiệp, những chiến công và vinh hoa gặt hái được của chú Dế Mèn đã để lại nhiều ấn tượng đẹp trong lòng bạn nhỏ yêu quý gần xa. Cảnh “Dế Mèn bênh vực kẻ yếu” đã để lại trong lòng người đọc một ấn tượng sâu sắc về nhân vật Dế Mèn giàu tình thương người và vô cùng dũng cảm.

Nhà văn Tô Hoài tên khai sinh là Nguyễn Sen sinh năm 1920. Quê quán ở Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội. Tô Hoài là một trong những nhà văn lớn nổi tiếng trước cách mạng tháng Tám sáng tác trên nhiều thể loại, truyện ngắn, tiểu thuyết. Ông có vốn hiểu biết sâu sắc, phong phú về phong tục tập quán của nhiều vùng miền nhất là vùng Tây Bắc. Tính đến nay, sau hơn sáu mươi năm lao động nghệ thuật, ông đã có hơn 100 tác phẩm thuộc nhiều thể loại khác nhau: truyện ngắn, truyện dài kỳ, hồi ký, kịch bản phim, tiểu luận và kinh nghiệm sáng tác.

“Dế Mèn phiêu lưu ký” là tác phẩm văn xuôi đặc sắc và nổi tiếng nhất của nhà văn Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi. Ban đầu truyện có tên là "Con dế mèn" (chính là ba chương đầu của truyện) do Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội phát hành năm 1941. Sau đó, được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân, Tô Hoài viết thêm truyện "Dế Mèn phiêu lưu ký" (là bảy chương cuối của truyện). Năm 1955, ông mới

gộp hai truyện vào với nhau để thành truyện "Dế Mèn phiêu lưu ký" như ngày nay. "Dế Mèn bênh vực kẻ yếu" là một trong những đoạn trích tiêu biểu của tác phẩm.

Dế Mèn tử tế, tốt bụng, giàu tình thương người. Đi qua đám cỏ xước xanh dài, chen nghe "tiếng khóc tí tê" và nhìn thấy chị Nhà Trò đang "gục đầu bên tảng đá cuội" đối với kẻ vô tâm, vô tình khác thì họ lặng lẽ hoặc chép miệng rồi đứng đưng bỏ đi. Trái lại, chú Dế Mèn rất quan tâm và thương cảm đến gần con người bất hạnh "gạn hỏi mãi". Hình ảnh chị Nhà Trò "đã bé nhỏ lại gầy yếu quá", đôi cánh mỏng "ngắn chùn chùn" và tiếng khóc của chị ta đã làm cho chú Dế Mèn thương tâm lắm. Chú càng xúc động hơn trước cảnh ngộ đau khổ của chị ta: mẹ mất, sống "thui thủi", ốm yếu quá nên làm không đủ ăn, lại đang bị bọn nhện đòi nợ một cách riết róng! Bọn nhện đánh đập chị ta mấy bận, lần nào chúng đe bắt để "vặt chân, vặt cánh ăn thịt". Cuộc sống và tính mạng chị Nhà Trò đang bị uy hiếp nghiêm trọng. Cử chỉ "xòe cả hai cẳng ra" và câu nói của chú Dế Mèn không phải ai cũng có. Biết bao thương cảm, biết bao nâng đỡ chở che, đây nghĩa hiệp: "Em đừng sợ. Hãy trở về cùng với tôi đây. Đứa độc ác không thể cậy khỏe ăn hiếp kẻ yếu. Tiếng nói của Dế Mèn vang lên như một lời tuyên chiến với lũ nhện quen thói cậy thế, áp bức đè nén người khác. Đúng như người xưa đã nói:

"Tôi xin ra sức anh hào,

Cứu người cho khỏi lao đao buổi này!"

Dế Mèn còn vô cùng dũng cảm khi một mình xông vào trận địa đối mặt với lũ nhện. Trận địa mai phục của lũ nhện thật đáng sợ. Như thiên la địa võng "chăng từ bên nọ sang bên kia đường biết bao tơ nhện". Chúa trùm nhà nhện là một mục nhện "đánh đá, nặc nô". Có hai vệ sĩ nhện vách đi kèm. Trên trận địa mai phục có vô số lũ nhện nanh ác do nhện Gộc chỉ huy. "Chúng đứng im như đá mà coi vẻ hung dữ". Liệu chú Dế Mèn đơn phương độc mã có làm gì nổi lũ nhện ghê gớm này? Một chữ "ta" của Dế Mèn cất lên rất đàng hoàng, đĩnh đạc và hào hùng: "Ai đứng chóp bu bọn này? Ra đây ta nói chuyện". Vừa thoáng thấy mục nhện từ trong hang đá "cong chân nhảy ra" với hai nhện vách đi kèm, Dế Mèn bèn ra oai thị uy: "quay phắt lưng, phóng cẳng đập phanh phách". Đó là miếng võ gia truyền của họ hàng nhà dế! Thật là bất ngờ và ngạc nhiên: "Mục nhện co rúm lại rồi rập đầu xuống đất như cái chày giã gạo". Mục nhện và lũ tiểu yêu đã bạt vía kinh hồn! Dế Mèn đã đánh thếp hạch tội lũ nhện là bọn người "béo múp núp" mà lại tham lam ti tiện "cứ cố tình đòi một tí tẹo nợ đã mấy đời rồi?". Chú ta "cắm" bọn nhện "từ giờ không được đòi nợ chị Nhà Trò nữa". Như một lời phán truyền



ngghiêm khắc, Đé Mèn bắt bọn nhện: “Hãy phá các vòng vây đi! Đốt hết văn nợ đi!”. Tức thì quân tướng lũ nhện “sợ hãi cùng dạ ran”, chúng vội vàng “phá hết các dây tơ chăng lỏi”. Và con đường về tổ Nhà Trò “quang hắt”. Chị Nhà Trò đã thoát nạn tai ương.

Qua cảnh này, ta vô cùng khâm phục Đé Mèn, một chàng trai có phẩm chất tốt đẹp: có võ nghệ tài giỏi, rất dũng cảm, thương người, hào hiệp, căm ghét mọi bất công trên cõi đời. Đé Mèn đã hết lòng bênh vực chị Nhà Trò trong cơn nguy khốn. Đé Mèn đúng là một hiệp sĩ: “Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha!”.

#### **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

Sau khi viết xong, học sinh đọc lại bài văn vừa viết và sửa lại lỗi chính tả, lỗi diễn đạt và rút kinh nghiệm.

#### **3.4. Kết quả cụ thể**

Trong quá trình giảng dạy tôi nhận thấy rằng: sau khi được rèn luyện cách làm bài, học sinh đã có kĩ năng làm bài hơn. Sau mỗi đề luyện, tôi đều cho học sinh tự đánh giá bằng hình thức chấm chéo. Kết quả đã có sự thay đổi tích cực. Học sinh đã biết cách xây dựng bố cục bài, xác định được hệ thống ý lớn ý nhỏ, biết cách làm các dạng đề tương tự. Kết quả cụ thể:

<b>Sĩ số học sinh</b>	<b>Số HS chưa biết cách làm</b>		<b>Số HS biết cách làm</b>	
<b>26</b>	<i>SL</i>	<i>(%)</i>	<i>SL</i>	<i>(%)</i>
	<b>5</b> <b>(01 HS hòa nhập)</b>	<b>19%</b>	<b>21</b>	<b>81%</b>

Nhìn vào kết quả trên có thể thấy sự thay đổi về số lượng học sinh biết cách làm. Sau một thời gian được giáo viên hướng dẫn, học sinh đã nắm vững và vận dụng linh hoạt quy trình các bước tiến hành một bài văn. Tuy nhiên, sự hướng dẫn của thầy cô cũng chỉ là một phần. Quan trọng nhất vẫn là bản thân học sinh học tập và rèn luyện chăm chỉ.

#### **IV. Kết luận**

Để đạt được mục tiêu giáo dục nói chung cần có sự nỗ lực, cố gắng của cả thầy và trò. Qua việc nghiên cứu hướng dẫn học sinh cách viết bài văn nghị luận phân tích một nhân vật văn học, tôi nhận thấy đây là một trong những nội dung quan trọng, là tiền đề

cho dạng đề nghị luận trong những bài thi sau này, đặc biệt là kì thi chuyển cấp vào 10. Quá trình rèn luyện kỹ năng viết bài văn nghị luận sẽ làm cho quá trình học tập môn Ngữ văn sinh động, hứng thú. Học sinh khi được tiếp cận với các tác phẩm văn học sẽ bồi đắp nên những tình cảm tốt đẹp. Do đó việc học văn cũng mang ý nghĩa thiết thực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Thị Hồng Nam (2022) - Sách giáo khoa Ngữ Văn 6 tập 2, Bộ sách Chân trời sáng tạo, NXB Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Hồng Nam (2022) - Sách giáo khoa Ngữ Văn 7 tập 1, Bộ sách Chân trời sáng tạo, NXB Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội.
3. <https://download.vn/phan-tich-dac-diem-nhan-vat-trong-mot-tac-pham-van-hoc-60938>

## **MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CHƯƠNG VII - ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI TRONG MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**Tác giả:** Thạc sĩ Trần Lê Quân

**Email:** tranlequan.cdsp@hoabinh.edu.vn

Đơn vị : Tổ Lý luận chính trị - Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất

### **Tóm tắt:**

Bài viết trình bày những kinh nghiệm của tác giả đã tích lũy được qua quá trình giảng dạy Chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội trong môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam thuộc trình độ đào tạo cao đẳng. Trên cơ sở tổng kết thực trạng giảng dạy của bản thân, tiếp thu ý kiến của đồng nghiệp, tác giả nêu lên những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân và đưa ra một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy Chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội trong môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam ở trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình những năm học tiếp theo.

### **I. Đặt vấn đề:**

Môn học Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam là một trong các môn lý luận chính trị cơ bản có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho sinh viên. Đường lối cách mạng của Đảng được đề ra trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Người học không chỉ được trang bị kiến thức khoa học mà còn được giáo dục kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào thực tiễn, hình thành và phát triển những phẩm chất cần thiết của con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

Tuy nhiên, do đặc điểm, tính chất, nội dung của môn học cũng như trình độ, năng lực của giảng viên nên việc giảng dạy và học tập môn học Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam ở trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình gặp rất nhiều khó khăn, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8, khóa XI, ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Vì vậy, trong bài viết này, tác giả trình bày một số kinh nghiệm giảng dạy đã tích lũy được qua quá trình giảng dạy Chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội trong môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam để đồng chí, đồng nghiệp cùng trao đổi, rút kinh nghiệm nhằm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn học này ở trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

## **II. Phương pháp nghiên cứu:**

- Phương pháp chủ yếu được sử dụng để nghiên cứu trong bài viết này là tổng kết thực tiễn : Tổng kết kinh nghiệm thực tiễn giảng dạy môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam của bản thân và đồng nghiệp.

- Các phương pháp khác được sử dụng như quan sát, phân tích và tổng hợp các thông tin thu thập được để rút ra kết luận và phát hiện cái mới của vấn đề nghiên cứu.

## **III. Kết quả nghiên cứu và bàn luận:**

Tác giả đã khái quát được thực trạng việc giảng dạy Chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội. Nêu lên những kết quả đã đạt được, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân, trên cơ sở đó, đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy Chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội trong những năm học tới ở trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

**1. Thực trạng việc giảng dạy Chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội trong môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.**

***1.1. Những kết quả đạt được trong việc giảng dạy Chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội***

*1.1.1. Về thực hiện giảng dạy nội dung Chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội.*

Đã thực hiện đầy đủ những nội dung cơ bản của Chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội, bao gồm “I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng nền văn hóa [2;203] ; “II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội”[2;229]. Ngoài những nội dung cơ bản của chương trình, giảng viên đã cập nhật những nội dung mới theo các Nghị quyết Đại hội và Hội nghị Trung ương của Đảng về xây dựng nền văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội, đồng thời gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

- Về nội dung “I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng nền văn hóa”, đã khái quát được những nội dung cơ bản của chủ trương về xây dựng nền văn hoá mới giai đoạn 1945 – 1975 và giai đoạn 1975 - 1986.

Trên cơ sở làm rõ kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân hạn chế của quá trình thực hiện đường lối xây dựng nền văn hóa thời kỳ trước đổi mới, giảng viên giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản, cần thiết để học tập, nghiên cứu đường lối xây dựng nền văn hóa thời kỳ đổi mới.

- Về nội dung ; “II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội” , đã tập trung vào giảng dạy những nội dung cơ bản theo quy định của chương trình, bao gồm: Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội thời kỳ trước đổi mới và quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội, những quan điểm, chủ trương về giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kỳ đổi mới.

Khi giảng dạy các nội dung trên, đã bám sát các văn kiện của Đảng có nội dung về chủ trương xây dựng nền văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội như “Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 của T.U” , Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" ra ngày 25/11/1945 của Ban thường vụ trung ương Đảng, bức thư về "Nhiệm vụ văn hoá Việt Nam trong công cuộc cứu nước và xây dựng nước hiện nay" của đồng chí Trường Chinh gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 16/11/1946, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm,

khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Nghị quyết TW 9 khóa XI (5/2014) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI - Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020, các văn kiện Đại hội của Đảng từ Đại hội VII (1991) đến đại hội XIII (2021) .

### *1.1.2. Về phương pháp giảng dạy*

Phương pháp giảng dạy Chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội đã có những đổi mới quan trọng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, khóa XI, ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Các phương pháp giảng dạy được sử dụng có sự kết hợp nhiều phương pháp gồm cả phương pháp truyền thống và hiện đại: phương pháp logic và lịch sử, nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận... Trong quá trình giảng dạy, bản thân tác giả đã có những đổi mới việc sử dụng các phương pháp giảng dạy theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, khóa XI, ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đó là chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Theo đó, một số phương pháp truyền thống như trước đây thì nay vẫn được sử dụng nhưng thời gian sử dụng những phương pháp này giảm đi nhiều so với trước. Các phương pháp được tăng cường sử dụng nhiều hơn như phương pháp lịch sử và logic, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận, kể chuyện, trực quan.

Phương pháp lịch sử và logic là phương pháp chủ đạo khi giảng dạy Đường lối cách mạng của Đảng nói chung và giảng dạy đường lối xây dựng nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội nói riêng. Phương pháp này được sử dụng khi phân tích, làm rõ những cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình hình thành, bổ sung, phát triển đường lối xây dựng nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội qua các giai đoạn lịch sử.

Các phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, kể chuyện, trực quan được sử dụng kết hợp với phương pháp thuyết trình, phương pháp lịch sử và logic phù hợp với từng nội dung giảng dạy cụ thể nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm của từng phương pháp.

- Ngoài các phương pháp kể trên, bản thân tác giả còn sử dụng một số phương pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu chính bao gồm phương pháp sưu tầm và đọc một số tài liệu liên quan đến nội dung đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội thời kỳ đổi mới.

Phương pháp hướng dẫn sinh viên tự học được sử dụng để sinh viên tự học một số nội dung mà sinh viên có thể tự đọc và hiểu qua giáo trình và tài liệu tham khảo mà giảng viên giới thiệu nhằm hình thành năng lực tự học tự hoàn thiện.

### *1.1.3. Về kết quả học tập của sinh viên*

Qua quan sát quá trình học tập của sinh viên cho thấy, các giờ học về Chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội, sinh viên có hứng thú học tập hơn, không khí trong các buổi học sôi động hơn, không còn tình trạng thông tin một chiều, khắc phục dần tính thụ động của sinh viên trong quá trình lĩnh hội kiến thức. Đồng thời, khơi dậy tính chủ động, sáng tạo, tự giác của sinh viên trong học tập.

Các giờ học về Chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội đã giúp cho sinh viên biết tự thể hiện mình và hợp tác với các bạn, tích cực trong việc giải quyết vấn đề, hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập mà giảng viên giao cho. Đó là những biểu hiện về phẩm chất và năng lực được hình thành và phát triển ở sinh viên như phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự học, tự hoàn thiện, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo.

Thông qua các sản phẩm hoạt động của sinh viên như kết quả thảo luận, giải quyết vấn đề, các bài khảo sát về những nội dung cơ bản của đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội cho thấy, hơn 90% sinh viên hiểu rõ nội dung kiến thức bài học và có kỹ năng vận dụng tốt.

Những kết quả đạt được nói trên là do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do giảng viên có tinh thần trách nhiệm cao đối với nghề nghiệp, không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy. Bản thân có sự đầu tư thích đáng để nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo quan điểm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng.

Mặt khác, bản thân có nhiều năm giảng dạy đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam nên đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc giảng dạy môn học.

Ngoài ra, thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là thực tiễn đổi mới đất nước đạt được những thành tựu to lớn tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy Đường lối cách mạng của Đảng nói chung và đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội nói riêng, thực hiện tốt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, học đi đôi với hành.

## **1.2. Những hạn chế trong việc giảng dạy Chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội**

### *1.2.1. Về thực hiện nội dung giảng dạy đường lối xây dựng hệ thống chính trị.*

- Chưa cập nhật đầy đủ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 24 tháng 11 năm 2023 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Chưa cập nhật đầy đủ những kết quả đạt được trong việc thực hiện chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội từ Đại hội XIII (01-2021) đến nay.

### *1.2.2. Về đổi mới phương pháp giảng dạy*

Trong quá trình giảng dạy đường lối xây dựng nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội, bản thân đã có những đổi mới về phương pháp giảng dạy. Tuy nhiên, việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, khóa XI, ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo chưa mạnh mẽ và hiệu quả chưa cao. Việc giảng dạy nội dung chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội thời kỳ đổi mới vẫn còn nặng về phương pháp truyền thống; thiếu những thông tin, số liệu, hình ảnh minh họa cho nội dung bài giảng.

### *1.2.3. Về kết quả học tập của sinh viên*

Một số sinh viên chưa có kỹ năng tự học tự nghiên cứu, sưu tầm và đọc những tài liệu có liên quan đến nội dung học tập, ý thức học tập chưa cao. Năng lực hợp tác nhóm, giải quyết vấn đề của một số sinh viên còn hạn chế.

Những hạn chế nói trên do nhiều nguyên nhân, trong đó có một số nguyên nhân chủ yếu sau đây :

Một là, do môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó có đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội là một trong các môn lý luận chính trị rất khó. Nội dung môn học dựa trên cơ sở kiến thức của 3 môn học là Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đề giảng dạy tốt môn học này, đòi hỏi cả người dạy và người học phải có những kiến thức cơ bản, cần thiết của 3 môn học nói trên, trong đó môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là quan trọng nhất. Đường lối cách mạng của Đảng chính là những nội dung cốt lõi của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, là giảng viên không có chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc chuyên ngành Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam thì việc giảng dạy Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung và đường lối xây dựng nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội nói riêng sẽ gặp nhiều khó khăn.

Hai là, do đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội được Đảng ta đề ra và bổ sung, phát triển qua các thời kỳ, giai đoạn cách mạng, cho nên nội dung giảng dạy về đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội cũng cần được đổi mới, cập nhật. Điều đó đòi hỏi giảng viên, người dạy phải có năng lực nghiên cứu khoa học, đồng thời phải có sự đầu tư nhiều thời gian hơn so với các môn học khác mới có thể cập nhật được những nội dung mới để đưa vào bài giảng.

Ba là, do việc đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, khóa XI, ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng chuyển từ việc trang bị kiến thức là chủ yếu sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học chưa được nghiên cứu đầy đủ để vận dụng vào môn học này. Kể từ khi Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng được ban hành đến nay, chưa có đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp khoa học về đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam theo hướng phát triển (hay tiếp cận) năng lực và phẩm chất người học. Vì vậy, quan điểm giảng dạy của các giảng viên lý luận chính trị còn có sự khác nhau, làm cho việc học hỏi, tiếp thu và vận dụng kinh nghiệm giảng dạy của đồng chí, đồng nghiệp cũng bị hạn chế.

## **2. Một số biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy Chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội.**

### ***2.1. Nghiên cứu các văn kiện của Đảng có nội dung về xây dựng nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội để cập nhật vào nội dung bài giảng.***

Đường lối cách mạng của Đảng được Đảng ta đề ra thông qua các Đại hội, Hội nghị của Ban chấp hành Trung ương, các Hội nghị của Bộ Chính trị... Nó được thể



hiện dưới những hình thức văn bản của Đảng như Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận, các bài Diễn văn khai mạc, bế mạc tại các kỳ Đại hội, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương... gọi chung là các văn kiện của Đảng. Giảng dạy đường lối xây dựng nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội đòi hỏi phải nghiên cứu các văn kiện của Đảng có nội dung về xây dựng nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội.

Để đổi mới, phát triển nội dung giảng dạy về đường lối xây dựng nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội, đòi hỏi phải nghiên cứu kỹ những văn kiện quan trọng của Đảng sau đây:

- "Đề cương văn hóa Việt Nam 1943 của T.Ư." (Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7. NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội, 2000)

- Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" ngày 25/11/1945 của Ban thường vụ trung ương Đảng.

- Bức thư về "Nhiệm vụ văn hoá Việt Nam trong công cuộc cứu nước và xây dựng nước hiện nay" của đồng chí Trường Chinh gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 16/11/1946.

- Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm, khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Nghị quyết TW 9 khóa XI (5/2014) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ngày 27-6-1991)

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI - Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 24 tháng 11 năm 2023 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Các văn kiện Đại hội của Đảng từ Đại hội VII (1991) đến đại hội XIII (2021)

## ***2.2. Tiếp tục nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển từ việc trang bị kiến thức là chủ yếu sang phát triển năng lực và phẩm chất người học***

Đổi mới phương pháp giảng dạy là một trong những yếu tố quyết định đến việc nâng cao chất lượng giảng dạy, giáo dục. Quan điểm của Đảng về đổi mới giáo dục và đào tạo theo hướng chuyển từ việc trang bị kiến thức là chủ yếu sang phát triển năng lực và phẩm chất người học là một quan điểm đúng đắn, khoa học nhằm đáp ứng mục tiêu của giáo dục và đào tạo Việt Nam.

Để đổi mới phương pháp giảng dạy đường lối xây dựng xây dựng nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội theo hướng chuyển từ việc trang bị kiến thức là chủ yếu sang phát triển năng lực và phẩm chất người học đòi hỏi người dạy phải nghiên cứu, nắm vững các quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, khóa XI, ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Trên cơ sở nắm vững và quán triệt những quan điểm chỉ đạo nói trên, giảng viên nghiên cứu và vận dụng vào đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy đường lối xây dựng xây dựng nền văn hóa; giải quyết các vấn đề xã hội theo hướng chuyển từ việc trang bị kiến thức là chủ yếu sang phát triển năng lực và phẩm chất người học. Thực chất của quá trình này chính là giảm bớt nội dung về kiến thức, tăng cường những nội dung thực hành, vận dụng vào thực tiễn. Qua đó mà hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất người học theo mục tiêu giáo dục và đào tạo đã xác định.

Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy đồng thời phải gắn liền với việc đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên, bởi vì kết quả học tập của sinh viên chính là thước đo kết quả giảng dạy của giảng viên. Đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên phải đáp ứng được yêu cầu đánh giá toàn diện về phẩm chất và năng lực mà sinh viên đạt được. Hiện nay, vấn đề này đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu.

## **V. KẾT LUẬN**

Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội là một bộ phận quan trọng trong Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Xây dựng nền văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội là một nhiệm vụ tất yếu của cách mạng Việt Nam nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ công bằng, văn minh.

Việc giảng dạy đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội trong các trường cao đẳng cần được quan tâm, nâng cao chất lượng hơn nữa để góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để nâng cao chất lượng giảng dạy Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội, cần phải tiếp tục đổi mới về nội dung, phương pháp cũng như đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Tuy nhiên, việc đổi mới căn bản về nội dung, phương pháp giảng dạy cũng như đánh giá kết quả học tập của sinh viên về đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội còn gặp nhiều khó khăn, nhiều vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu. Trong bài viết này, tác giả đã trình bày một cách khái quát thực trạng giảng dạy chương VII - Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội trong môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam ở trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình, nêu lên những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy Đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội trong môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam những năm học tiếp theo. Đó là những kinh nghiệm của tác giả đã tích lũy được qua quá trình giảng dạy môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

### **Tài liệu tham khảo**

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* (Ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

[2]. *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội, 2019.

[3]. *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội, 2000.

# LỰA CHỌN MỘT SỐ BÀI TẬP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÁT CẦU CAO CHÂN CHÍNH DIỆN TRONG HỌC ĐÁ CẦU CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÒA BÌNH

Vũ Thị Ánh Ngọc

Tổ: LLCT - GDQPAN & GDTC

## TÓM TẮT:

Với mục đích lựa chọn các bài tập phù hợp, đáp ứng thực tế giảng dạy và học tập của sinh viên, chúng tôi tiến hành thu thập các thông tin, phân tích tổng hợp tài liệu tham khảo. Qua quan sát thực trạng việc sử dụng các bài tập trong giảng dạy cũng như tập luyện kỹ thuật. Qua phỏng vấn trực tiếp và thông qua bài kiểm tra về kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện. Từ đó chúng tôi nghiên cứu lựa chọn các nhóm bài tập cho sinh viên. Các bài tập mà chúng tôi lựa chọn được đánh giá sát thực và cụ thể có tính đến lượng vận động, số lần, cự ly, thời gian, những sai lầm thường mắc, cách sửa chữa khắc phục, cách tổ chức tập luyện và hiệu quả thực hiện. Đó là nhóm các bài tập củng cố, hoàn thiện kỹ thuật động tác, các bài tập phát triển thể lực chuyên môn, các bài tập rèn luyện tâm lý phù hợp với sinh viên và đặc thù của môn học đá cầu. Sau khi vận dụng một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả phát cầu cao chân chính diện trong học đá cầu cho sinh viên nhà trường. Kết quả cho thấy các bài tập mà chúng tôi lựa chọn và vận dụng vào thực tiễn giảng dạy đã thể hiện được tính khả thi và hiệu quả trong học đá cầu, lượng vận động được nâng lên rõ rệt, các bài tập đa dạng và phong phú hơn. Sinh viên nhận thức tốt về nội dung môn học.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ:

Trong xã hội hiện nay, sức khỏe được xem là một mặt quan trọng của chất lượng cuộc sống, là nguồn tài sản quý báu của mỗi Quốc gia và là sản phẩm phản ánh một cách khách quan thành tựu của nhiều lĩnh vực khoa học.

Giáo dục thể chất trong các trường Cao đẳng - Đại học không chỉ nâng cao sức khỏe mà còn trang bị cho sinh viên hệ thống các kỹ năng, kỹ xảo vận động, các phẩm chất thể lực cần thiết đồng thời trang bị cho người học những tri thức cơ bản về lĩnh vực thể dục thể thao. Để giáo dục thể chất trong các trường Cao đẳng - Đại học cũng như các lĩnh vực giáo dục khác đạt hiệu quả cao thì vấn đề đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo có vai trò quyết định.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa vào chương trình môn học GDTC rất nhiều nội dung như: Điền kinh, thể dục, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, bóng bàn, cầu lông, đá

cầu... Các nội dung này khi đưa vào giờ học chính khóa đều được đông đảo học sinh, sinh viên tham gia tập luyện và đem lại hiệu quả cao cho người học. Trong số các nội dung đó thì học đá cầu là nội dung vừa không đòi hỏi nhiều về cơ sở vật chất, rất phù hợp với tâm vóc và tố chất thể lực của học sinh, sinh viên.

Trên thực tế, đá cầu là nội dung luôn đòi hỏi người tập phải có các tố chất thể lực như: Nhanh, mạnh, bền đặc biệt là tố chất khéo léo phối hợp vận động phát triển tối đa, bên cạnh đó còn phải có khả năng phán đoán tốt, sự sáng tạo trong cách chơi với tâm lý ổn định. Người tập, ngoài việc phải có thể lực chung và thể lực chuyên môn thì cần có các kỹ thuật đá cầu cơ bản như: Kỹ thuật phát cầu, kỹ thuật tâng cầu, chuyền cầu, kỹ thuật tấn công, kỹ thuật phòng thủ. Khi thi đấu đá cầu, một trong những hoạt động cơ bản mở đầu cho trận đấu đó là phát cầu, với mục đích vừa đưa cầu vào cuộc, vừa khai thác điểm yếu của đối phương để giành điểm, quả phát cầu được coi là mắt xích đầu tiên trong chuỗi các hoạt động thi đấu, phát cầu càng tốt thì hiệu quả thi đấu càng cao.

Hiện nay, việc giảng dạy kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện cho sinh viên nói chung và sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình nói riêng là nhiệm vụ cần thiết khi học nội dung đá cầu nhằm cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức quan trọng và trang bị cho người học khả năng thực hành đúng về kỹ thuật. Như vậy để giảng dạy cho sinh viên kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện đòi hỏi một hệ thống bài tập khoa học, phù hợp với trình độ của sinh viên. Nhưng với tình hình thực tế hiện nay các giáo trình đá cầu đang áp dụng giảng dạy thì hệ thống các bài tập nhằm phát triển kỹ thuật đá cầu chưa có nhiều hoặc quá ít so với trình độ tập luyện của sinh viên hệ cao đẳng. Từ đó cho thấy cần phải lựa chọn những bài tập phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật đá cầu cho sinh viên. Xuất phát từ lí do trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: ***"Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả phát cầu cao chân chính diện trong học đá cầu cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình"***

## **2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:**

### **2.1. Các phương pháp nghiên cứu lý luận**

- Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu

Chúng tôi tiến hành đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến GDTC và kỹ thuật đá cầu đặc biệt là kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện. Từ đó phân tích, đánh giá, tổng hợp và tiếp thu một cách có chọn lọc các thông tin thu thập được, phục vụ cho

việc nghiên cứu. Phương pháp này nhằm hệ thống hóa các kiến thức và xây dựng cơ sở lí luận cho vấn đề nghiên cứu, giúp chúng tôi lựa chọn và xác định bài tập nâng cao hiệu quả kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện trong học đá cầu cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

## **2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp

Nhằm thu thập các thông tin, thông qua hình thức phỏng vấn trực tiếp, giúp chúng tôi có được những ý kiến và kinh nghiệm từ giáo viên và sinh viên. Chúng tôi tiến hành ghi lại kết quả trả lời, rút ra kết luận khách quan chính xác, từ đó lựa chọn các bài tập phù hợp với sinh viên nhà trường.

- Phương pháp quan sát sư phạm

Chúng tôi quan sát thực trạng việc sử dụng bài tập trong giảng dạy và tập luyện kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện. Từ đó tìm ra những ưu, nhược điểm của việc sử dụng các bài tập, làm cơ sở để lựa chọn, ứng dụng một số bài tập phù hợp nhằm khắc phục và nâng cao hiệu quả kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện trong học đá cầu cho sinh viên.

## **3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU:**

### **3.1. Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện trong học đá cầu cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.**

#### **3.1.1. Mục đích sử dụng bài tập**

Các bài tập được đưa vào giảng dạy nội dung phát cầu cao chân chính diện của đá cầu trong chương trình Giáo dục thể chất cho sinh viên hệ cao đẳng nhằm mục đích:

- Phát triển toàn diện cơ thể người tập, phát triển các tố chất thể lực đặc biệt là tố chất khéo léo trong phối hợp vận động được phát triển tối đa.
- Hình thành và phát triển cảm giác dùng lực trong phát cầu, khi học đá cầu.
- Giúp cơ thể sinh viên thích ứng dần với bài tập, với lượng vận động.
- Thúc đẩy phát triển sức mạnh các nhóm cơ tham gia.
- Nâng cao khả năng linh hoạt, khả năng phán đoán, sự sáng tạo của người tập.
- Tạo tâm lý ổn định, khắc phục sự lo lắng, sợ sệt để đạt được kết quả tốt nhất.
- Lợi dụng đặc điểm cơ bắp, tố chất sẵn có của từng sinh viên để áp dụng các bài tập cụ thể nhằm đạt hiệu quả trong giảng dạy.

- Các bài tập lựa chọn cần đảm bảo tính khoa học đi từ dễ đến khó nhằm nâng cao dần khả năng vận động và thành tích của sinh viên.

### **3.1.2. Căn cứ lựa chọn và xây dựng các bài tập nhằm nâng cao hiệu quả phát cầu trong đá cầu**

- Căn cứ vào mục đích, yêu cầu của phát cầu: Nhanh, mạnh, dứt điểm, biến hóa, chính xác, khéo léo và đúng điểm rơi.

- Căn cứ vào cấu trúc kỹ thuật động tác (kỹ thuật là nhân tố quan trọng đứng ở vị trí trung tâm tác động qua lại và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả đá cầu).

- Căn cứ vào khả năng giảng dạy, huấn luyện của giáo viên và trình độ của SV.

- Căn cứ vào các yếu tố:

+ Đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi sinh viên trong hoạt động TĐTT.

+ Sức khỏe của người tập, phương tiện tập, chương trình và điều kiện tập luyện.

+ Bài tập phải được xây dựng hợp lý, cũng như phân chia tối ưu hoá lượng vận động của từng bài tập hoặc nhóm bài tập. Từ đó có thể đảm bảo phát triển cho sinh viên những tố chất vận động cần thiết.

+ Bài tập được xây dựng dựa trên cơ sở đặc điểm trình độ thể lực cũng như điều kiện trang thiết bị tập luyện của đối tượng giảng dạy.

+ Các bài tập được lựa chọn phải đảm bảo về các nguyên tắc và phương pháp trong giáo dục thể chất.

+ Các bài tập cần có khối lượng tập vừa và nhỏ, số lần lặp lại trung bình, thời gian tập luyện ngắn phù hợp với sức khỏe người học (thời gian thực hiện một bài tập có thể chỉ kéo dài từ 3 - 5 phút).

+ Thời gian nghỉ giữa quãng phụ thuộc vào cường độ bài tập đề ra, mà xây dựng quãng nghỉ hợp lí.

+ Tính chất nghỉ ngơi: Đảm bảo nghỉ ngơi tích cực giúp cơ thể nhanh chóng hồi phục. Tăng cường khả năng tuần hoàn, hô hấp cần hít thở sâu, thả lỏng thoải mái, tránh động tác gò bó.

+ Kết quả của bài tập phụ thuộc vào mục đích, nhiệm vụ, yêu cầu mà GV đề ra.

### **3.1.3. Một số bài tập cụ thể được vận dụng trong quá trình giảng dạy nội dung phát cầu cao chân chính diện**

#### ***Nhóm 1: Các bài tập củng cố, hoàn thiện kỹ thuật động tác***

- Phát cầu cao chân chính diện liên tục vào tường ở cự ly khác nhau

- Phối hợp phát cầu cao chân chính diện có đối kháng
- Phát cầu ngắn khu vực sân trên (phát triển kỹ năng phát cầu tấn công)
- Phát cầu dài khu vực sân dưới (phát triển kỹ năng phát cầu cuối sân)
- Phát cầu cao chân thẳng vào người đối phương hoặc các vị trí đặt mồi khác nhau trên sân

***Nhóm 2: Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn***

- Nhảy dây tốc độ nhanh nhất trong 1 phút (tính số lần)
- Chạy tốc độ cao 30m (tính giây)
- Ngồi xuống đứng lên kết hợp với bật nhảy (tính số lần)
- Bật nhảy co gối trong hố cát (tính số lần)
- Gánh tạ đứng lên ngồi xuống (tạ 10 - 20 kg)
- Tập phát cầu cao chân chính diện liên tục 30 quả (tính thời gian và hiệu quả)

***Nhóm 3: Các bài tập rèn luyện tâm lý***

- Bài tập thi đấu đơn, thi đấu đôi, thi đấu ba người
- Bài tập phát cầu tính điểm

**3.2. Vận dụng phương pháp giảng dạy vào thực tiễn đối với các bài tập đã lựa chọn**

**3.2.1. Giáo viên đưa ra những yêu cầu cụ thể cho sinh viên**

***\* Đối với nhóm các bài tập củng cố, hoàn thiện kỹ thuật động tác***

- Phải nhận biết rõ các cử động của động tác, các giai đoạn của kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện.
- Lần lượt thực hiện kỹ thuật từng giai đoạn, cử động theo một tuần tự hợp lý.
- Khi đã thực hiện được đầy đủ các giai đoạn của kỹ thuật thì sinh viên tiến hành thực hiện hoàn chỉnh kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện.
- Tập thành thực kỹ thuật, sau đó chuyển sang hình thức thi phát cầu tính điểm giữa các nhóm tổ, nhằm kích thích tính tích cực tự giác luyện tập của sinh viên.
- Trong quá trình củng cố, hoàn thiện kỹ thuật động tác, sinh viên cùng giáo viên tìm tòi phát hiện những sai sót thường mắc và tìm ra cách sửa.

***\* Đối với nhóm các bài tập phát triển thể lực chuyên môn***

- Sinh viên tiến hành tập với lượng vận động từ nhẹ đến nặng theo nguyên tắc tăng dần yêu cầu (tăng tiến), tập đúng đủ các bài tập đã lựa chọn.



- Các bài tập phải thực hiện hết lượng vận động đã đề ra nhằm phát triển thể lực chuyên môn. Biết phối hợp sức hợp lí và đảm bảo an toàn khi thực hiện bài tập.

**\* Đối với nhóm các bài tập rèn luyện tâm lý**

- Sinh viên tập luyện trong trạng thái thi đấu để rèn luyện tâm lý, tập phát cầu tính điểm nhằm nâng cao trạng thái kiểm tra, ổn định vững vàng về tâm lý trong hoạt động TDTT.

**3.2.2. Xây dựng giờ dạy có vận dụng một số bài tập đã lựa chọn để nâng cao hiệu quả kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện cho sinh viên**

**TIẾN TRÌNH GIỜ DẠY**

***Nhiệm vụ 1:***

- Giảng giải và làm mẫu toàn bộ kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện, cho sinh viên quan sát tranh của động tác để dễ dàng hình dung kỹ thuật và hình thành biểu tượng chung, cũng như khái niệm về động tác được học.
- Tập các động tác hỗ trợ kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện (không có cầu).
- Thực hiện động tác hỗ trợ kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện (có cầu).

***Nhiệm vụ 2:***

- Dạy tư thế đứng phát cầu cao chân chính diện: Động tác đứng của chân trụ, động tác nâng gối của chân lăng và lăng chân khi tiếp xúc với quả cầu.
- Xác định góc độ chạm cầu (góc độ giữa mu bàn chân với đế quả cầu).
- Xác định đường đi của quả cầu, tốc độ cầu đi và xác định điểm rơi của cầu.

***Nhiệm vụ 3:***

- Thực hiện kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện với yêu cầu kỹ thuật thấp.
- Phát cầu cao chân chính diện liên tục vào tường ở cự ly khác nhau.
- Phát cầu cao chân chính diện thẳng vào người đối phương hoặc các vị trí đặt mốc khác nhau trên sân (2 sinh viên phát cầu cho nhau vào các vị trí quy định trên sân nhiều lần để kỹ thuật thành thục và chính xác).
- Thực hiện một số bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

***Nhiệm vụ 4:***

- Hoàn thiện kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện cho sinh viên
- Phát cầu ngắn khu vực sân trên (phát triển kỹ năng phát cầu tấn công)
- Phát cầu dài khu vực sân dưới (phát triển kỹ năng phát cầu cuối sân)
- Phối hợp phát cầu cao chân chính diện có đối kháng
- Thực hiện các bài tập rèn luyện tâm lý (bài tập phát cầu tính điểm)

### **3.2.3. Những sai lầm thường mắc và cách sửa chữa khắc phục trong tập luyện kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện cho sinh viên**

#### **\* Sai lầm thường mắc:**

- Tư thế cơ bản sai: Chân làm trụ đứng không đúng hoặc trọng tâm cơ thể quá thấp làm ảnh hưởng đến động tác và tốc độ phát cầu. Nguyên nhân là do sinh viên chưa nắm vững được yêu cầu của kỹ thuật.
- Hướng đưa chân lăng sai: Chân lăng đưa từ sau nâng gối lên ra trước để tiếp xúc với quả cầu bị chệch quá nhiều sang phải hoặc quá nhiều sang trái hay nâng gối quá cao so với bàn tay cầm quả cầu. Nguyên nhân là do tay cầm quả cầu, tung cầu lên sai dẫn đến hướng đưa của chân lăng sai hoặc do thói quen tập luyện không cơ bản và chưa nắm được yêu cầu cũng như luật phát cầu.
- Mu bàn chân khi tiếp xúc với cầu sai: Do góc độ và điểm đặt của mu bàn chân chưa đúng, góc độ nghiêng quá hoặc ngửa quá, điểm tiếp xúc với đế cầu ở đầu bàn chân hoặc ở quá sâu, dẫn đến tình trạng quả cầu khi phát đi không qua lưới hoặc bay lên cao nhưng nhẹ để đối phương tấn công ngay. Nguyên nhân là do sinh viên chưa xác định được điểm tiếp xúc cầu.

#### **\* Cách sửa chữa khắc phục:**

- Giáo viên giảng giải và làm mẫu lại kỹ thuật, cho sinh viên nắm vững những yêu cầu của kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện. Cần kết hợp giảng thêm luật phát cầu trong đá cầu cho sinh viên.
- Cho tập lặp đi lặp lại nhiều lần các bài tập mô phỏng kỹ thuật.
- Tập phối hợp tay tung cầu lên cao ngang vai khi cầu rơi xuống nhanh chóng nâng gối chân lăng dùng mu bàn chân tiếp xúc cầu đúng hướng.
- Tập phát cầu cao chân chính diện vào tường để xác định điểm tiếp xúc cầu, hình thành và xây dựng cảm giác đúng (trên tường có vẽ hình lưới tương ứng với độ cao quy định của lưới đá cầu trên sân).

#### **\* Cách tổ chức tập luyện:**

- Khi tập luyện phát cầu cao chân chính diện vào tường nên đứng theo đội hình hàng ngang, đối diện cách tường 2 - 3m, rèn phản xạ đúng.
- Khi sử dụng các bài tập mô phỏng kỹ thuật có thể tổ chức cho sinh viên tập luyện theo đội hình hàng ngang để giáo viên dễ quan sát và sửa chữa kỹ thuật.

- Tổ chức tập luyện phát cầu cao chân chính diện trong sân, nhằm xác định được hướng phát cầu và cảm giác về sân đá cầu. Cần tổ chức tập luyện theo cặp để phục vụ lẫn nhau (một người phát cầu, một người phục vụ đá trả cầu), đồng thời phải xác định các vị trí đặt mốc khác nhau trên sân mà sinh viên cần phát cầu vào đó, nhằm hình thành cảm giác dùng lực đúng mức trong cách phát cầu.

#### **4. KẾT LUẬN**

Qua kết quả nghiên cứu của bài viết, cho phép rút ra kết luận sau:

- Giảng dạy phát cầu cao chân chính diện trong học đá cầu cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình đã được chú trọng và thực hiện đầy đủ nội dung theo phân phối chương trình, song chưa liên tục mà chỉ được thực hiện trong các giờ học bắt buộc của môn học giáo dục thể chất, cho nên khối lượng vận động và các bài tập đưa ra cho sinh viên thực hiện còn ở mức độ thấp, chưa đa dạng, chưa thực sự phát huy hết khả năng vận động và phát triển thể lực của sinh viên.

- Xuất phát từ những vấn đề đã nêu, dựa trên cơ sở khoa học với kinh nghiệm giảng dạy lâu năm, chúng tôi tiến hành tìm hiểu và lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả phát cầu cao chân chính diện trong học đá cầu cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình. Kết quả cho thấy các bài tập mà chúng tôi lựa chọn và vận dụng vào thực tiễn giảng dạy đã thể hiện được tính khả thi và hiệu quả trong học đá cầu. Các bài tập đa dạng hơn, phong phú hơn, khối lượng vận động được nâng lên rõ rệt. Kết quả học đá cầu nội dung phát cầu được cải thiện cao hơn. Sinh viên có ý thức rèn luyện thể lực nâng cao sức khỏe và chủ động tham gia các hoạt động thể dục thể thao. Như vậy các bài tập mà chúng tôi lựa chọn hoàn toàn phù hợp với sinh viên nhà trường trong học nội dung đá cầu, môn học giáo dục thể chất.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương trình giáo dục thể chất trong các trường Cao đẳng - Đại học (Ban hành theo quyết định 203 QĐ TĐTT, của Bộ Giáo dục và Đào tạo).
2. Quy chế đào tạo hệ Cao đẳng - Đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Hướng dẫn thực hiện theo hệ thống tín chỉ, 2017 của trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.
4. Đặng Ngọc Quang, 2004. *Giáo trình đá cầu*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Đồng Văn Triệu - Lê Anh Thơ, 2000. *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học*. NXB TĐTT, Hà Nội.
6. Nguyễn Toán - Phạm Danh Tôn, 2000. *Lý luận và phương pháp TĐTT*. NXB TĐTT, Hà Nội.
7. Bùi Trọng Toại - Lâm Quang Thành, 2002. *Tính chu kỳ trong huấn luyện thể thao*. NXB TĐTT, Hà Nội.

# **LỰA CHỌN MỘT SỐ BÀI TẬP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÁT CẦU TRÁI TAY TRONG HỌC CẦU LÔNG CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÒA BÌNH**

**Vũ Thị Ánh Ngọc**  
**Tổ: LLCT – GDQPAN & GDTC**

## **TÓM TẮT:**

Để đáp ứng yêu cầu môn học Giáo dục thể chất và học phần giáo dục thể chất 3, trong đó có nội dung học cầu lông, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu lựa chọn một số bài tập phù hợp với sinh viên nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả cũng như thành tích khi học cầu lông.

Với mục đích lựa chọn các bài tập hợp lý và sát với thực tế tập luyện của sinh viên, chúng tôi tiến hành phân tích, đánh giá, tổng hợp và tiếp thu một cách có chọn lọc các thông tin thu thập được qua đọc và tham khảo tài liệu. Qua quan sát thực trạng việc sử dụng bài tập trong giảng dạy và tập luyện kỹ thuật phát cầu. Qua phỏng vấn trực tiếp, đồng thời thông qua bài kiểm tra về kỹ thuật phát cầu trái tay của sinh viên đã giúp chúng tôi có được những ý kiến, kinh nghiệm từ giáo viên và sinh viên. Từ đó chúng tôi nghiên cứu lựa chọn các nhóm bài tập cho sinh viên luyện tập. Các bài tập mà chúng tôi lựa chọn được đánh giá sát thực và cụ thể có tính đến lượng vận động, số lần, cự ly, thời gian, những sai lầm thường mắc, cách sửa chữa khắc phục, cách tổ chức tập luyện và hiệu quả thực hiện. Đó là nhóm các bài tập củng cố, hoàn thiện kỹ thuật động tác, các bài tập phát triển thể lực chuyên môn, các bài tập rèn luyện tâm lý phù hợp với sinh viên và đặc thù của môn học cầu lông.

Sau khi vận dụng một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả phát cầu trái tay trong học cầu lông cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình. Kết quả cho thấy các bài tập mà chúng tôi lựa chọn và vận dụng vào thực tiễn giảng dạy đã thể hiện được tính khả thi và hiệu quả của nó trong học cầu lông, khối lượng vận động được nâng lên rõ rệt, các bài tập đa dạng và phong phú hơn. Sinh viên nhận thức tốt về nội dung môn học.

## **1. ĐẶT VẤN ĐỀ:**

Giáo dục thể chất (GDTC) là một trong những thành tố quan trọng trong việc giáo dục nhân cách con người toàn diện, trong đó các bài tập thể dục thể thao (TDTT) là phương tiện để nâng cao sức khỏe cho con người.

Công tác GDTC trong trường học các cấp có vị trí tiền đề trong sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo, GDTC là môn học bắt buộc trong mỗi nhà trường và có vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển toàn diện của lớp trẻ. Bộ GD và ĐT đã đưa vào chương trình môn học GDTC rất nhiều nội dung như: Thể dục, điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền, bóng bàn, bơi, cầu lông, đá cầu..... Các nội dung này khi đưa vào giờ học chính khóa đều được đông đảo sinh viên tham gia tập luyện và đã đem lại hiệu quả trong việc phát triển các tố chất thể lực cũng như rèn luyện ý trí, đạo đức cho người học. Trong số các nội dung đó thì học cầu lông là nội dung phù hợp với mọi đối tượng, giới tính, trình độ.

Trên thực tế, Cầu lông là nội dung luôn đòi hỏi người tập phải có thể lực chung và thể lực chuyên môn, đặc biệt cần có các kỹ thuật cơ bản như: Kỹ thuật phát cầu, kỹ thuật đánh cầu, kỹ thuật đập cầu... Trong thi đấu cầu lông, một trong những hoạt động cơ bản mở đầu cho trận đấu đó là phát cầu, phát cầu được coi là mắt xích đầu tiên trong hoạt động thi đấu, phát cầu là sự khởi đầu của tổ chức tấn công, phát cầu càng tốt thì hiệu quả thi đấu càng cao.

Như vậy, việc giảng dạy kỹ thuật phát cầu cho sinh viên nói chung và sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình nói riêng là nhiệm vụ cần thiết khi học nội dung cầu lông nhằm cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức và trang bị khả năng thực hành đúng về kỹ thuật. Tuy nhiên để giảng dạy cho sinh viên kỹ thuật phát cầu đòi hỏi phải có một hệ thống các bài tập khoa học, phù hợp với trình độ của sinh viên. Nhưng với tình hình thực tế hiện nay do phân phối chương trình học phần GDTC 3 nội dung học cầu lông của sinh viên nhà trường chỉ thực hiện trong 15 tiết, với thời gian hạn chế, thiết bị dụng cụ và điều kiện tập luyện còn thiếu thốn, sinh viên gặp khó khăn trong quá trình tập luyện, nhiều em kết quả kiểm tra thấp chưa đạt yêu cầu. Từ đó cho thấy cần phải lựa chọn những bài tập phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật phát cầu cho sinh viên. Xuất phát từ những vấn đề trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: ***"Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả phát cầu trái tay trong học cầu lông cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình"***

## **2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:**

### **2.1. Các phương pháp nghiên cứu lý luận**

- Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu

Chúng tôi đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến GDTC và kỹ thuật cầu lông đặc biệt là kỹ thuật phát cầu trái tay. Trên cơ sở đó phân tích, đánh giá, tổng hợp

và tiếp thu một cách có chọn lọc các thông tin thu thập được để phục vụ cho việc nghiên cứu. Phương pháp này nhằm mục đích hệ thống hóa các kiến thức và xây dựng cơ sở lí luận cho vấn đề nghiên cứu. Đây chính là cơ sở khoa học để chúng tôi lựa chọn và xác định bài tập nâng cao hiệu quả kỹ thuật phát cầu trái tay trong học cầu lông cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

## **2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

- Phương pháp quan sát sư phạm

Chúng tôi tiến hành quan sát thực trạng việc sử dụng các bài tập trong giảng dạy và tập luyện kỹ thuật phát cầu trái tay. Trên cơ sở đó tìm ra những ưu, khuyết điểm của việc sử dụng các bài tập, làm cơ sở để lựa chọn, ứng dụng bài tập phù hợp nhằm khắc phục và nâng cao hiệu quả kỹ thuật phát cầu trái tay cho sinh viên.

- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp

Nhằm thu thập các thông tin, thông qua hình thức phỏng vấn trực tiếp giúp chúng tôi có được những ý kiến, kinh nghiệm từ giáo viên và sinh viên. Chúng tôi ghi lại kết quả trả lời, rút ra kết luận khách quan chính xác có chất lượng để lựa chọn các bài tập phù hợp với sinh viên nhà trường.

## **3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU:**

### **3.1. Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả phát cầu trái tay trong học cầu lông cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.**

#### **3.1.1. Mục đích sử dụng bài tập**

Các bài tập được đưa vào giảng dạy nội dung phát cầu trái tay của cầu lông trong chương trình GDTC3 cho sinh viên hệ cao đẳng nhằm mục đích:

- Phát triển toàn diện cơ thể người tập, thúc đẩy sức mạnh các nhóm cơ tham gia
- Phát triển các tố chất thể lực, nâng cao tính linh hoạt và độ khéo léo
- Nâng cao khả năng phán đoán, sự sáng tạo của người tập.
- Tạo tâm lý ổn định, khắc phục sự lo lắng, để đạt được kết quả tốt nhất.
- Hình thành và phát triển cảm giác dùng lực trong phát cầu
- Thúc đẩy cơ thể thích ứng dần với lượng vận động ngày càng cao
- Các bài tập lựa chọn đảm bảo tính khoa học đi từ dễ đến khó nhằm nâng cao dần khả năng vận động và thành tích của sinh viên
- Lợi dụng đặc điểm cơ bắp, tố chất sẵn có của từng sinh viên để áp dụng các bài tập cụ thể nhằm đạt hiệu quả trong giảng dạy.

### **3.1.2. Căn cứ lựa chọn và xây dựng các bài tập nhằm nâng cao hiệu quả phát cầu**

- Căn cứ vào mục đích, yêu cầu của phát cầu: Mạnh, tốc độ, biến hóa, chính xác và đúng điểm rơi
- Căn cứ vào cấu trúc kỹ thuật của động tác
- Căn cứ vào khả năng giảng dạy, huấn luyện
- Căn cứ vào các yếu tố:
  - + Cường độ bài tập gồm tốc độ tới hạn và trên tới hạn
  - + Thời gian thực hiện một bài tập có thể kéo dài từ 3 - 5 phút
  - + Thời gian nghỉ giữa quãng phụ thuộc vào cường độ, bài tập đề ra mà xây dựng quãng nghỉ hợp lí
  - + Tính chất nghỉ ngơi: Đảm bảo nghỉ ngơi tích cực giúp cơ thể nhanh chóng hồi phục
  - + Tăng cường khả năng tuần hoàn, hô hấp cần hít thở sâu, thả lỏng thoải mái, tránh động tác gò bó
  - + Kết quả của bài tập phụ thuộc vào mục đích, nhiệm vụ, yêu cầu mà giáo viên đề ra
- Bài tập phải được xây dựng hợp lý, cũng như phân chia tối ưu hoá lượng vận động của từng bài tập hoặc nhóm bài tập. Từ đó có thể đảm bảo phát triển cho sinh viên những tố chất vận động cần thiết.
- Bài tập được xây dựng dựa trên cơ sở đặc điểm của trình độ thể lực cũng như điều kiện trang thiết bị tập luyện của đối tượng giảng dạy.
- Các bài tập được lựa chọn phải đảm bảo về nguyên tắc và phương pháp đặc thù trong giáo dục thể chất.

### **3.1.3. Một số bài tập cụ thể được vận dụng trong quá trình giảng dạy nội dung phát cầu trái tay**

#### ***Nhóm 1: Các bài tập củng cố, hoàn thiện kỹ thuật động tác***

- Phát cầu trái tay thấp gần qua mép trên của lưới vào tường
- Phát cầu trái tay liên tục vào tường ở cự ly khác nhau
- Phát cầu chuẩn vào ô quy định trên sân, ở các vị trí khác nhau
- Phát cầu trái tay lao xa vào ô (phát triển kĩ năng giao cầu tấn công)



- Phát cầu trái tay thấp gắn vào ô (phát triển kỹ năng giao cầu không chế sự tấn công của đối phương)

- Phối hợp phát cầu trái tay có đối kháng

### ***Nhóm 2: Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn***

- Nhảy dây đơn nhanh nhất trong 1 phút (tính số lần)

- Di chuyển con thoi 4x10m (tính thời gian) (s)

- Chồng đẩy liên tục (tính số lần)

- Tay thuận cầm tạ xoay cổ tay liên tục

- Nâng tạ đòn trọng lượng 10 - 20 kg (tính số lần)

- Đứng tại chỗ ném cầu tính thành tích (m), (cm)

- Tập ném bóng cho nhau bằng tay thuận nhịp độ tối đa

- Tập phát cầu trái tay liên tục 30 quả (tính thời gian và hiệu quả)

### ***Nhóm 3: Các bài tập rèn luyện tâm lý***

- Bài tập thi đấu đơn, thi đấu đôi

- Bài tập phát cầu tính điểm

## **3.2. Vận dụng phương pháp giảng dạy vào thực tiễn đối với các bài tập đã lựa chọn**

### **3.2.1. Giáo viên đưa ra những yêu cầu cụ thể cho sinh viên**

- Phải nhận biết rõ các cử động của động tác, các giai đoạn của kỹ thuật phát cầu trái tay

- Lần lượt thực hiện kỹ thuật từng giai đoạn, cử động theo một tuần tự hợp lý

- Khi đã thực hiện được đầy đủ các giai đoạn của kỹ thuật thì sinh viên tiến hành thực hiện hoàn chỉnh kỹ thuật phát cầu

- Tập thành thực kỹ thuật sau đó chuyển sang hình thức thi đua phát cầu tính điểm giữa các nhóm tổ, gây phấn khích, kích thích tính tích cực cho sinh viên.

- Trong quá trình tập luyện sinh viên cùng giáo viên tìm tòi để phát hiện những sai sót thường mắc và đưa ra cách sửa chữa khắc phục.

### **3.2.2. Xây dựng giờ dạy có vận dụng một số bài tập trên để nâng cao hiệu quả kỹ thuật phát cầu trái tay cho sinh viên**

## **TIẾN TRÌNH GIỜ DẠY**

### ***Nhiệm vụ 1:***

- Giới thiệu toàn bộ kỹ thuật phát cầu trái tay, cho sinh viên quan sát tranh ảnh động tác để dễ dàng hình dung kỹ thuật và hình thành biểu tượng chung về động tác được học.

- Tập các động tác hỗ trợ kỹ thuật phát cầu trái tay (không có cầu)

- Thực hiện động tác hỗ trợ kỹ thuật (có cầu)

### ***Nhiệm vụ 2:***

- Dạy tư thế đứng phát cầu trái tay, động tác vung vợt khi tiếp xúc cầu

- Xác định góc độ ra cầu (góc độ giữa mặt vợt với đỉnh của nùm cầu)

- Xác định đường đi của cầu, tốc độ cầu đi và xác định điểm rơi của cầu

### ***Nhiệm vụ 3:***

- Thực hiện kỹ thuật phát cầu trái tay với yêu cầu kỹ thuật thấp

- Phát cầu trái tay thấp gần qua mép trên của lưới vào tường

- Phát cầu trái tay liên tục vào tường ở cự ly khác nhau

- Phát cầu chuẩn vào ô quy định ở các vị trí khác nhau (2 sinh viên phát cầu cho nhau vào ô quy định trên sân nhiều lần để kỹ thuật thành thục và chính xác)

- Thực hiện các bài tập phát triển thể lực chuyên môn

### ***Nhiệm vụ 4:***

- Hoàn thiện kỹ thuật phát cầu trái tay cho sinh viên

- Phát cầu trái tay lao xa vào ô (phát triển kỹ năng giao cầu tấn công)

- Phát cầu trái tay thấp gần vào ô (phát triển kỹ năng giao cầu khống chế sự tấn công của đối phương)

- Phối hợp phát cầu trái tay có đối kháng

- Thực hiện các bài tập rèn luyện tâm lý (bài tập phát cầu tính điểm)

### **3.2.3. Những sai lầm thường mắc và cách sửa chữa khắc phục trong tập luyện kỹ thuật phát cầu cho sinh viên**

#### ***\* Sai lầm thường mắc:***

- Tư thế cơ bản sai: Chân đứng không đúng hoặc trọng tâm cơ thể quá thấp làm ảnh hưởng đến động tác và tốc độ phát cầu. Nguyên nhân là do sinh viên chưa nắm vững được yêu cầu của kỹ thuật.

- Hướng đưa vợt sai: Mặt vợt chúc nhiều xuống mặt sân hoặc quá cao so với bàn tay cầm vợt. Nguyên nhân là do cách cầm vợt sai hoặc do thói quen tập luyện không cơ bản và chưa nắm được yêu cầu cũng như luật giao cầu.
- Mặt vợt khi tiếp xúc cầu sai: Nghiêng quá hoặc ngửa quá dẫn đến tình trạng cầu không qua lưới hoặc bay lên cao nhưng nhẹ để đối phương tấn công ngay.
- Điểm tiếp xúc cầu cao trên thắt lưng dẫn đến vi phạm luật giao cầu. Nguyên nhân là do sinh viên chưa xác định được điểm tiếp xúc với cầu.

**\* Cách sửa chữa khắc phục:**

- Giáo viên giảng giải và thị phạm lại kỹ thuật cho sinh viên nắm vững những yêu cầu của kỹ thuật phát cầu trái tay. Cần kết hợp giảng thêm luật giao cầu cho sinh viên.
- Cho tập lặp lại nhiều lần các bài tập mô phỏng kỹ thuật.
- Tập phát cầu vào tường (trên tường có vẽ hình lưới tương ứng với độ cao quy định của lưới trên sân).

**\* Cách tổ chức tập luyện:**

- Khi sử dụng các bài tập mô phỏng kỹ thuật có thể tổ chức cho sinh viên tập luyện theo đội hình hàng ngang để giáo viên dễ quan sát và sửa chữa kỹ thuật.
- Khi tập luyện kỹ thuật phát cầu trái tay thấp gần vào tường cũng nên đứng theo đội hình hàng ngang đối diện cách tường 2 - 2,5m. Trên tường có vẽ hình lưới tương ứng với độ cao quy định của lưới trên sân để sinh viên tập luyện phát cầu vào tường sao cho chỉ cách mép trên của lưới 3 - 10cm nhằm xây dựng cảm giác đúng trong giao cầu.
- Khi hoàn thiện kỹ thuật nhất thiết phải tổ chức cho sinh viên được tập luyện phát cầu trong sân để xác định được hướng phát cầu và cảm giác về sân cầu lông, cảm giác dùng lực đúng mức trong mỗi cách giao cầu.
- Tổ chức tập luyện phát cầu trong sân cần tổ chức theo cặp để phục vụ lẫn nhau (một người phát cầu, một người phục vụ đánh trả cầu), đồng thời cần xác định các điểm chuẩn mà sinh viên cần phát cầu vào đó. Có thể xác định điểm chuẩn bằng cách đặt các quả cầu khác nhau trong khu vực phát cầu hoặc vẽ các ô ở mỗi góc cần thiết phải phát cầu vào đó,

#### **4. KẾT LUẬN**

Qua kết quả nghiên cứu của bài viết, cho phép rút ra kết luận sau:

- Việc giảng dạy phát cầu trái tay trong học cầu lông cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình cũng đã được chú trọng thực hiện đầy đủ nội dung theo phân

phối chương trình, song chưa mang tính toàn diện, liên tục mà chỉ được thực hiện đơn điệu trong các giờ học bắt buộc của môn học giáo dục thể chất 3 cho nên khối lượng vận động và các bài tập đưa ra cho sinh viên thực hiện ở mức độ còn thấp chưa đa dạng chưa thực sự phát huy hết khả năng vận động của sinh viên.

- Từ những vấn đề đó, dựa trên cơ sở khoa học và bằng kinh nghiệm giảng dạy lâu năm, chúng tôi đã nghiên cứu lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả phát cầu trái tay trong học cầu lông cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình. Kết quả cho thấy các bài tập mà chúng tôi lựa chọn và vận dụng vào thực tiễn giảng dạy đã thể hiện được tính khả thi và hiệu quả của nó trong học cầu lông, khối lượng vận động được nâng lên rõ rệt, các bài tập đa dạng và phong phú hơn. Ngoài ra sinh viên còn nhận thức tốt về nội dung môn học, có ý thức rèn luyện thể lực nâng cao sức khỏe, chủ động tham gia các hoạt động phong trào thể dục thể thao cũng như tham gia giải cầu lông do nhà trường tổ chức. Như vậy các bài tập mà chúng tôi lựa chọn hoàn toàn phù hợp với sinh viên nhà trường trong quá trình học giáo dục thể chất 3 nói chung và môn cầu lông nói riêng.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chương trình giáo dục thể chất trong các trường Cao đẳng - Đại học (Ban hành theo quyết định 203/QĐ-TĐT, của Bộ Giáo dục và Đào tạo).
2. Quy chế đào tạo hệ Cao đẳng - Đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Hướng dẫn thực hiện theo hệ thống tín chỉ, 2017 của trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.
4. Trần Văn Vinh, 2003. *Giáo trình cầu lông*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
5. Đồng Văn Triệu - Lê Anh Thơ, 2000. *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học*. NXB TĐTT, Hà Nội.
6. Nguyễn Toán - Phạm Danh Tôn, 2000. *Lý luận và phương pháp TĐTT*. NXB TĐTT, Hà Nội.
7. Bùi Trọng Toại - Lâm Quang Thành, 2002. *Tính chu kỳ trong huấn luyện thể thao*. NXB TĐTT, Hà Nội.
8. V.N. Platonov, 1980. *Huấn luyện cầu lông hiện đại*. NXBTĐTT, Hà Nội

